

Số: 19 /CB2026-FT1

Thái Nguyên, ngày 06 tháng 05 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi:

- Ủy Ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Phụ tùng máy số 1 (FUTU1)

Mã chứng khoán: FT1

Địa chỉ: Đường 3/2, tổ 10, Phường Bá Xuyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

Điện thoại (0208)3862-396

Loại thông tin công bố: Định kỳ

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Đức Giang - Người được uỷ quyền công bố thông tin, Số điện thoại: 0963467111

2. Nội dung báo cáo/ Công bố thông tin:

FUTU1 Thông báo mời họp và công bố thông tin Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

FUTU1 trân trọng công bố thông tin này để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và các đơn vị liên quan biết, đồng thời thực hiện công bố ra công chúng theo quy định.

3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của FUTU1 vào ngày 06/05/2026 tại đường dẫn <http://futu1.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết những thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

Thông báo mời họp và tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của FUTU1.

Đại diện tổ chức
Người được UQCBTT


Nguyễn Đức Giang



CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ TÙNG MÁY SỐ 1

Địa chỉ: Đường 3/2, tổ 10, phường Bá Xuyên, T. Thái Nguyên

Điện thoại: 0208.386.2396 Website: www.futu1.com.vn

THÔNG BÁO MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Phụ tùng Máy số 1 (FUTU1)

Hội đồng Quản trị FUTU1 kính mời Quý cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (Đại hội) với thông tin chi tiết như sau:

1. Thời gian: 08 giờ 30 phút, Thứ 5, ngày 28/05/2026 (đón Đại biểu từ 7h30p ÷ 8h30p).
2. Địa điểm: Hội trường FUTU1, đường 3/2, tổ 10, P. Bá Xuyên, tỉnh Thái Nguyên.
3. Nội dung Đại hội: Chi tiết về Chương trình Đại hội sẽ được đính kèm trong Thư mời này.

4. Thành phần tham dự: Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của FUTU1 tại ngày chốt danh sách tham dự Đại hội ngày 28/04/2026 có quyền tham dự Đại hội.

5. Thời gian đăng ký và xác nhận tham dự Đại hội: Để tổ chức chương trình Đại hội diễn ra tốt đẹp, đề nghị Quý cổ đông xác nhận việc tham dự Đại hội (hoặc ủy quyền tham dự) theo mẫu Giấy xác nhận/Giấy ủy quyền tham dự được đính kèm thông báo này và đăng tải Website FUTU1 trực tiếp/bằng thư/email về địa chỉ Công ty trước ngày 25/05/2026.

Địa chỉ nhận đăng ký tham dự: Văn phòng Công ty, Công ty CP Phụ tùng Máy số 1, đường 3/2, tổ 10, P. Bá Xuyên, tỉnh Thái Nguyên, email nguyenducgiang@futu1.com.vn

6. Tài liệu đại hội: Quý Cổ đông vui lòng xem trên Website của FUTU1 tại địa chỉ <http://www.futu1.com.vn> kể từ ngày 06/05/2026.

7. Vấn đề khác:

- Cổ đông không trực tiếp tham dự có thể ủy quyền cho người/tổ chức khác tham dự. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba.

- Cổ đông hoặc Bên nhận ủy quyền đến dự Đại hội vui lòng mang theo Thư mời họp, CCCD/Hộ chiếu hợp lệ, Giấy ủy quyền tham dự họp Đại hội của FUTU1 (trường hợp nhận ủy quyền tham dự Đại hội).

- Mọi chi phí đi lại, ăn ở và các chi phí khác trong thời gian dự họp Đại hội do người tham dự tự chi trả.

Mọi thắc mắc hoặc đóng góp ý kiến, xin liên hệ với Ban Tổ chức Đại hội tại địa chỉ trên hoặc qua số điện thoại: **0963467111** hoặc **0975812121**.

Thông báo này thay cho thư mời dự họp Đại hội trong trường hợp Quý cổ đông có quyền dự họp Đại hội nhưng chưa nhận được thư mời vì lý do thất lạc trong quá trình chuyển phát.

Trân trọng kính mời./.

Thái Nguyên, ngày 06 tháng 05 năm 2026



Ngô Văn Thái

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN/ỦY QUYỀN THAM DỰ

Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty CP Phụ tùng Máy số 1 (FUTU1)

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên FUTU1

Tên cổ đông (hoặc đại diện tổ chức):

Địa chỉ:

Số CCCD/Hộ chiếu:..... Ngày cấp:.....

Nơi cấp:

(Hoặc) Mã số đăng ký doanh nghiệp:.....

Nơi cấp cấp ngày

Điện thoại:.....Fax:..... Email.....

Số cổ phần sở hữu:.....

(Bằng chữ:.....)

Tôi/Chúng tôi đã nhận được Thư mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 FUTU1, nay xác nhận sẽ tham dự Đại hội theo hình thức sau đây:

- Trực tiếp tham dự Đại hội:

- Ủy quyền cho người Đại diện tham dự Đại hội:

(Cổ đông lựa chọn trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền cho người đại diện tham dự Đại hội thì đánh dấu (x) vào ô tương ứng sau đó ký và ghi rõ họ, tên dưới dòng “cổ đông/người ủy quyền”; người được ủy quyền ký vào dưới dòng “người được ủy quyền” và ghi rõ họ, tên).

ỦY QUYỀN CHO:

Ông (Bà):

Ngày sinh:.....Điện

thoại:.....

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:,Ngày cấp:

Nơi cấp:

Số cổ phần ủy quyền:

(Bằng chữ:.....)

....., ngày ... tháng năm 2026

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

CỔ ĐÔNG/NGƯỜI ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Ghi chú:

- Cổ đông ủy quyền cho người đại diện khác thì phải khai theo các nội dung ở phần « Ủy quyền cho : »

- Trường hợp không có người ủy quyền, cổ đông có thể ủy quyền cho ông Trần Đức Hưng, Giám đốc (số CCCD: 019073001585, cấp ngày 20/04/2021 tại Cục cảnh sát);

- Giấy ủy quyền này chỉ có giá trị khi là Bản chính và có chữ tươi bằng mực không phai (không được dùng mực đỏ) của hai bên, nếu bên ủy quyền hoặc bên nhận ủy quyền là tổ chức thì phải có chữ ký của đại diện pháp luật và đóng dấu của tổ chức. Giấy ủy quyền này sẽ hết giá trị khi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 FUTU1 kết thúc; Người nhận ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác;

- Đề nghị Quý cổ đông gửi Giấy đăng ký tham dự/Giấy ủy quyền theo địa chỉ: Văn phòng FUTU1, đường 3/2, tổ 10, phường Bá Xuyên, tỉnh Thái Nguyên trước ngày 25 tháng 05 năm 2026.



CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ TÙNG MÁY SỐ 1

Địa chỉ: Đường 3/2, tổ 10, phường Bá Xuyên, T. Thái Nguyên

Điện thoại: 0208.386.2396 Website: www.futu1.com.vn

CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ TÙNG MÁY SỐ 1 (FUTU1)

Thời gian: 08h30p, Thứ 5, ngày 28 tháng 5 năm 2026.

Địa điểm: Hội trường FUTU1, đường 3/2, tổ 10, phường Bá Xuyên, tỉnh Thái Nguyên.

Thời gian	Nội dung chi tiết
07h30 ÷ 08h30	Đại biểu đăng ký tham dự Đại hội <ul style="list-style-type: none">- Đón tiếp, đăng ký tham dự cho các đại biểu- Kiểm tra tư cách cổ đông, phát tài liệu
8h30 ÷ 9h00	Khai mạc đại hội <ul style="list-style-type: none">- Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu- Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông- Giới thiệu thành phần Đoàn chủ tịch, mời Đoàn chủ tịch lên làm việc- Thông qua Ban thư ký, Ban kiểm phiếu tại đại hội- Thông qua chương trình và nội dung họp- Thông qua Dự thảo Quy chế làm việc và biểu quyết
9h00 ÷ 10h15	Trình bày các báo cáo <ol style="list-style-type: none">1. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2025, kế hoạch SXKD năm 20262. Báo cáo kết quả hoạt động năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 của HĐQT3 Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025 Trình bày các tờ trình <ol style="list-style-type: none">1. Tờ trình về việc phê duyệt danh sách đơn vị kiểm toán BCTC năm 2026 của FUTU1.2. Tờ trình về việc phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025 và thông qua kế hoạch Quỹ tiền lương, thù lao 2026 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.3. Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025.



Thời gian	Nội dung chi tiết
	<p>4. Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.</p> <p>5. Tờ trình về việc thay đổi mã ngành nghề kinh doanh</p> <p>6. Tờ trình thông qua Điều lệ, các quy chế sửa đổi bổ sung (cập nhật quy định hiện hành).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình thông qua các Dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị - Tờ trình thông qua Dự thảo sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát
10h15÷10h55	- Đại hội thảo luận
	- Phát biểu của Đại diện Lãnh đạo VEAM <i>- Đại diện Hội đồng Quản trị đáp từ.</i>
	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn biểu quyết các Báo cáo và tờ trình - Bỏ phiếu biểu quyết các báo cáo, tờ trình
10h55÷11h25	Đại hội giải lao, Ban kiểm phiếu thực hiện nhiệm vụ
	<ul style="list-style-type: none"> - Công bố kết quả biểu quyết, các báo cáo, tờ trình <p>Thông qua Biên bản và Nghị quyết của đại hội Tuyên bố bế mạc Đại hội</p>

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Ngô Văn Thái



TÀI LIỆU HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

- 1- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch năm 2026
- 2- Báo cáo hoạt động năm 2025 và kế hoạch năm 2026 của Hội đồng quản trị
- 3- Báo cáo hoạt động năm 2025 của Ban kiểm soát
- 4- Tờ trình phê duyệt danh sách đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026
- 5- Tờ trình phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025 và kế hoạch năm 2026 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát
- 6- Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025
- 7- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán
- 8- Tờ trình về việc thay đổi mã ngành nghề kinh doanh
- 9- Tờ trình thông qua các Dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (*Đính kèm Phụ lục nội dung sửa đổi, bổ sung và Dự thảo Điều lệ và các Quy chế*)
- 10- Tờ trình thông qua Dự thảo sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (*Đính kèm Phụ lục nội dung sửa đổi, bổ sung và Dự thảo Quy chế*)
- 11- Quy chế làm việc và biểu quyết tại Đại hội
- 12- Mẫu thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết
- 13- Dự thảo biên bản kiểm tra tư cách cổ đông
- 14- Dự thảo biên bản kiểm phiếu
- 15- Dự thảo Biên bản Đại hội
- 16- Dự thảo Nghị quyết Đại hội

Số:/BC-GĐ

Thái Nguyên, ngày.....tháng.....năm 2026



BÁO CÁO
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH 2025
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

Phần thứ nhất
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH 2025

I. Đặc điểm, tình hình

1. Tình hình kinh tế xã hội

Năm 2025, tình hình thế giới tiếp tục biến động nhanh, phức tạp, khó lường, tác động, ảnh hưởng đến hầu hết các quốc gia, khu vực trên phạm vi toàn cầu, nhất là: quan điểm quá khác biệt giữa các bên liên quan tới cuộc xung đột giữa Nga – Ukraine, giữa Mỹ, Israel - Iran hiện nay khiến việc tìm kiếm một giải pháp hòa bình vẫn đang gặp rất nhiều khó khăn.

Ở trong nước, chúng ta có những thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn. Nền kinh tế Việt Nam đang phát triển, trong quá trình chuyển đổi, có độ mở lớn, quy mô còn khiêm tốn, sức chống chịu, năng lực cạnh tranh còn hạn chế, năng suất lao động chưa cao nên chịu tác động mạnh từ bên ngoài trên nhiều lĩnh vực, nhất là về xuất khẩu, thương mại, đầu tư, tài chính, tiền tệ, tỷ giá, lãi suất; các chuỗi cung ứng bị đứt gãy.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chủ động, quyết liệt, sát sao chỉ đạo các Bộ, ngành triển khai nhiều giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy tăng trưởng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, các cân đối lớn. Nhiều giải pháp đã được tích cực triển khai thực hiện như: giảm mặt bằng lãi suất cho vay, ổn định thị trường ngoại hối; bình ổn thị trường vàng, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công; triển khai các gói tín dụng hỗ trợ các ngành, lĩnh vực; miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, tiền sử dụng đất, hỗ trợ doanh nghiệp; miễn và gia hạn visa cho khách du lịch; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của thị trường trái phiếu doanh nghiệp, bất động sản; công tác an sinh xã hội được quan tâm thực hiện.

2. Tình hình thị trường xe máy trong nước

Năm 2025 thị trường xe máy phục hồi nhẹ sau giai đoạn suy giảm kéo dài. Trong những năm trước, doanh số của VAMM giảm dần đều từ mức 3,3 triệu xe (năm 2018) xuống còn 2,5 triệu xe (năm 2023). Chỉ duy nhất năm 2022, doanh số tăng trưởng do nhu cầu mua sắm và đi lại tăng đột biến sau đại dịch Covid-19.

Năm 2026 được xem là thời điểm bản lề, đánh dấu quá trình định hình lại thị trường xe máy tại Việt nam khi các quy định hạn chế xe máy sử dụng động cơ xăng

bắt đầu có hiệu lực rõ ràng hơn tại nhiều đô thị lớn. Dù lộ trình chuyển đổi đã được nhắc đến từ nhiều năm trước, nhưng đến năm 2026, các yếu tố pháp lý, hạ tầng và hành vi tiêu dùng mới thực sự hội tụ, tạo ra bước ngoặt mang tính cấu trúc cho toàn thị trường.

Đặc biệt, năm 2026 do tình hình bất ổn địa chính trị giữa các quốc gia Mỹ, Israel với Iran và Nga với Ukraine dẫn đến các loại vật tư hàng hoá tăng đột biến, đặc biệt là dụng cụ cắt. Một số vật tư hàng hoá về chậm do vận chuyển.

II. Kết quả sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2025

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính SXKD năm 2025 so với NQ ĐHĐCĐ

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2024	KH 2025	TH 2025	TH 2025/TH 2024 (%)	TH2025/KH2025 (%)
1	Giá trị sản xuất công nghiệp	Tỷ đồng	889,24	925	905,68	101,85	97,91
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	923,48	960	944,49	102,28	98,38
	- Doanh thu BH&CCDV	Tỷ đồng	920,49	960	938,81	101,99	97,79
	- Doanh thu HĐ tài chính và thu nhập khác	Tỷ đồng	2,99	0	5,68	189,97	-
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	87,87	68	78,47	89,30	115,40
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	69,43	54,4	62,39	89,86	114,69
5	Giá trị đầu tư sau thuế	Tỷ đồng	27,97	42,471	41,624	148,82	98
6	Thu nhập BQ của người lao động	Tỷ đồng	15,56	14,55	15,78	101,41	108,45
7	Đã nộp ngân sách nhà nước	%	100%	100%	100%	100	100

Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2025 đạt 905,68 tỷ đồng, bằng 97,91% kế hoạch năm 2025 và bằng 101,85% so với thực hiện năm 2024. Tổng doanh thu đạt 944,49 tỷ đồng trong đó doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 938,81 tỷ đồng, bằng 97,79% kế hoạch năm 2025 và bằng 101,98% so với thực hiện năm 2024. Lợi nhuận sau thuế đạt 62,39 tỷ đồng, bằng 114,69% kế hoạch năm 2025 và bằng 89,86% so với thực hiện năm 2024.

Trong năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của FUTU1 tiếp tục chịu tác động từ những biến động của thị trường, đặc biệt là xu hướng giảm của thị trường xe máy sử dụng động cơ đốt trong, trong khi các phương tiện sử dụng năng lượng điện đang phát triển. Trước những thay đổi này, Công ty đã chủ động phát triển và mở rộng danh mục sản phẩm cơ khí ngoài lĩnh vực phụ tùng xe máy, đồng thời tăng cường phát triển các sản phẩm phục vụ xuất khẩu nhằm giảm sự phụ thuộc vào thị trường truyền thống.

Nhờ định hướng trên, hoạt động xuất khẩu tiếp tục duy trì tăng trưởng, sản lượng xuất khẩu năm 2025 tăng khoảng 12% so với năm trước, góp phần bù đắp sự sụt giảm của một số sản phẩm phụ tùng xe máy truyền thống. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục duy trì và mở rộng hợp tác với một số khách hàng trong lĩnh vực cơ khí, ô tô trong nước và các đối tác tại thị trường châu Âu.

Song song với việc mở rộng thị trường và phát triển sản phẩm, Công ty tiếp tục chú trọng công tác quản lý chi phí. Kế hoạch chi phí được xây dựng và kiểm soát theo tháng, quý và năm, giúp các đơn vị chủ động trong điều hành sản xuất và góp phần đảm bảo mục tiêu lợi nhuận. Các biện pháp tiết giảm chi phí được triển khai đồng bộ, trong đó công tác quản lý tồn kho có chuyển biến tích cực so với cùng kỳ.

Ngoài ra, Công ty tiếp tục mở rộng sử dụng một số loại nguyên vật liệu thay thế phù hợp nhằm tối ưu chi phí sản xuất. Giá nguyên vật liệu bình quân trong năm 2025 duy trì ở mức tương đối ổn định, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh chung của Công ty.

2. Đánh giá kết quả thực hiện các mặt hoạt động của công ty năm 2025.

2.1. Công tác thị trường 2025.

Công tác phát triển sản phẩm và thị trường luôn được quan tâm với định hướng cụ thể là:

Duy trì và mở rộng thêm sản phẩm xe máy của các khách hàng truyền thống; phát triển các sản phẩm mới có độ chính xác cao hướng đến xuất khẩu phục vụ cho khách hàng của công ty như Honda, Atsumitec, Yamaha, Piaggio, MAP...

Tiếp cận và cung cấp thêm các sản phẩm mới, đồng thời tiếp tục phát triển các sản phẩm, khách hàng ngoài xe máy như Vinfast, Schaeffler, KDH, Krico, EKD, Thaco, Toyota... giảm dần sự phụ thuộc vào hàng xe máy.

Xúc tiến thị trường xuất khẩu, bao gồm cả xuất khẩu gián tiếp và xuất khẩu trực tiếp. Trước mắt, đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng phụ tùng xe máy và các mặt hàng thế mạnh khác.

Trong năm 2025, Công ty đã phát triển, đưa vào sản xuất 149 sản phẩm mới cho 11 khách hàng trong và ngoài nước, chủ yếu của Thaco, Schaeffler, Sumitomo Heavy Industries, Piaggio, Tibico, EKD, HTV...

2.2. Công tác đầu tư.

Trong năm 2025, Công ty đã đầu tư mua sắm được 20 hạng mục bao gồm gia công cơ khí, máy cà biên dạng, máy đo độ cứng, máy mài và đánh bóng mẫu tự động, máy cắt mẫu, xe ô tô 7 chỗ... cùng với hạng mục lắp đặt trạm bơm tổng, hệ thống đường ống dẫn nước, hòng nước chữa cháy với giá trị đầu tư sau thuế đã giải ngân là 41,624 tỷ đồng.

Các máy móc thiết bị được đưa vào sản xuất kịp thời bổ sung tăng năng lực một số dây chuyền sản xuất và thay thế một số thiết bị cũ, lạc hậu không đảm bảo chất lượng sản xuất theo hướng tăng năng suất và chất lượng sản phẩm để giảm chi phí sản xuất tăng hiệu quả kinh doanh

2.3. Công tác tài chính.

Thực hiện đúng theo quy định của Luật kế toán và các quy định có liên quan của Nhà nước.

Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước.

Đảm bảo đủ nguồn vốn phục vụ tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.4. Công tác nhân sự, tiền lương.

Nhân lực của Công ty vẫn duy trì sự ổn định, không có biến động hay bất thường. Người lao động được đảm bảo có việc làm và thu nhập ổn định, đóng bảo hiểm đầy đủ theo quy định.

Số lao động tăng trong kỳ là 08 người, số lao động giảm trong kỳ là 33 người. Lao động bình quân Công ty năm 2025 là 1.075 người bằng 97,99% so với cùng kỳ năm 2024. Độ tuổi lao động bình quân hiện tại là 42 tuổi.

Năm 2025, thu nhập bình quân đạt trên 15 triệu đồng/người/tháng.

2.5. Công tác khác.

Hệ thống quản lý theo ISO-5S duy trì và cải tiến thường xuyên góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường theo đúng quy định của Nhà nước.

Đã hoàn thành việc cấp chứng nhận hệ thống quản lý An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn ISO 45001:2018

Tổ chức huấn luyện an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy theo kế hoạch đề ra, đảm bảo chất lượng.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

1. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026
1	Giá trị SXCN	Tỷ.Đ	905,68	986
2	Tổng doanh thu	Tỷ.Đ	944,49	1.034 ✓
	- Doanh thu BH&CCDV	Tỷ.Đ	938,81	1.033 ✓
	- Doanh thu HĐ tài chính và thu nhập khác	Tỷ.Đ	5,68	1 ✓
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.Đ	78,47	72,5
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ.Đ	62,39	58
5	Thu nhập BQ của người lao động	Tr.Đ	15,78	16,83
6	Nộp ngân sách nhà nước	%	100	100

Trong cơ cấu tổng doanh thu kế hoạch năm 2026, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là chỉ tiêu gắn trực tiếp với hoạt động sản xuất kinh doanh chính và khả năng điều hành, kiểm soát của Công ty, đề xuất Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua mức doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là 1.033 tỷ đồng (tăng 10% so với thực hiện năm 2025). Đối với doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác, đây là các khoản doanh thu mang tính phát sinh bị động, phụ thuộc nhiều vào yếu tố khách quan và không phải hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

5846
GT
PHÂN
CUNG
SỐ 1
T. TH

2. Những thuận lợi, khó khăn thách thức trong triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.

2.1 Thuận lợi

Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 đặt mục tiêu tăng trưởng hai con số từ năm 2026, điều này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho thị trường trong nước phát triển.

Dung lượng thị trường xe máy xăng năm 2026 vẫn đạt mức khoảng 2,5 triệu xe, trong đó Honda Việt Nam, khách hàng lớn nhất của FUTU1 dự kiến 2.0 triệu xe, vì vậy mặt hàng xe máy trong ngắn hạn vẫn mang đến doanh thu và lợi nhuận để Công ty xây dựng mục tiêu đầu tư, phát triển trong trung và dài hạn.

Theo dự kiến, sản lượng xuất khẩu trong năm 2026 vẫn sẽ tiếp tục tăng trưởng so với năm 2025, đây là một tín hiệu rất tốt thể hiện chủ trương đúng đắn của Công ty trong việc mở rộng thị trường xuất khẩu

Một số nhóm sản phẩm mới trọng điểm sẽ vào sản xuất loạt với sản lượng tương đối lớn, như nhóm chi tiết của Haothing, Powernice, Asa Abloy, Tibico... góp phần vào doanh thu năm 2026.

Các hệ thống quản lý của công ty được vận hành hiệu quả, các dây chuyền sản xuất thường xuyên được đầu tư nâng cấp, cải tạo, sắp xếp phù hợp với từng thời điểm, đảm bảo KHSX kinh doanh.

2.1. Khó khăn

Lộ trình cấm xe xăng tại Hà Nội theo Chỉ thị 20/CT-TTg của chính phủ cũng như các đô thị lớn sẽ làm sản lượng xe máy xăng giảm sâu trong thời gian tới. Cụ thể tháng 8/2025 HVN đã thông báo cắt giảm sản lượng đột ngột kỳ 102 khoảng 280.000 nghìn xe.

Sự phát triển nhanh của xe điện, xe máy điện do có định hướng và hỗ trợ của chính phủ sẽ làm thu hẹp dần thị trường xe máy sử dụng động cơ đốt trong, trong khi số lượng chi tiết của Công ty tham gia vào thị trường xe điện còn rất hạn chế.

Sự cạnh tranh của các nhà cung cấp trong nước và trên khu vực; yêu cầu hạ giá của khách hàng là sức ép lớn về doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Việt Nam vẫn đối mặt với không ít khó khăn, thách thức, chủ yếu do các nguyên nhân như tình hình kinh tế- chính trị khu vực, thế giới diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nhiều rủi ro về tăng trưởng, lạm phát, giá dầu, ổn định tài chính, chuỗi cung ứng sản xuất, tiêu dùng...

Tình hình thế giới dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường. Những tác động của xung đột chính trị kéo dài, chính sách thuế quan của Mỹ, biến đổi khí hậu, thiên tai ... ảnh hưởng đến nhiều lĩnh vực của các nước.

3. Các nhiệm vụ và giải pháp triển khai năm 2026

Tăng cường công tác bán hàng, bao gồm cả hàng khách lẻ, hàng phụ tùng xe máy, sản phẩm cuộc bàn với mục tiêu tăng doanh thu; chuẩn bị các điều kiện đáp ứng nhanh nhất đơn hàng của khách hàng.

Tăng cường việc tiếp xúc khách hàng, tìm kiếm khách hàng mới, sản phẩm mới phù hợp với năng lực và xu hướng phát triển của Công ty.

Duy trì công tác lập kế hoạch vật tư, kiểm soát tiêu hao vật tư, kiểm soát tồn kho vật tư, tồn kho sản phẩm hợp lý, cải tiến rút ngắn thời gian sản xuất sản phẩm, tránh tồn đọng vốn.

Thường xuyên quan tâm việc rà soát, kiểm tra thực hiện công tác cải tiến, tiết giảm chi phí.

Đẩy nhanh tiến độ sản xuất sản phẩm mới, sản xuất mẫu nhằm rút ngắn thời gian, tiến độ thực hiện, nhanh chóng đưa sản phẩm mới vào sản xuất, tăng doanh thu.

Tiếp cận, triển khai áp dụng các giải pháp quản trị, quản lý sản xuất, quản lý công việc nhằm nâng cao hiệu quả công việc, hiệu quả sản xuất kinh doanh, đặc biệt là ứng dụng chuyển đổi số vào sản xuất, hoàn thiện các module trên phần mềm VEAM theo đúng kế hoạch đề ra.

Tăng cường công tác thăm quan, học hỏi đào tạo chuyên môn, đào tạo lý luận nhằm nâng cao năng lực quản lý, quản trị, vai trò tiên phong, gương mẫu, dẫn dắt đối với lãnh đạo, cán bộ quản lý, nâng cao tay nghề người lao động.

Nghiên cứu áp dụng công nghệ mới, tối ưu các quy trình sản xuất từ tạo phối, gia công cơ khí mục tiêu giảm chi phí, tăng năng xuất, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm.

Mở rộng thị trường xuất khẩu: Nắm bắt cơ hội từ việc tăng cường xuất khẩu sản phẩm, đặc biệt là đối tác chính như Piaggio Italia, Sumitomo Philippines INC, Sumitomo Nacco, Công ty Toyota VN, Công ty EKD Italia, Công ty MAP

Triển khai thực hiện đầu tư các máy móc thiết bị theo kế hoạch để bổ sung kịp thời năng lực gia công tại các nguyên công quan trọng và nút thắt trong sản xuất.

Triển khai hợp tác sản xuất với nhà cung cấp bên ngoài nhằm tận dụng năng lực thiết bị sản xuất của nhà cung cấp, nắm bắt kịp thời cơ hội sản xuất với khách hàng trong bối cảnh thời gian đầu tư thiết bị không đáp ứng được tiến độ đơn hàng.

Tăng cường tìm hiểu các đơn vị thành viên trong VEAM để hợp tác sản xuất trên nguyên tắc khai thác các thế mạnh, giảm giá thành sản xuất tăng khả năng cạnh tranh của Công ty trên thị trường.

Chuẩn bị cũng như sẵn sàng đầu tư thiết bị công nghệ đáp ứng sản xuất ... khi có các đối tác và sản phẩm mới cũng như công nghệ xanh sạch...

Trên đây là Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng kính trình./.

**TM. BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY
GIÁM ĐỐC**

Nơi nhận:

- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: VP, TKHĐQT.


Trần Đức Hưng

Số: .../BC-HĐQT

Thái Nguyên, ngày ... tháng ... năm 2026

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2026**

DỰ THẢO SỐ 1

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Phụ tùng Máy số 1 (FUTU1) theo quy định của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều lệ FUTU1. HĐQT trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động năm 2025 và kế hoạch năm 2026, cụ thể như sau:

I. CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Theo quy định tại Điều lệ FUTU1 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, Hội đồng quản trị FUTU1 gồm 05 thành viên, trong đó có 03 thành viên là người đại diện phần vốn của VEAM.

Trong năm 2025, HĐQT không có biến động về nhân sự. HĐQT duy trì cơ cấu gồm các thành viên điều hành và không điều hành, đảm bảo hoạt động quản trị được thực hiện liên tục và phù hợp với yêu cầu quản lý của Công ty.

Danh sách cụ thể như sau:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, TV HĐQT không điều hành)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Ngô Văn Thái	Chủ tịch HĐQT không điều hành	25/04/2024	
2	Ông Trần Đức Hưng	Thành viên HĐQT Giám đốc	25/04/2024	
3	Ông Nguyễn Đức Dũng	Thành viên HĐQT Phó Giám đốc	25/04/2024	
4	Ông Vũ Duy Hải	Thành viên HĐQT Phó Giám đốc	25/04/2024	
5	Ông Hồ Ngọc Vinh	Thành viên HĐQT không điều hành	25/04/2024	

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị FUTU1 đã thực hiện đầy đủ chức năng, quyền hạn theo Điều lệ Công ty và quy định pháp luật, đồng thời chủ động chỉ đạo,

giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, qua đó duy trì sự ổn định trong hoạt động của Công ty trong bối cảnh kinh tế – thị trường còn nhiều thách thức.

Các thành viên HĐQT tham dự đầy đủ các cuộc họp, trao đổi, thảo luận và ra quyết định về các vấn đề thuộc thẩm quyền, đồng thời thực hiện các nội dung và nhiệm vụ đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2025 thông qua, phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành và Ban Kiểm soát nhằm tăng cường hiệu quả công tác quản trị và giám sát.

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức 25 phiên họp định kỳ và đột xuất, ban hành 51 Nghị quyết và 14 Quyết định nhằm kịp thời chỉ đạo, điều hành các hoạt động quan trọng của Công ty. Danh sách các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT ban hành trong năm 2025 đã được lập mục riêng trên Báo cáo tình hình quản trị năm 2025. Báo cáo này đã được công bố tại mục Quan hệ cổ đông trên trang thông tin điện tử của FUTU1 tại địa chỉ <http://futu1.com.vn/> từ ngày 23/01/2026 và trên các hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quy định.

Nội dung các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT FUTU1 năm 2025 thông qua một số vấn đề chính sau:

- Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên 2025 và lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường.
- Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ về kế hoạch SXKD năm 2025; theo dõi và giám sát tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của Công ty.
- Xem xét và phê duyệt các hợp đồng, giao dịch với bên liên quan theo đúng quy định pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty.
- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT cũng như tình hình thực hiện chiến lược phát triển của Công ty.
- Thông qua kế hoạch đầu tư năm 2025, phê duyệt chủ trương đầu tư và các nội dung liên quan đến quản lý hoạt động đầu tư.
- Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, chi trả cổ tức năm 2024 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa cổ đông, Công ty và người lao động.

2. Báo cáo giao dịch giữa Công ty với người liên quan

Giao dịch giữa Công ty với các bên có liên quan: Trình tự và thủ tục phê duyệt giao dịch giữa Công ty với các bên có liên quan thực hiện nghiêm túc theo luật doanh nghiệp, Luật Chứng Khoán, Điều lệ và Quy chế nội bộ của FUTU1.

Toàn bộ các giao dịch giữa Công ty với các bên có liên quan đã được báo cáo chi tiết trong Báo cáo tình hình quản trị năm 2025. Báo cáo này đã được công bố tại mục Quan hệ cổ đông trên trang thông tin điện tử của FUTU1 tại địa chỉ <http://futu1.com.vn/> từ ngày 23/01/2026 và trên các hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quy định.

3. Thù lao của HĐQT

Quỹ tiền lương, thù lao năm 2025 của HĐQT được thực hiện theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2025 phê duyệt;

Kết quả thực hiện chi trả tiền lương, thù lao HĐQT 2025:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Thành phần	Số lượng	Kế hoạch	Thực hiện
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	1	1.494	1.723,91
2	Thành viên HĐQT	4	455	525,53
	Cộng		1.949	2.249,44

Kết quả thực hiện quỹ tiền lương, thù lao năm 2025 của Hội đồng quản trị tăng so với kế hoạch, tương ứng với mức lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao, bảo đảm phù hợp với cơ chế chi trả đã được phê duyệt.

Thu nhập chi tiết của từng thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng được trình bày trong Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của FUTU1. Báo cáo này đã được công bố tại chuyên mục Quan hệ cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty (<http://futu1.com.vn/>) từ ngày 09/03/2026 và đăng tải trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quy định.

4. Kết quả giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành

4.1. Phương pháp kiểm tra, giám sát

Hội đồng Quản trị thực hiện giám sát Ban Điều hành thông qua các cuộc họp định kỳ và đột xuất, trong đó các thành viên HĐQT trao đổi, chất vấn về việc thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua.

Bên cạnh đó, HĐQT phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát để duy trì việc kiểm tra, giám sát hoạt động của FUTU1 theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4.2. Kết quả hoạt động của Ban điều hành năm 2025

Năm 2025, trong bối cảnh kinh tế trong nước và thế giới còn nhiều yếu tố biến động, thị trường tiêu thụ một số sản phẩm cơ khí, đặc biệt là phụ tùng xe máy, có sự thay đổi, Ban Điều hành đã điều hành hoạt động của Công ty theo các mục tiêu và kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông năm 2025 thông qua, trên cơ sở tuân thủ Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Trên cơ sở đó, Ban Điều hành đã triển khai các giải pháp nhằm duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, tập trung nâng cao hiệu quả quản trị sản xuất, kiểm soát chi phí, đồng thời mở rộng phát triển các nhóm sản phẩm cơ khí ngoài lĩnh vực phụ tùng xe máy và tăng cường hoạt động xuất khẩu.

Nhờ các giải pháp điều hành kịp thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2025 cơ bản được duy trì ổn định và đạt được một số kết quả tích cực; trong đó, lợi nhuận vượt kế hoạch đề ra, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động và cải thiện thu nhập của người lao động.

- Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	TH 2024	KH 2025	TH 2025	So sánh (%)	
						TH 2025/TH 2024	TH 2025/KH 2025
1	Giá trị sản xuất CN	Tỷ đồng	889,24	925	905,68	101,85%	97,91%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	923,48	960	944,49	102,28%	98,38%
	- Doanh thu BH&CCDV	Tỷ đồng	920,49	960	938,81	101,99%	97,79%
	- Doanh thu HĐ tài chính và thu nhập khác	Tỷ đồng	2,99	0	5,68	189,97%	-
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	87,87	68	78,47	89,30%	115,40%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	69,43	54,4	62,39	89,86%	114,69%

Trong năm 2025, một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty chưa đạt kế hoạch đề ra: Giá trị sản xuất công nghiệp đạt 97,91% kế hoạch, tổng doanh thu đạt 98,38% kế hoạch; trong đó doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 97,79% kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ biến động của thị trường tiêu thụ sản phẩm cơ khí, đặc biệt là lĩnh vực phụ tùng xe máy, cùng với sự thay đổi nhu cầu của khách hàng trong và ngoài nước.

Tuy nhiên, với việc chủ động triển khai các giải pháp điều hành linh hoạt, tăng cường kiểm soát chi phí, tối ưu hóa quy trình sản xuất và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực, Công ty đã đạt mức lợi nhuận sau thuế vượt 14,69% so với kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao, đồng thời lợi nhuận trước thuế đạt 78,47 tỷ đồng. Kết quả này cho thấy sự cải thiện về hiệu quả hoạt động so với kế hoạch và khả năng thích ứng của Công ty trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động.

4.3. Đánh giá

Hội đồng quản trị đánh giá Ban Giám đốc đã thực hiện tốt vai trò điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2025. Dưới sự điều hành của Giám đốc và Ban điều hành, hoạt động sản xuất kinh doanh của FUTU1 được duy trì ổn định và các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu của Công ty cơ bản được hoàn thành.

Ban Giám đốc đã chủ động tổ chức triển khai các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, tập trung chỉ đạo công tác quản lý sản xuất, sử dụng hiệu quả các nguồn lực và từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty. Công tác điều hành được thực hiện phù hợp với định hướng phát triển của Công ty và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

Bên cạnh đó, Ban Giám đốc luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ trong quá trình điều hành hoạt động của doanh nghiệp, góp phần duy trì hoạt động của Công ty được triển khai ổn định và đúng định hướng.

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2026

1. Định hướng chiến lược

Trong năm 2026, Hội đồng quản trị tiếp tục thực hiện đầy đủ quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy chế quản trị nội bộ; đồng thời tăng cường công tác giám sát và phối hợp với Ban Kiểm soát, Ban Điều hành nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và điều hành hoạt động của Công ty.

Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị định hướng và chỉ đạo Ban Điều hành triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh theo hướng ổn định và hiệu quả, tập trung duy trì và phát triển quan hệ với các khách hàng truyền thống, đồng thời đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường và tìm kiếm khách hàng mới nhằm gia tăng sản lượng và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Cùng với đó, Hội đồng quản trị định hướng tiếp tục rà soát, sắp xếp tổ chức sản xuất theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu quả hoạt động; chú trọng phát triển nguồn nhân lực và bố trí nhân sự phù hợp với yêu cầu phát triển trong giai đoạn tới; đồng thời tăng cường quản trị chi phí, hoàn thiện các cơ chế, quy chế nội bộ và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực của Công ty.

Hội đồng quản trị cũng sẽ tiếp tục đồng hành và giám sát Ban Điều hành trong quá trình triển khai các giải pháp phát triển thị trường, củng cố quan hệ đối tác, nâng cao năng lực cạnh tranh và tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của Công ty trong trung và dài hạn.

2. Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2026.

2.1. Các nội dung chỉ đạo và định hướng

Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban Điều hành triển khai hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 và phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty và bối cảnh thị trường, đồng thời bám sát định hướng điều hành kinh tế của Chính phủ, Bộ công thương, VEAM; phấn đấu đạt mức tăng trưởng hai con số, gắn với yêu cầu nâng cao

hiệu quả hoạt động và từng bước chuyển dịch cơ cấu sản phẩm theo định hướng phát triển của Công ty.

- Chỉ đạo triển khai cơ cấu sản phẩm theo lộ trình phù hợp, duy trì nhóm sản phẩm truyền thống để bảo đảm ổn định sản xuất và nguồn lực tài chính; đẩy mạnh phát triển các nhóm sản phẩm cơ khí khác có giá trị gia tăng cao, đáp ứng nhu cầu chuỗi cung ứng trong nước và quốc tế, trong đó tập trung các sản phẩm ngoài lĩnh vực xe máy.

- Chỉ đạo khai thác tối đa tiềm năng hợp tác từ các đối tác chiến lược hiện có, củng cố quan hệ ổn định và phát triển các cơ hội tăng sản lượng từ các đối tác hiện hữu, đồng thời tiếp tục xúc tiến thương mại, mở rộng mạng lưới khách hàng mới trong và ngoài nước.

- Chỉ đạo tinh gọn cơ cấu tổ chức sản xuất, rà soát và bố trí lại nhân sự phù hợp với năng lực, phẩm chất và khả năng dẫn dắt, đảm bảo các vị trí quan trọng, then chốt trong công ty vận hành hiệu quả. Đồng thời xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng quản lý của đội ngũ nhân lực, đặc biệt là các bộ phận liên quan đến phát triển sản phẩm mới, công nghệ và xúc tiến thương mại.

- Chỉ đạo tăng cường quản trị chi phí và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của công ty, bao gồm kiểm soát nguyên vật liệu, tối ưu hóa tồn kho, cải tiến quy trình sản xuất và hoàn thiện các cơ chế, quy chế nội bộ để nâng cao hiệu quả điều hành.

- Khuyến khích Ban Điều hành áp dụng các giải pháp kỹ thuật, công nghệ và chuyển đổi số phù hợp, nâng cao năng suất lao động, cải thiện chất lượng sản phẩm và tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.

- Chỉ đạo thực hiện các chính sách về khen thưởng, phúc lợi và đãi ngộ phù hợp với định hướng phát triển của Công ty, bảo đảm thu hút và giữ chân nguồn nhân lực chất lượng cao, đồng thời tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị, an toàn lao động và pháp luật.

- Đồng thời, Hội đồng quản trị sẽ theo dõi sát sao tiến độ thực hiện kế hoạch, tạo điều kiện và hỗ trợ Ban Điều hành trong việc khai thác cơ hội thị trường, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và đảm bảo các mục tiêu chiến lược của công ty được thực hiện một cách hiệu quả và bền vững.

2.2. Các nội dung giám sát và hỗ trợ Ban Điều hành

- Giám sát tiến độ thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các mục tiêu tăng trưởng theo định hướng của Chính phủ Bộ công thương, VEAM và chiến lược phát triển trung hạn của Công ty.

- Theo dõi việc triển khai các nhóm sản phẩm mới, các dự án cơ khí ngoài lĩnh

vực xe máy, đảm bảo phù hợp với năng lực thiết bị, nguồn nhân lực và nhu cầu thị trường.

- Hỗ trợ Ban Điều hành trong việc khai thác tối đa tiềm năng từ các đối tác hiện hữu, đồng thời thúc đẩy xúc tiến thương mại và phát triển khách hàng mới một cách chủ động, bền vững.

- Giám sát quá trình rà soát, sắp xếp cơ cấu tổ chức và bố trí nhân sự phù hợp, đặc biệt các vị trí quan trọng và nhạy cảm, đảm bảo năng lực, phẩm chất và khả năng dẫn dắt của từng cán bộ quản lý.

- Kiểm tra, theo dõi công tác quản trị chi phí, đầu tư thiết bị, vật tư nguyên liệu và tồn kho, đảm bảo sử dụng hợp lý nguồn lực, nâng cao hiệu quả và tính cạnh tranh.

- Giám sát việc triển khai các hoạt động cải tiến sản xuất (Kaizen, tự động hóa, chuyển đổi số) nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và tối ưu hóa chi phí.

- Thường xuyên trao đổi, phối hợp chặt chẽ với Ban Điều hành để xử lý kịp thời các vướng mắc, rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo điều kiện hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh năm 2026.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026, HĐQT đề xuất các chỉ tiêu chủ yếu như sau trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026
1	Giá trị sản xuất CN	Tỷ đồng	905,68	986
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	944,49	1.034
	- Doanh thu BH&CCDV	Tỷ đồng	938,81	1.033
	- Doanh thu HĐ tài chính và thu nhập khác	Tỷ đồng	5,68	1
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	78,47	72,5
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	62,39	58
5	Thu nhập bình quân của người lao động	Triệu đồng/người/tháng	15,78	16,83

Trong cơ cấu tổng doanh thu kế hoạch năm 2026, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là chỉ tiêu gắn trực tiếp với hoạt động sản xuất kinh doanh chính và khả năng điều hành, kiểm soát của Công ty; do đó HĐQT đề xuất Đại hội đồng cổ đông xem xét **thông qua mức doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là 1.033 tỷ đồng (tăng 10% so với thực hiện năm 2025)**. Đối với doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác, đây là các khoản doanh thu mang tính phát sinh bị động, phụ thuộc nhiều vào yếu tố khách quan và không phải hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của HĐQT FUTU1 năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026. Với tất cả trách nhiệm của mình, cùng với sự triển khai quyết liệt

của Ban điều hành; sự đồng lòng nhất trí, ý chí quyết tâm của toàn thể người lao động, sự ủng hộ của quý vị cổ đông. HĐQT định hướng và phối hợp cùng Ban điều hành nhằm thực hiện các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ thông qua, hướng tới việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông và người lao động.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông;
- Ban KS;
- Lưu: VP, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Ngô Văn Thái

**CÔNG TY CỔ PHẦN
PHỤ TÙNG MÁY SỐ 1****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: .../BC-BKS

Thái Nguyên, ngày ... tháng 3 năm 2026

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Phụ tùng máy số 1;
Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Phụ tùng máy số 1;
Căn cứ Nghị Quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2025 và Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01/12/2025 của Đại hội đồng cổ đông năm 2025;
Căn cứ Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2025 và Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty Cổ phần Phụ tùng Máy số 1 đã được kiểm toán và phát hành bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam;

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Phụ tùng Máy số 1 (BKS) báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên kết quả hoạt động của BKS trong năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026.

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025**1. Tổ chức và phương thức hoạt động**

Ban kiểm soát (BKS) gồm 03 thành viên (01 thành viên chuyên trách), hoạt động tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty. Trong năm 2025, BKS đã thực hiện:

* Tổ chức các buổi họp: Đã tổ chức 07 cuộc họp trọng tâm để thực hiện thẩm định BCTC, đánh giá việc thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ (Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2025 và Số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01/12/2025) và giám sát các hoạt động quản trị, điều hành.

* Phương thức giám sát: BKS phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Giám đốc và các phòng ban chuyên môn, tham gia đầy đủ các phiên họp mở rộng của HĐQT, họp sản xuất để đóng góp ý kiến và giám sát tính hợp lý, hợp pháp và mức độ cẩn trọng trong công tác quản lý, điều hành, đánh giá tình hình hoạt động của Công ty. Qua đó xác nhận các quyết định quản trị đều phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Lương, thù lao của Ban kiểm soát năm 2025

Quý tiền lương, thù lao năm 2025 của BKS được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 phê duyệt.

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Thành phần	Số lượng	Kế hoạch	Thực hiện
1	Trưởng ban chuyên trách	1	259	299
2	Thành viên	2	83	91
	Cộng	3	342	390

Chi tiết thu nhập của từng thành viên Ban kiểm soát thực hiện trong năm 2025 được trình bày cụ thể trong Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán, Báo cáo được đăng tải tại trang web của Công ty ngày 09/3/2026.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ GIÁM SÁT

1. Hoạt động sản xuất kinh doanh

BKS đã giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2025 và ghi nhận kết quả như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2025			Thực hiện 2024	TH ₂₀₂₅ /TH ₂₀₂₄
	Thực hiện	Kế hoạch	TH/KH		
Giá trị sản xuất (tỷ đồng)	905,7	925	97,9%	889,2	101,9%
Tổng doanh thu (tỷ đồng)	944,4	960	98,4%	923,5	102,3%
Tổng chi phí (tỷ đồng)	866	892	97,1%	835,6	103,6%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	62,4	54,4	114,7%	69,4	89,9%
Thu nhập bình quân (tr.đồng/người/tháng)	15,8	14,6	108,2%	15,6	101,3%
Lãi cơ bản/CP (đồng/ICP)	8.812,5			9.806,6	

- Về tổng doanh thu: Đạt 944,4 tỷ đồng, bằng 98,4% kế hoạch, tăng trưởng 2,3% so với cùng kỳ năm 2024;

- Về lợi nhuận sau thuế: Đạt 62,4 tỷ đồng, vượt 14,7% kế hoạch ĐHĐCĐ giao, tuy nhiên giảm 10,1% so với thực hiện năm 2024;

BKS ghi nhận sự nỗ lực duy trì sự tăng trưởng của Công ty trong sản xuất, doanh thu và thu nhập bình quân của người lao động năm sau tăng so với năm trước. Tuy nhiên, trong năm 2025 BKS nhận thấy tốc độ tăng chi phí (tăng 3,6%) cao hơn tốc độ tăng của tổng doanh thu (tăng 2,3%). Điều này dẫn đến hiệu quả kinh doanh chưa được tối ưu.

2. Thẩm định Báo cáo tài chính

2.1. Công tác lập và kiểm toán BCTC năm 2025

- Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã được lập và trình bày theo đúng quy định của Luật kế toán và các chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành;

- Báo cáo đã được kiểm toán, phát hành bởi Công ty kiểm toán VAE tại Báo cáo Kiểm toán độc lập số: 0203.01-26/BC-TC/VAE ngày 02/3/2026.

BKS thống nhất với ý kiến của Công ty Kiểm toán VAE: Báo cáo tài chính đã phản ánh đầy đủ, trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của công ty tại thời điểm 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2.2. Nhận xét về tình hình tài chính và quản lý vốn

- **Tình hình quản lý vốn:**

Chi tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Thực hiện 2025 /thực hiện 2024
Tổng tài sản (tỷ đồng)	351,5	343,3	102,4%
Nợ phải trả ngắn hạn (tỷ đồng)	211,2	196	107,8%
Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	140,3	147,3	95,2%
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (lần)	1,51	1,33	
Tỉ suất ROE	43,39%	48,77%	

- Về cơ cấu tài sản và nguồn vốn: Tổng tài sản (tổng nguồn vốn) năm 2025 đạt 351, 5 tỷ đồng, tăng trưởng so với đầu năm (tăng 2,4%). Tuy nhiên, cơ cấu nguồn vốn có sự dịch chuyển khi hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu tăng từ 1,33 lên 1,51.

- Với kết quả sản xuất - kinh doanh của Công ty năm 2025 cùng tỉ suất ROE đạt 43,39%. Dù có giảm so với năm 2024 nhưng mức tỉ suất này vẫn là cao, BKS đánh giá chung công tác quản lý vốn năm 2025 của Công ty là chủ động, an toàn và hiệu quả. Vốn của chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển.

• Tình hình tài chính

- Khả năng thanh toán tổng quát: Là 1,66
- Khả năng thanh toán nợ đến hạn: Là 1,33
- Hệ số (nợ phải trả/vốn chủ sở hữu): 1,51

Các chỉ tiêu đánh giá khả năng thanh toán đều duy trì mức trên 1 đảm bảo tính thanh khoản, tình hình tài chính của Công ty năm 2025 là an toàn, lành mạnh.

3. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc

3.1. Hội đồng quản trị (HĐQT)

- HĐQT đã thực hiện tốt vai trò quản trị thông qua việc duy trì các phiên họp định kỳ, tổ chức các cuộc họp mở rộng và họp đột xuất để chỉ đạo sát sao Ban điều hành thông qua việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định kịp thời.

- BKS đánh giá cao việc HĐQT đã đánh giá và thông qua kế hoạch trung hạn 05 năm, giai đoạn 2026-2030 của Công ty và phối hợp với Ban điều hành tham gia hoạt động xúc tiến thương mại trong và ngoài nước nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, tìm kiếm khách hàng.

- HĐQT đã thực hiện đánh giá và phê duyệt kế hoạch đầu tư, theo dõi tiến độ đầu tư và chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục rà soát các Quy chế, Quy định hiện hành, đảm bảo tuân thủ Pháp luật và phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty.

- BKS đã giám sát và xác nhận các giao dịch với người có liên quan được HĐQT phê duyệt đúng thẩm quyền, đảm bảo công khai, minh bạch và không gây thiệt hại cho lợi ích của Công ty;

3.2. Ban Giám đốc điều hành

BKS ghi nhận và đánh giá cao sự chủ động, linh hoạt của Ban điều hành trong việc nhận diện các thách thức từ thị trường xe máy bảo hòa và các biến động chính trị, thuế quan quốc tế, Chỉ thị 20/CT-TTg ngày 12/7/2025 và xu hướng phát triển nền kinh tế xanh, tuần hoàn và bền vững của Chính phủ để kịp thời điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh sát với thực tế, cụ thể:

*** Sản xuất – kinh doanh:**

- Nỗ lực đẩy mạnh công tác thị trường: Tăng cường tiếp xúc khách hàng trong và ngoài nước, tìm kiếm thị trường và khách hàng mới; nghiên cứu: cải tiến chất lượng sản phẩm, chi tiết sản phẩm mới; tập trung hoàn thành các dự án trọng điểm (chi tiết xuất khẩu, sản phẩm của Công ty EKD, Công ty Tibico...). Năm 2025, Công ty đã thực hiện đưa vào sản xuất loạt 160 mã sản phẩm, đạt 266,6% kế hoạch năm (tăng tăng 220% so với cùng kỳ 2024), tạo doanh thu 20 tỷ đồng.

- Đẩy mạnh đầu tư thay thế trang thiết bị lạc hậu về công nghệ bằng các máy móc, thiết bị mới, hiện đại. Rà soát, sửa đổi kế hoạch đầu tư phù hợp với kế hoạch kinh doanh.

- Đã chủ động nghiên cứu và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh trung hạn 05 năm, giai đoạn 2026 – 2030.

- Điều hành sản xuất - kinh doanh, nhân sự và các hoạt động khác đảm bảo hoạt động của Công ty linh hoạt, tối ưu và hiệu quả.

*** Kế toán – tài chính:**

- Tối ưu dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và lưu chuyển linh hoạt; tìm kiếm và tận dụng tối đa nguồn vốn bên ngoài với mức chi phí thấp, an toàn, hiệu quả;

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung hệ thống kiểm soát nội bộ. Tăng cường kiểm soát và tiết giảm chi phí trong đa số các hoạt động của Công ty, khuyến khích hoạt động sáng kiến, Kaizen, Iso, 5S.

- Tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật về kế toán và công bố thông tin, đảm bảo tính minh bạch đối với cổ đông và các bên liên quan.

BKS đánh giá Ban Giám đốc đã thực hiện trách nhiệm điều hành một cách cẩn trọng, tuân thủ đúng các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, bảo vệ lợi ích hợp pháp của Công ty, cổ đông và đảm bảo thu nhập cho người lao động.

3.3. Đối với Cổ đông

Năm 2025, Ban kiểm soát không nhận được kiến nghị nào của Cổ đông.

Ban kiểm soát nhận thấy quyền lợi và trách nhiệm của Cổ đông đã được thực hiện

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Trong năm 2025, sự phối hợp giữa BKS, HĐQT và Ban điều hành được duy trì kịp thời và minh bạch. HĐQT và Ban điều hành đã tạo điều kiện thuận lợi, cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu tài chính, quyết định quản trị để BKS thực hiện các nhiệm vụ. Các kiến nghị của BKS đã được ghi nhận và cụ thể bằng các hoạt động.

BKS phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Giám đốc và các phòng ban chuyên môn thông qua tham dự trực tiếp các phiên họp để đóng góp ý kiến và giám sát tính hợp lý, hợp pháp và mức độ cẩn trọng trong việc quản lý, điều hành, đánh giá tình hình hoạt động của Công ty.

III. Kế hoạch hoạt động năm 2026 của Ban kiểm soát

Tiếp tục thực hiện tốt vai trò giám sát theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, cụ thể:

- Giám sát tính tuân thủ: Tiếp tục giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2026; tăng cường phối hợp với HĐQT, Ban điều hành nhằm đảm bảo hoạt động minh bạch, hiệu quả, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty, Cổ đông;

- Thẩm định báo cáo tài chính năm 2025, kiểm tra báo cáo tài chính 06 đầu năm 2026.

8-C.1
Y
MAY
AI NGI

Chú trọng kiểm tra các nội dung đảm bảo tính an toàn trong quản lý vốn.

- Giám sát các nội dung liên quan đến các giao dịch liên quan và nghĩa vụ công bố thông tin đối với các thông tin phải công bố.

- Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ, các quy trình, quy định đảm bảo tuân thủ pháp luật, phù hợp với thực tế tại Công ty.

IV. Kiến nghị

Dựa trên kết quả giám sát năm 2025 và thực trạng tại Việt Nam, Thế giới đang diễn ra, BKS đưa ra các kiến nghị trọng tâm như sau:

- Về công tác quản lý chi phí: Ban điều hành cần tăng cường quản lý chặt chẽ các chi phí, đảm bảo tốc độ tăng chi phí thấp hơn tốc độ tăng doanh thu nhằm tối đa hóa lợi nhuận trong năm tài chính 2026.

- Về chiến lược sản phẩm: Trong bối cảnh thị trường xe máy truyền thống đang bão hòa, mục tiêu của Chính phủ là tăng trưởng cao, bền vững, hướng tới nền kinh tế xanh, tuần hoàn và trung hòa carbon, kiến nghị HĐQT và Ban điều hành:

+ Đẩy nhanh lộ trình đa dạng hóa linh kiện cơ khí khác liên quan đến thế mạnh của Công ty nhằm giảm sự phụ thuộc vào thị trường linh kiện xe máy, đặc biệt là các sản phẩm mới đã được nghiên cứu, thử nghiệm năm 2025 để tạo năng lực tăng trưởng.

+ Tiếp tục giữ vững và tăng thị phần cung cấp phụ tùng linh kiện xe máy đang giữ lợi thế. Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường và tìm kiếm khách hàng đặc biệt thị trường xuất khẩu.

- Về công tác quản trị: Tăng cường đào tạo chuyên sâu về quản trị rủi ro cho các cấp quản lý cấp trung để hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động hiệu quả ngay từ khâu triển khai thực hiện.

Trên đây là nội dung báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội.

Xin trân trọng báo cáo.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- HĐQT, Giám đốc CT;
- Người PTQT, TK Công ty
- Lưu: BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Đồng Thị Thanh Ngân

Số 3358/Tr-BKS

Thái Nguyên, ngày ... tháng ... năm 2026

DỰ THẢO



TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt danh sách đơn vị kiểm toán BCTC năm 2026 của FUTU1

Kính trình: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Phụ tùng Máy số 1;

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên phê duyệt danh sách công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1 như sau:

1. Tiêu chí lựa chọn Công ty kiểm toán

- Là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách 28 các doanh nghiệp kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2026 tại Quyết định số: 902/QĐ-UBCK ngày 19/11/2025 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

- Là tổ chức kiểm toán có uy tín, chất lượng, có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, chất lượng, tiến độ kiểm toán.

2. Đề xuất các công ty kiểm toán

Căn cứ các tiêu chí trên, BKS đã kiểm tra, đánh giá và đề xuất danh sách các Công ty kiểm toán sau:

1. Công ty TNHH kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE)
2. Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC (AASC)
3. Công ty TNHH kiểm toán An Việt (An Việt CPA)

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên phê duyệt danh sách công ty kiểm toán BCTC năm 2026 theo đề xuất trên, ủy quyền cho Ban kiểm soát quyết định lựa chọn một đơn vị kiểm toán trong danh sách đề xuất theo quy định của pháp luật, giao Giám đốc công ty thực hiện ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán độc lập với Công ty kiểm toán được lựa chọn.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên thông qua.

Nơi nhân:

- ĐHCĐ 2026;
- Hội đồng quản trị; Giám đốc CT;
- Người PTQT, TKCT;
- Lưu: BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Đồng Thị Thanh Ngân

Số: **CÔNG TY-HĐQT**

Thái Nguyên, ngày.....tháng.....năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025
và kế hoạch Quỹ tiền lương, thù lao năm 2026
của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Công ty Cổ phần Phụ tùng Máy số 1**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1 (FUTU1) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27 tháng 4 năm 2021;

Căn Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025.

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh của FUTU1 năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026, Hội đồng quản trị FUTU1 kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025 và kế hoạch Quỹ tiền lương, thù lao năm 2026 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cụ thể như sau:

1. Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chức danh	Số lượng	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % so sánh
A	B	1	2	3	4 = 3/2
I	Hội đồng quản trị	05	1.949	2.249	115%
II	Ban kiểm soát	03	342	390	114%
	Tổng	08	2.291	2.639	115%

Kết quả Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025 đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát bằng 115% cao hơn so với kế hoạch, thực hiện theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Khi lợi nhuận thực hiện tăng so với kế hoạch thì tiền lương và thù lao tăng theo, mức tăng không quá 20%.

2. Kế hoạch Quỹ tiền lương, thù lao năm 2026 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chức danh	Số lượng	Kế hoạch
I	Hội đồng quản trị	05	2.374
II	Ban Kiểm soát	03	416
	Tổng cộng	8	2.790

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2026, Công ty sẽ xem xét để trích lập Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2026 tăng hoặc giảm tương ứng với phần lợi nhuận thực hiện nhưng mức tăng không quá 20%, mức giảm không quá 40% kế hoạch;

Mức tiền lương, thù lao cụ thể từng chức danh thực hiện theo Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Người quản lý và Ban kiểm soát hiện hành của Công ty. Các quyền lợi khác của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định pháp luật, Điều lệ và các Quy chế Công ty;

Trân trọng kính trình./

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Website Công ty;
- Lưu: NSTL, TKHĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Ngô Văn Thái

Số: TTr-HĐQT

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2026

DU THẢO



TỜ TRÌNH

Về việc phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1 (FUTU1) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27 tháng 04 năm 2021;

Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025.

Hội đồng quản trị FUTU1 kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025 như sau:

I. Trích lập các quỹ và mức trả cổ tức năm 2025

1. Trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận:

ĐVT: đồng

TT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ %	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế để lại từ các năm trước		0
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2025		62.391.321.985
3	Tổng lợi nhuận sau thuế đến hết 31/12/2025		62.391.321.985
4	Phân phối lợi nhuận		62.391.321.985
4.1	Quỹ đầu tư phát triển		0
4.2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		30.571.747.773
4.3	Quỹ thưởng người quản lý, điều hành		1.247.826.439
4.4	Lợi nhuận chia cổ tức		30.571.747.773

2. Chia cổ tức 2025:

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt, cụ thể:

- Mức chi trả cổ tức: 4.318 đồng/cổ phiếu;
- Tổng số tiền chi trả cổ tức: 30.571.747.773 đồng



3. Triển khai thực hiện

Sau khi phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức được Đại hội thông qua, Đại hội giao HĐQT căn cứ tình hình sản xuất, kinh doanh năm 2026 tổ chức triển khai thực hiện việc chi trả cổ tức cho các cổ đông vào thời điểm thích hợp trong năm 2026, đảm bảo đúng quy định tại Điều lệ FUTU1 và quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng.

II. Dự kiến mức cổ tức chi trả năm 2026

Căn cứ kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2026 của FUTU1, Hội đồng quản trị dự kiến tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2026 là trên 20%.

Trân trọng kính trình ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông;
- Ban KS;
- Lưu: VP, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Ngô Văn Thái





Số: .../TTTr-HĐQT

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1 (FUTU1) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27 tháng 04 năm 2021.

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và định giá Việt Nam (VAE).

Hội đồng quản trị FUTU1 kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán, bao gồm:

1. Báo cáo của Ban Giám đốc;
2. Báo cáo của Kiểm toán độc lập;
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025.
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025.
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2025.
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2025.

Một số chỉ tiêu chính của Báo cáo như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Các chỉ tiêu	ĐVT	Ngày 31/12/2025
I. TỔNG TÀI SẢN	Tr.đồng	351.508
1. Tài sản ngắn hạn	Tr.đồng	280.452
2. Tài sản dài hạn	Tr.đồng	71.056
II. Nợ phải trả	Tr.đồng	211.239
1. Nợ ngắn hạn	Tr.đồng	211.239
2. Nợ dài hạn	Tr.đồng	0
III. Vốn chủ sở hữu	Tr.đồng	140.269



Các chỉ tiêu	ĐVT	Ngày 31/12/2025
1. Vốn góp của chủ sở hữu	Tr.đồng	70.799
2. Lợi nhuận sau thuế chưa PP	Tr.đồng	62.391
3. Quỹ đầu tư phát triển	Tr.đồng	7.079
KẾT QUẢ KINH DOANH		
1. Tổng doanh thu	Tr.đồng	944.486
2. Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	78.474
3. Thuế TNDN	Tr.đồng	16.083
4. Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr.đồng	62.391

Toàn bộ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được công bố thông tin theo đúng quy định pháp luật.

Trân trọng kính trình ./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH ✓



Ngô Văn Thái

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông;
- Ban KS;
- Lưu: HĐQT.



CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ TÙNG MÁY SỐ 1

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**



Số 1/TTP-HĐQT

Thái Nguyên, ngày ... tháng ... năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc thay đổi mã ngành nghề kinh doanh

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Công ty Cổ phần Phụ tùng Máy số 1**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 được sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần phụ tùng máy số 1 được thông qua ngày 27/4/2021;

Căn cứ Nghị định 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 36/2005/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng chính phủ về ban hành hệ thống ngành nghề kinh doanh;

Căn cứ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần phụ tùng máy số 1;

Để phù hợp với hệ thống ngành kinh tế Việt Nam hiện hành, đảm bảo thống nhất với hoạt động kinh doanh thực tế của Công ty và tạo thuận lợi trong quá trình đăng ký và quản lý doanh nghiệp, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét, thông qua việc thay đổi mã ngành, nghề kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh mã ngành kinh doanh theo quy định của Pháp luật

STT	Mã ngành hiện tại	Nội dung	Mã ngành điều chỉnh	Nội dung
1	4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4679	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu
2	4530	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4662	Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác

2. Bổ sung ngành nghề kinh doanh sau

STT	Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung
1	2011	Sản xuất hoá chất cơ bản

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Lưu: HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**Ngô Văn Thái**

Số: .../Tr-HĐQT

Thái Nguyên, ngày ... tháng ... năm 2026

DU THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua các Dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Công ty Cổ phần Phụ tùng Máy số 1**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

Căn cứ Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Phụ tùng Máy số 1 được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27/4/2021;

Trên cơ sở yêu cầu cập nhật pháp luật và thực tiễn quản trị, Hội đồng quản trị đã rà soát, hoàn thiện các dự thảo sửa đổi, bổ sung và kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các nội dung sau:

1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều lệ Công ty (Chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm Tờ trình này). Dự thảo toàn văn Điều lệ Công ty sau sửa đổi đã được công bố chi tiết và đầy đủ trên website Công ty tại địa chỉ: <https://www.futu1.com.vn/>;

2. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (Chi tiết tại Phụ lục 02 đính kèm Tờ trình này). Dự thảo toàn văn Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty sau sửa đổi đã được công bố chi tiết và đầy đủ trên website Công ty tại địa chỉ: <https://www.futu1.com.vn/>;

3. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị (Chi tiết tại Phụ lục 03 đính kèm Tờ trình này). Dự thảo toàn văn Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sau sửa đổi đã được công bố chi tiết và đầy đủ trên website Công ty tại địa chỉ: <https://www.futu1.com.vn/>;

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị hoàn thiện và ban hành Điều lệ và các quy chế theo nội dung đã được thông qua.

Các quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị được sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Lưu: HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ngô Văn Thái

**PHỤ LỤC 01: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI ĐIỀU LỆ CÔNG TY
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 THÔNG QUA**

(Đính kèm Tờ trình số/TTr-HĐQT, ngày ... tháng ... năm ...)

Ghi chú:

- Phụ lục này cập nhật các nội dung chính được sửa đổi trong Dự thảo Điều lệ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua để các cổ đông tiện theo dõi, so sánh.
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Quy định tại Điều lệ hiện hành” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng **gạch chân**.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị sửa đổi” là nội dung màu đen, in đậm.
- Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
- Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022;
- Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 06 năm 2025
- Luật Chứng khoán là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
- Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;
- Nghị định 155/2020/NĐ – CP là Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11 ngày 9 tháng năm 2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Thông tư 116/2020/TT – BTC là Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số Điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của luật chứng khoán.

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	Điều 1. Giải thích thuật ngữ	
Chưa có	e) Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022	Bổ sung căn cứ pháp lý là các văn bản pháp luật hiện hành
Chưa có	f) Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2025	Bổ sung căn cứ pháp lý là các văn bản pháp luật hiện hành
Chưa có	h) Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân hàng nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;	Bổ sung căn cứ pháp lý là các văn bản pháp luật hiện hành
p) Giấy tờ pháp lý của cá nhân là một trong các loại giấy tờ sau đây: Thẻ Căn cước công dân, <u>Giấy chứng minh nhân dân</u> , Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác;	p) Giấy tờ pháp lý cá nhân: là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ Căn cước, thẻ Căn cước công dân , Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.	Sửa đổi căn cứ theo quy định tại Điểm c khoản 1 Điều 1 Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 bỏ quy định về giấy chứng minh nhân dân

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
j) Cổ tức là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác;	j) Cổ tức là khoản lợi nhuận sau thuế được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền hoặc bằng tài sản khác	Sửa đổi theo quy định Điểm a, b khoản 1 Điều 1 Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14.
Chưa có	w) Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp có tư cách pháp nhân là cá nhân có quyền sở hữu trên thực tế vốn điều lệ hoặc có quyền chi phối đối với doanh nghiệp đó, trừ trường hợp người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp	Bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Luật số 76/2025/QH15
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	
e) Trụ sở đăng ký của công ty: Đường 3/2, tổ 10, phường Mỏ Chè, thành phố Sông Công , tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.	e) Trụ sở đăng ký của công ty: Đường 3/2, tổ 10, phường Bá Xuyên , tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.	Cập nhật địa giới hành chính
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.	Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.	
Chưa có	2. Quyền hạn của người đại diện theo pháp luật: Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên	Bổ sung theo quy định tại Điều 12 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
	đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật	
<p>2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:</p> <p>a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;</p> <p>b) Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c) Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về bản thân mình và người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp tại các doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật;</p>	<p>3. Nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật</p> <p>a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;</p> <p>b) Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c) Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về bản thân mình và người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp tại các doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật</p>	Cập nhật số thứ tự
<p>3. Trường hợp người đại diện theo pháp luật của Công ty vắng mặt tại Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Nếu hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của công ty chưa quay lại Việt Nam mà không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền tiếp tục thực</p>	<p>3. Trường hợp người đại diện theo pháp luật của Công ty vắng mặt tại Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Nếu hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của công ty chưa quay lại Việt Nam mà không có ủy quyền khác thì</p>	Bổ sung theo Điều 12 luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14.

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>hiện các nội dung ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc hoặc Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty. Nếu người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc trường hợp <u>Giám đốc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong việc nhận thức, làm chủ hành vi, bị toà án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty</u></p>	<p>người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các nội dung ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc hoặc Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty. Nếu người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc trường hợp <u>Giám đốc bị chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong việc nhận thức, làm chủ hành vi, bị toà án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty</u></p>	
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	
<p>1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu</p>	<p>1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.</p> <p>Đối với cổ phiếu Chưa lưu ký: Chứng nhận cổ phiếu được cổ đông tự giữ. Trong trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới bất kỳ hình thức nào, cổ đông sẽ được yêu cầu cấp lại theo quy định tại Khoản 3 Điều này.</p>	<p>Bổ sung để làm rõ quy định về cổ phiếu phù hợp với các quy định, quy chế của các cơ quan chức năng và thực tế doanh nghiệp</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
	<p>Đối với cổ phiếu đã lưu ký: Quyền sở hữu cổ phần của cổ đông được ghi nhận thông qua hệ thống đăng ký, lưu ký chứng khoán và không áp dụng hình thức cấp chứng nhận cổ phiếu.</p> <p>Việc quản lý danh sách cổ đông sẽ do VSDC thực hiện, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật và Quy chế của VSDC</p>	
<p><u>3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.</u></p>	<p>Bỏ</p>	<p>Sửa đổi Loại bỏ nội dung không còn phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty đang là Công ty đại chúng</p>
<p>3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây</p>	<p>3. Trường hợp Chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây</p>	<p>Bổ sung về mặt câu chữ đảm bảo sự thống nhất trong các văn bản và phù hợp với thực tế doanh nghiệp</p>
<p>Chưa có</p>	<p>4. Trường hợp người sở hữu chứng khoán (cổ đông) có thay đổi địa chỉ liên lạc thì:</p> <p>a) Với Chứng khoán đã lưu ký: Người sở hữu chứng khoán (cổ đông) có trách nhiệm thông báo kịp thời và thực hiện các thủ tục cập nhật,</p>	<p>Bổ sung phù hợp với tình hình thực tế tại Doanh nghiệp.</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
	<p>thay đổi thông tin tại các thành viên lưu ký theo quy định.</p> <p>b) Với Chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu chứng khoán (cổ đông) có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Công ty để Công ty thực hiện thủ tục đề nghị cập nhật, thay đổi thông tin của người sở hữu chứng khoán chưa lưu ký theo quy định.</p> <p>Việc điều chỉnh thông tin người sở hữu chứng khoán tuân thủ theo quy định pháp luật hiện hành và quy chế, quy định của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.</p>	
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	
<p>4. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. <u>Trường hợp này, cá nhân hoặc tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty</u></p>	<p>4. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho người khác. Việc chuyển quyền sở hữu do tặng cổ phần sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, quy chế, quy định của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với quy định hiện hành, thực tế tại Doanh nghiệp và các quy chế chuyển quyền của VSDC</p>
<p>5. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp <u>quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ được ghi đầy đủ vào Sổ đăng ký cổ đông.</u></p>	<p>5. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty sau khi VSDC hoàn thành việc chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của pháp luật hiện hành, quy chế, quy định của VSDC</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung phù hợp với các quy chế, quy định của cơ quan chức năng và thực tế doanh nghiệp</p>
Điều 11. Chào bán trái phiếu	Điều 11. Chào bán trái phiếu	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>4. Đại hội đồng cổ đông quyết định thông qua phương án phát hành, <u>phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành và văn bản cam kết niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán</u> trong trường hợp công ty quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi ra <u>công chúng và phát hành trái phiếu riêng</u> lẻ. Các trường hợp khác, Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu, hình thức và phương án phát hành, thời điểm phát hành, phương án sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình nghị quyết của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu</p>	<p>4. Đại hội đồng cổ đông quyết định thông qua phương án phát hành, <u>phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu, thông qua việc niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán (Đối với trường hợp chào bán trái phiếu ra công chúng) hoặc đăng ký giao dịch trái phiếu trên hệ thống đăng ký giao dịch (đối với trường hợp chào bán trái phiếu riêng lẻ) trong trường hợp Công ty</u> phát hành trái phiếu chuyển đổi <u>và trái phiếu kèm theo chứng quyền</u>. Các trường hợp khác, Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu, hình thức và phương án phát hành, thời điểm phát hành, phương án sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình nghị quyết của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu</p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp theo quy định tại Điều 130 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP</p>
<p>5. <u>Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần</u>, Công ty thực hiện việc đăng ký thay đổi vốn điều lệ theo quy định.</p>	<p>5. Công ty thực hiện việc đăng ký thay đổi vốn điều lệ theo quy định của <u>Luật Doanh nghiệp và pháp luật về Chứng khoán</u>.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với thực tế của Doanh Nghiệp</p>
<p>Điều 12. Mua cổ phần, trái phiếu</p>	<p>Điều 12. Mua cổ phần, trái phiếu</p>	
<p>3. Đối tượng quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 17 Luật Doanh nghiệp không được mua cổ phần, <u>trái phiếu</u> của Công ty.</p>	<p>3. Đối tượng quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 17 Luật Doanh nghiệp không được mua cổ phần của Công ty.</p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại Điều 17 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
Điều 14. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty	Điều 14. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty và mua lại cổ phiếu của chính mình	Bổ sung đảm bảo đầy đủ các quy định
Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo quy định của Luật Chứng khoán	Bỏ	Sửa đổi phù hợp với quy định tại Điều 133 Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14
<p>1. <u>Đại hội đồng cổ đông quyết định việc mua lại cổ phần khi đáp ứng đủ điều kiện quy định tại điều 36 Luật Chứng khoán, ngoại trừ các trường hợp sau sẽ thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị:</u></p> <p>a) <u>Mua lại cổ phần quy định tại điều 13 Điều lệ này;</u></p> <p>b) <u>Mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công ty, mua lại cổ phiếu lẻ theo phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu.</u></p>	<p>1. Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định tại điều 133 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14</p> <p>2. Công ty đại chúng mua lại cổ phiếu của chính mình phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 36 Luật Chứng khoán.</p>	Sửa đổi theo quy định Điều 133 Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14
2. Công ty không được mua lại <u>cổ phần của chính mình theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 36 Luật Chứng khoán và được bán ra cổ phần vừa mua lại theo quy định tại khoản 7 Điều 36 Luật Chứng khoán.</u>	2. Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 36 Luật Chứng khoán và khoản 13 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15.	Bổ sung dẫn chiếu do Luật có sự thay đổi
Điều 15. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại	Điều 15. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 13 và Điều 14 Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác</p>	<p>1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 13 và khoản 1 Điều 14 Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác</p>	<p>Sửa đổi chi tiết dẫn chiếu</p>
<p>2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 14 Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán. Công ty phải đăng ký điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác</p>	<p>2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán. Công ty phải đăng ký điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác</p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều 36 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14.</p>
<p>3. <u>Cổ đông bán lại cổ phần của mình cho Công ty phải nộp lại cổ phiếu bản gốc về công ty để tiêu hủy trước khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ.</u> Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Công ty</p>	<p>3.Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Công ty</p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14</p>
<p>4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần <u>mua lại</u>, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết số <u>cổ phần mua lại</u>.</p>	<p>4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần được mua lại</p>	<p>Sửa đổi câu chữ theo quy định tại Khoản 4 Điều 134 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
Điều 18. Quyền của cổ đông	Điều 18. Quyền của cổ đông	
<p>1. Cổ đông có các quyền sau:</p> <p>a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;</p>	<p>1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. Cổ đông có các quyền sau:</p> <p>a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác theo khoản 7 Điều 19 Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;</p>	<p>Bổ sung để làm rõ thêm về Cổ đông theo quy định tại điều 111 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đồng thời dẫn chiếu theo Điều lệ.</p>
<p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây:</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp</p>	<p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14</p>	<p>Bổ sung theo quy định tại Khoản 18 Điều 1 Luật số 76/2025/QH15</p>
Điều 19. Nghĩa vụ của cổ đông	Điều 19. Nghĩa vụ của cổ đông	
<p>7. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</p> <p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p>	<p>7. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</p>	<p>Bỏ do hiện tại Điều lệ công ty không còn điều khoản nào quy định hình thức gửi phiếu biểu quyết khác</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p> <p><u>e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.</u></p>	<p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p>	
<p>Điều 20. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức</p>	<p>Điều 20. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức</p>	
<p>5. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;</p> <p>b) Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;</p> <p>c) <u>Thành viên</u>, cổ đông là công ty có phần vốn <u>góp hay</u> cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ không được cử <u>vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột</u> của người quản lý và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty làm người đại diện theo ủy quyền tại Công ty khác;</p>	<p>5. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;</p> <p>b) Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;</p> <p>c) Cổ đông là công ty có phần vốn cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ không được cử <u>người có quan hệ gia đình</u> của người quản lý và của người có thẩm quyền bổ nhiệm</p>	<p>Sửa đổi phù hợp theo quy định tại Điều 4 Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 để đảm bảo đủ các trường hợp theo quy định.</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<u>d) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác do Hội đồng quản trị công ty quy định.</u>	người quản lý Công ty làm người đại diện theo ủy quyền tại Công ty khác;	
Điều 22. Đại hội đồng cổ đông:	Điều 22. Đại hội đồng cổ đông	
<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu cổ phần chiếm tỷ lệ từ 05% <u>vốn điều lệ</u> công ty trở lên; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, <u>trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan</u> hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan</p>	<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>d. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu cổ phần chiếm tỷ lệ từ 05% <u>tổng số cổ phần phổ thông</u> trở lên; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản và <u>phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung</u></p>	Sửa đổi theo quy định tại luật sửa đổi Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
	cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.	
Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	
1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau	1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau	
k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ: Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	k) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	Sửa đổi câu chữ đảm bảo sự thống nhất trong các văn bản
<p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>g) <u>Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, cụ thể là:</u></p> <p><u>(i) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;</u></p> <p><u>Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác mà công ty đại chúng và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ -</u></p>	<p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>g) Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch quy định quy định tại Điều 53 Chương X Điều lệ này</p>	Bổ sung thêm điều khoản dẫn chiếu và làm rõ quy định về thẩm quyền thông qua các giao dịch

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p><u>công ty con, tập đoàn kinh tế, Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty;</u></p> <p><u>(ii) Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;</u> - <u>Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;</u> - <u>Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.</u> <p><u>(iii) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó</u></p>		
Chưa có	<p>4. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây</p> <p>a. Các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó có lợi ích liên quan tới giao dịch;</p>	Bổ sung thêm các trường hợp cụ thể Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
	<p>b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó theo quy định tại điều 13 của Điều lệ này trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của cổ đông trong Công ty hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc thỏa thuận trên Sở giao dịch chứng khoán.</p> <p>c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hiện hành</p>	
Điều 25. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 25. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	
<p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;</p> <p>b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ này;</p> <p>c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;</p> <p>b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ này;</p> <p>c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật</p>	<p>Bỏ do hiện tại Điều lệ công ty không còn điều khoản nào quy định về trường hợp từ chối kiến nghị khác.</p>
Điều 28. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua:	Điều 28. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua:	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả <u>cổ đông dự họp tán thành</u> , trừ trường hợp quy định tại các khoản 3 điều này	1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3 điều này.	Sửa đổi theo quy định tại Khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả <u>cổ đông dự họp tán thành</u> , trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều này.	2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều này.	Sửa đổi theo quy định tại Khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15
Điều 33. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 33. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: <u>Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty cần đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.</u> Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị	3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành tối thiểu của công ty là 01 thành viên.	Sửa đổi theo quy định tại Khoản 79 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP .
Điều 34. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Điều 34. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:	2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
Chưa có	g) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 10% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty	Quy định rõ thẩm quyền thông qua quyết định đầu tư và bán tài sản đảm bảo sự nhất quán trong phân cấp
h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; và các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1, điểm o, q khoản 2 điều 23 Điều lệ này	i) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác quy định tại Điều 54 Chương X Điều lệ này trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	Bổ sung phù hợp với quy định tại điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP, điều 153 Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 và dẫn chiếu cụ thể tới Điều khoản chi tiết về thẩm quyền quyết định thông qua các giao dịch
k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ liên quan đến người quản lý của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác	l) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty; Quyết định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị, bộ phận trực thuộc; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện; Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp tại doanh nghiệp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, trừ các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông	Bổ sung nhằm làm rõ thẩm quyền về việc phê duyệt các quyết định
Chưa có	m) Quyết định ban hành, sửa đổi, bổ sung hệ thống quy chế quản lý nội bộ của công ty trong các lĩnh vực trọng yếu, bao gồm: tài chính, đầu tư; quản lý, sử dụng tài sản, quản lý Công nợ, tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty	Bổ sung nhằm làm rõ thẩm quyền về việc phê duyệt các quyết định

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;	n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;	Bổ sung theo quy định tại Khoản 81 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP
Chưa có	r) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc	Bổ sung thêm quyền hạn của HĐQT và phù hợp với quy định tại điều 153 Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14
Điều 36. Chủ tịch Hội đồng quản trị	Điều 36. Chủ tịch Hội đồng quản trị	
1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây: Chưa có	f) Đảm bảo việc trao đổi thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và rõ ràng với các thành viên Hội đồng quản trị. g) Tạo điều kiện thuận lợi để các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, hoạt động một cách có hiệu quả và thiết lập mối quan hệ có tính chất xây dựng giữa các thành viên điều hành và những thành viên không điều hành trong Hội đồng quản trị.	Bổ sung thêm quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT, phù hợp với tình hình thực tế tại công ty
Điều 42. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc:	Điều 42. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc:	
1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc	1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc. Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Công ty và công ty mẹ, người đại	Bổ sung theo quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
	diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ.	
4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau	4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau	
f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc	f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc phù hợp với quy chế trong lĩnh vực tiền lương, thù lao, tiền thưởng do Hội đồng quản trị ban hành	Bổ sung câu chữ phù hợp và thống nhất với các điều khoản khác tại Điều lệ
Chưa có	<p>i) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty</p> <p>i) Giám đốc phải thiết lập và duy trì hệ thống thực thi quản trị rủi ro bao gồm các quy trình, bộ máy, nhân sự nhằm đảm bảo ngăn ngừa các rủi ro có thể ảnh hưởng tới lợi ích của Công ty và khách hàng; thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm cơ cấu tổ chức, nhân sự độc lập và chuyên trách, các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của công ty nhằm bảo đảm mục tiêu tuân thủ quy định của pháp luật.</p> <p>j) Xây dựng các nội quy, quy định nội bộ phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban</p>	Bổ sung quyền và nghĩa vụ của Giám đốc, Phù hợp với Quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và đảm bảo thống nhất về phân quyền trong bộ máy quản lý công ty

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
	kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, các quy chế quản lý nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành và các quy định pháp luật liên quan	
Điều 44. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Kế toán trưởng	Điều 44. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Kế toán trưởng	
<p>3. Kế toán trưởng phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <p>a) Có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ bậc đại học trở lên;</p> <p>b) Thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là hai năm;</p> <p>c) Phải có chứng chỉ qua lớp bồi dưỡng kế toán trưởng.</p>	<p>3. Kế toán trưởng phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <p>a) Có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ bậc đại học trở lên;</p> <p>b) Thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là hai năm;</p> <p>c) Phải có chứng chỉ qua lớp bồi dưỡng kế toán trưởng.</p> <p>d) Theo tiêu chuẩn quy định tại các văn bản pháp luật liên quan khác.</p>	Bổ sung thêm quy định dẫn chiếu tới một số văn bản pháp luật khác, phù hợp và đảm bảo các trường hợp thực tế
Điều 51. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát	Điều 51. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát	
<p>1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và đáp ứng các tiêu chí sau:</p> <p>a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;</p>	<p>1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và đáp ứng các tiêu chí sau:</p> <p>a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;</p>	Sửa đổi theo quy định tại Điều 169 luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>b) Không phải là <u>vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chi ruột, em ruột</u> của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng;</p> <p>c) Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;</p> <p>d) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;</p> <p>e) Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.</p>	<p>b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp</p> <p>c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng;</p> <p>d) Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;</p> <p>e) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;</p> <p>f) Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.</p>	
Chưa có	X. PHÂN CẤP THẨM QUYỀN ĐỐI VỚI GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY	
	<p>Điều 53. Công ty chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p> <p>1. Chấp thuận việc Cấp các khoản vay hoặc Bảo lãnh với bên có liên quan</p> <p>- Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác không phải</p>	<p>Bổ sung phù hợp với quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và điều 293 nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
	<p>là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này.</p> <p>Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho bên có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác là tổ chức (Không phải là cổ đông công ty trừ trường hợp quy định tại khoản 2 điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP) và tổ chức đó cùng công ty là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế: ĐHDCĐ chấp thuận việc cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên giá trị tài sản trở lên hoặc ghi trên báo cáo tài chính gần nhất.</p> <p>2. Chấp thuận các giao dịch khác ngoài các giao dịch tại khoản 1 Điều này với bên có liên quan</p> <p>- Đối với cổ đông sở hữu từ năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó:</p> <p>Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty.</p> <p>- Đối với một trong các đối tượng sau:</p>	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
	<ul style="list-style-type: none"> • Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này; • Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ; • Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp; <p>Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất</p>	
	<p>Điều 54. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch</p> <p>1. Chấp thuận việc Cấp các khoản vay hoặc Bảo lãnh với bên có liên quan</p> <p>- Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho bên có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác là tổ chức (Không phải là cổ đông công ty trừ trường hợp quy định tại khoản 2</p>	<p>Bổ sung phù hợp với quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và điều 293 nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
	<p>điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP) và tổ chức đó cùng công ty là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế: HĐQT chấp thuận việc cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất.</p> <p>2. Chấp thuận giao dịch khác ngoài các giao dịch cấp các khoản vay hoặc Bảo lãnh nêu tại khoản 1 Điều này với bên có liên quan:</p> <p>- Đối với cổ đông sở hữu từ năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó:</p> <p>Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị từ mười phần trăm (10%) trở xuống tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty.</p> <p>- Đối với một trong các đối tượng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này; • Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ; 	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
	<ul style="list-style-type: none"> • Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp năm 2020; <p>Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất</p> <p>3. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác với các đối tượng khác ngoài các đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.</p> <p>Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trừ các hợp đồng, giao dịch liên quan tới quyết định đầu tư hoặc bán tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	
Chưa có	<p>Điều 55. Quyền hạn của Giám đốc trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng, giao dịch</p> <p>Giám đốc quyết định các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng</p>	Bổ sung phù hợp với quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và điều 293 nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
	quản trị được quy định tại Điều 53, Điều 54 Điều lệ này	
<p>X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</p>	<p>XI. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</p>	
<p>Điều 53. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p>	<p>Điều 56. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p>	
<p>6. Hội đồng quản trị chấp thuận <u>các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên đối với các đối tượng quy định tại mục (ii) điểm q khoản 2 điều 23 điều lệ này. Người đại diện của công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác cho Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan; Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Quyết định thông qua hợp đồng, giao dịch của Hội đồng quản trị có thể áp dụng cho nhiều hợp đồng, giao dịch nếu</u></p>	<p>6. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại Điều 54 Điều lệ này</p>	<p>Dẫn chiếu về điều khoản riêng</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<u>cùng đối tượng liên quan và giá trị từng hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của hội đồng quản trị</u>		
<p>7. Đối với hợp đồng, giao dịch thuộc quyền chấp thuận của đại hội đồng cổ đông quy định tại điểm <u>q khoản 2 điều 23 điều lệ này</u>, người đại diện của công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.</p> <p>Đại hội đồng cổ đông có thể họp hoặc xin ý kiến bằng văn bản để thông qua hợp đồng, giao dịch. Đại hội đồng cổ đông có thể xem xét việc thông qua các hợp đồng, giao dịch trong mỗi kỳ họp thường niên của mình và Quyết định thông qua hợp đồng, giao dịch có thể áp dụng cho nhiều hợp đồng, giao dịch nếu cùng đối tượng liên quan</p>	<p>7. Đối với hợp đồng, giao dịch thuộc quyền chấp thuận của đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều <u>53 Điều lệ này</u>, người đại diện của công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.</p> <p>Đại hội đồng cổ đông có thể họp hoặc xin ý kiến bằng văn bản để thông qua hợp đồng, giao dịch. Đại hội đồng cổ đông có thể xem xét việc thông qua các hợp đồng, giao dịch trong mỗi kỳ họp thường niên của mình và Quyết định thông qua hợp đồng, giao dịch có thể áp dụng cho nhiều hợp đồng, giao dịch nếu cùng đối tượng liên quan</p>	<p>Dẫn chiếu về điều khoản riêng</p>
<p><u>Điều 60. Phân cấp quyền hạn tài chính</u></p> <p><u>1.Đối với các dự án đầu tư, bán tài sản công ty:</u></p> <p><u>a) Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</u></p> <p><u>b) Hội đồng quản trị có quyền quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 10% đến dưới 35%</u></p>	<p>Bỏ</p>	<p>Dẫn chiếu sang chương khác</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p><u>tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trừ các hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.</u></p> <p><u>c) Giám đốc công ty có quyền quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị nhỏ hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</u></p> <p><u>2. Đối với các dự án xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, tiếp thị và thông qua Hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác:</u></p> <p><u>a) Hội đồng quản trị quyết định xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, tiếp thị và thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.</u></p> <p><u>b) Giám đốc Công ty quyết định xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, tiếp thị và thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty</u></p>		
<p>Điều 66. Giải thể công ty</p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:</p>	<p>Điều 68. Giải thể công ty</p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:</p>	<p>Bổ sung theo quy định tại Khoản 23 Điều 1 Luật số 76/2025/QH15.</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	<p>c) Công ty không còn đủ số lượng thành viên, cổ đông tối thiểu theo quy định của pháp luật trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.</p> <p>d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật</p>	

- Ghi chú: Thứ tự tại các Điều khoản tại Điều lệ tổ chức và hoạt động sẽ được chủ động cập nhật

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ TÙNG MÁY SỐ 1

Thái Nguyên, ngày tháng năm

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	6
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	6
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	6
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	7
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	7
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	8
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	9
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	9
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	9
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	9
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	9
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	10
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	11
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	11
Điều 10. Chào bán cổ phần.....	11
Điều 11. Chào bán trái phiếu	12
Điều 12. Mua cổ phần, trái phiếu.....	12
Điều 13. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông	13
Điều 14. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty và mua lại cổ phiếu của chính mình	13
Điều 15. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại	13
Điều 16. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức	14
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	14
Điều 17. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	14
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	14
Điều 18. Quyền của cổ đông.....	14

Điều 19. Nghĩa vụ của cổ đông.....	15
Điều 20. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.....	16
Điều 21. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.....	17
Điều 22. Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 24. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 25. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông..	22
Điều 26. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 27. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 28. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	25
Điều 29. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 30. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	28
Điều 31. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	29
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	29
Điều 32. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	29
Điều 33. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	31
Điều 34. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	31
Điều 35. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	33
Điều 36. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	33
Điều 37. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	34
Điều 38. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	36
Điều 39. Người phụ trách quản trị công ty	36
VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	37
Điều 40. Tổ chức bộ máy quản lý.....	37
Điều 41. Người điều hành công ty.....	37
Điều 42. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc	38
Điều 43. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Giám đốc	39
Điều 44. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Kế toán trưởng.....	39
IX. BAN KIỂM SOÁT.....	40
Điều 45. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát	40
Điều 46. Thành phần Ban kiểm soát.....	40
Điều 47. Trưởng Ban kiểm soát.....	41

Điều 48. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	41
Điều 49. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	42
Điều 50. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát ...	43
Điều 51. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát.....	43
Điều 52. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.....	44
X. PHÂN CẤP THẨM QUYỀN ĐỐI VỚI GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY	44
Điều 53. Công ty chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.	44
Điều 54. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch.....	45
Điều 55. Quyền hạn của Giám đốc trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch ..	46
XI. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	46
Điều 56. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	46
Điều 57. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	47
XII. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	48
Điều 58. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	48
XIII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	48
Điều 59. Công nhân viên và tổ chức chính trị, công đoàn.....	48
XIV. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	49
Điều 60. Trích quỹ và phân phối lợi nhuận	49
XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	49
Điều 61. Tài khoản ngân hàng	49
Điều 62. Chế độ tài chính và năm tài chính.....	50
XVI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	50
Điều 63. Báo cáo tài chính năm.....	50
Điều 64. Báo cáo thường niên	50
XVII. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	51
Điều 65. Kiểm toán.....	51
XVIII. DẤU CỦA CÔNG TY.....	51

Điều 66. Dấu của công ty.....	51
XIX. TỔ CHỨC LẠI, PHÁ SẢN GIẢI THỂ CÔNG TY	51
Điều 67. Tổ chức lại công ty.....	51
Điều 68. Giải thể công ty	51
Điều 69. Thanh lý	52
Điều 70. Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.....	52
Điều 71. Phá sản	53
XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	53
Điều 72. Giải quyết tranh chấp nội bộ	53
XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	53
Điều 73. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty	53
XXII. NGÀY HIỆU LỰC	54
Điều 74. Điều khoản thi hành	54

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số...../NQ-DHĐCĐ ngày tháng năm .

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Công ty* là Công ty cổ phần Phụ tùng máy số 1;
- Điều lệ* là văn bản điều lệ này, có hiệu lực sau khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua; Điều lệ phải phù hợp với các quy định của pháp luật và là văn bản pháp lý cao nhất trong hệ thống các văn bản quản lý nội bộ toàn Công ty.
- Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022;
- Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2025;
- Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân hàng nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Người điều hành doanh nghiệp* là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng;
- Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng;

- l) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - m) *Cổ tức* là khoản lợi nhuận sau thuế được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền hoặc bằng tài sản khác;
 - n) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
 - o) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - p) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
 - q) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con;
 - r) *Địa chỉ liên lạc* là địa chỉ đăng ký trụ sở chính đối với tổ chức; địa chỉ thường trú hoặc nơi làm việc hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với doanh nghiệp để làm địa chỉ liên lạc;
 - s) *Giấy tờ pháp lý của cá nhân* là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ Căn cước, thẻ Căn cước công dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác;
 - t) *Giấy tờ pháp lý của tổ chức* là một trong các loại giấy tờ sau đây: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác;
 - u) *Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp* là văn bản hoặc bản điện tử mà Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp cho công ty ghi lại những thông tin về đăng ký công ty;
 - v) *Người có quan hệ gia đình* bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng;
 - w) *Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp* có tư cách pháp nhân là cá nhân có quyền sở hữu trên thực tế vốn điều lệ hoặc có quyền chi phối đối với doanh nghiệp đó, trừ trường hợp người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế;
 3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên công ty:
 - a) Tên công ty viết bằng tiếng Việt: Công ty cổ phần Phụ tùng Máy số 1.
 - b) Tên công ty viết bằng tiếng Anh: Machinery Spare Parts No1 Joint Stock Company.
 - c) Tên công ty viết tắt: FUTU1
 - d) Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
 - e) Trụ sở đăng ký của công ty: Đường 3/2, tổ 10, phường Bá Xuyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.
 - f) Điện thoại: (84-208) 3862 396
 - g) Email liên hệ: phutung1@futu1.com.vn
 - h) Website: <http://futu1.com.vn/>
2. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
3. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 66 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Giám đốc công ty.
2. Quyền hạn của người đại diện theo pháp luật:

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
3. Nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật
 - a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;
 - b) Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều này;

- d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về bản thân mình và người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp tại các doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật
4. Trường hợp người đại diện theo pháp luật của Công ty vắng mặt tại Việt Nam thì phải uỷ quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Nếu hết thời hạn uỷ quyền mà người đại diện theo pháp luật của công ty chưa quay lại Việt Nam mà không có uỷ quyền khác thì người được uỷ quyền tiếp tục thực hiện các nội dung uỷ quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc hoặc Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty. Nếu người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không uỷ quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc trường hợp Giám đốc bị chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong việc nhận thức, làm chủ hành vi, bị toà án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Mục tiêu hoạt động của Công ty: tạo ra của cải vật chất và những giá trị phi vật chất, nhằm mang lại lợi ích cho các cổ đông, người lao động và đối tác, bạn hàng. Các hoạt động của Công ty tuân thủ pháp luật, Công ty kê khai, nộp thuế đầy đủ, đóng góp vào ngân sách nhà nước và ngân sách địa phương (nếu có) theo quy định chung.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty: được quy định trong hồ sơ đăng ký của Công ty nộp tại cơ quan có thẩm quyền theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tùy từng thời điểm, Đại hội đồng cổ đông quyết định việc sửa đổi, bổ sung, loại bỏ những ngành nghề không còn phù hợp và không mang lại hiệu quả cho Công ty.
2. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh các ngành nghề theo phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông sau khi đã thông báo với cơ quan có thẩm quyền và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
3. Trường hợp công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 70.798.530.000 VND (Bằng chữ: Bảy mươi tỷ, bảy trăm chín mươi tám triệu, năm trăm ba mươi nghìn đồng chẵn).
2. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 7.079.853 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
3. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
4. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này chỉ bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông được quy định tại Điều 18, Điều 19 Điều lệ này.
5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

Đối với cổ phiếu Chưa lưu ký: Chứng nhận cổ phiếu được cổ đông tự giữ. Trong trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới bất kỳ hình thức nào, cổ đông sẽ được yêu cầu cấp lại theo quy định tại Khoản 3 Điều này.

Đối với cổ phiếu đã lưu ký: Quyền sở hữu cổ phần của cổ đông được ghi nhận thông qua hệ thống đăng ký, lưu ký chứng khoán và không áp dụng hình thức cấp chứng nhận cổ phiếu.

Việc quản lý danh sách cổ đông sẽ do Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) thực hiện, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật và Quy chế của VSDC.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trường hợp Chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.
4. Trường hợp người sở hữu chứng khoán (cổ đông) có thay đổi địa chỉ liên lạc thì:
- a) Với Chứng khoán đã lưu ký: Người sở hữu chứng khoán (cổ đông) có trách nhiệm thông báo kịp thời và thực hiện các thủ tục cập nhật, thay đổi thông tin tại các thành viên lưu ký theo quy định.
 - b) Với Chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu chứng khoán (cổ đông) có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Công ty để Công ty thực hiện thủ tục đề nghị cập nhật, thay đổi thông tin của người sở hữu chứng khoán chưa lưu ký theo quy định. Việc điều chỉnh thông tin người sở hữu chứng khoán tuân thủ theo quy định pháp luật hiện hành và quy chế, quy định của VSDC.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.
3. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
4. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho người khác. Việc chuyển quyền sở hữu do tặng cổ phần sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, quy chế, quy định của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty sau khi VSDC hoàn thành việc chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của pháp luật hiện hành, quy chế, quy định của VSDC.

Điều 10. Chào bán cổ phần

1. Chào bán cổ phần là việc Công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.
2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:
 - a) Chào bán cho các cổ đông hiện hữu;

- b) Chào bán ra công chúng;
 - c) Chào bán cổ phần riêng lẻ.
3. Quy định cụ thể về chào bán cổ phần được thực hiện theo pháp luật về chứng khoán.

Điều 11. Chào bán trái phiếu

1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật.
2. Công ty phải tuân thủ các quy định về điều kiện chào bán trái phiếu theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
3. Trước khi chào bán trái phiếu ra công chúng, Công ty phải đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Công ty chỉ được chào bán trái phiếu ra công chúng sau khi được Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng.
4. Đại hội đồng cổ đông quyết định thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu, thông qua việc niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán (Đối với trường hợp chào bán trái phiếu ra công chúng) hoặc đăng ký giao dịch trái phiếu trên hệ thống đăng ký giao dịch (đối với trường hợp chào bán trái phiếu riêng lẻ) trong trường hợp Công ty phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền. Các trường hợp khác, Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu, hình thức và phương án phát hành, thời điểm phát hành, phương án sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình nghị quyết của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.
5. Công ty thực hiện việc đăng ký thay đổi vốn điều lệ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật về Chứng khoán

Điều 12. Mua cổ phần, trái phiếu

1. Trường hợp phát hành trái phiếu ra công chúng thì Công ty phải mở tài khoản phong toả để nhận tiền mua của đợt chào bán.
2. Trường hợp công ty có công ty mẹ - con thì công ty con không được đầu tư mua cổ phần, góp vốn vào công ty mẹ. Các công ty con của cùng một công ty mẹ không được đồng thời cùng góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau. Các công ty con có cùng một công ty mẹ là doanh nghiệp có sở hữu ít nhất 65% vốn nhà nước không được cùng nhau góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác hoặc để thành lập doanh nghiệp mới.
3. Đối tượng quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 17 Luật Doanh nghiệp không được mua cổ phần của Công ty.
4. Cổ phần, trái phiếu của Công ty cổ phần được mua bằng Đồng Việt Nam và phải được thanh toán đủ một lần.

Điều 13. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 14. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty và mua lại cổ phiếu của chính mình

1. Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định tại điều 133 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14.
2. Công ty đại chúng mua lại cổ phiếu của chính mình phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 36 Luật Chứng khoán và khoản 13 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15.
3. Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 36 Luật Chứng khoán và khoản 13 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15.
4. Công ty phải báo cáo và công bố thông tin và thực hiện mua lại cổ phần, cổ phiếu theo quy định tại Điều 37 Luật Chứng khoán.

Điều 15. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 13 và khoản 1 Điều 14 Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán. Công ty phải đăng ký điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Công ty.

4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần được mua lại.

Điều 16. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại hoặc trả cổ tức trái với quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này thì các cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho công ty thì tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 17. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát.
4. Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 18. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. Cổ đông có các quyền sau:
 - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác theo khoản 7 Điều 19 Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - e) Xem xét, tra cứu, trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

- f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
 - h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - b) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
 - c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d) Quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 32 Điều lệ này, thực hiện quyền đề cử người vào Ban kiểm soát được thực hiện theo Điều 45 Điều lệ này.

Điều 19. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Cung cấp thông tin nhân thân chính xác và đầy đủ để được thông báo về các vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của cổ đông, thông tin bao gồm nhưng không hạn chế trong: địa chỉ thường trú, địa chỉ tạm trú, địa chỉ nhận thư tín, số điện thoại cá nhân, địa chỉ email, các thông tin khác nếu có.
7. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
8. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
9. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 20. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức

1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông Công ty là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện theo ủy quyền.
3. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả những người đại diện theo ủy quyền.
4. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được văn bản. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;
 - b) Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần, tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền;
 - c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân từng người đại diện theo ủy quyền;
 - d) Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền;
 - e) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền.
5. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
 - b) Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;
 - c) Cổ đông là công ty có phần vốn cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ không được cử người có quan hệ gia đình của người quản lý và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty làm người đại diện theo ủy quyền tại Công ty khác;
 - d) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác do Hội đồng quản trị công ty quy định.

Điều 21. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức

1. Người đại diện theo ủy quyền nhân danh cổ đông thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Mọi hạn chế của cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của cổ đông tương ứng tại đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba.
2. Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông; thực hiện các quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông ủy quyền.

3. Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước cổ đông ủy quyền nếu vi phạm các nghĩa vụ được quy định tại điều này. Cổ đông ủy quyền chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.
4. Người đại diện theo ủy quyền không được ủy quyền tiếp.

Điều 22. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp tại lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu cổ phần chiếm tỷ lệ từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;
 - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;
- b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trở lên có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

5. Thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy của Luật Doanh nghiệp.
6. Các nội dung khác không được đề cập trong điều này thì tuân thủ theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông công ty;

- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán hoặc công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định hoặc uỷ quyền cho Ban kiểm soát quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty;
- m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
- e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán hoặc công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định hoặc uỷ quyền cho Ban kiểm soát quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty;
- k) Quyết định bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- l) Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi công ty;
- n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) công ty và chỉ định người thanh lý;
- o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của công ty.

- p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - q) Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch quy định quy định tại Điều 53 Chương X Điều lệ này.
 - r) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - s) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây
- a. Các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó có lợi ích liên quan tới giao dịch;
 - b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó theo quy định tại điều 13 của Điều lệ này trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của cổ đông trong Công ty hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc thỏa thuận trên Sở giao dịch chứng khoán.
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 24. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cổ đông, người đại diện theo pháp luật cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
- 2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp.

- 3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền sẽ hết hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Tuy nhiên, trong trường hợp công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện nêu trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại thì Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp vẫn có hiệu lực.

Điều 25. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội;
 - c) Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội;
 - d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;
 - f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g) Các công việc khác phục vụ Đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - c) Phiếu biểu quyết;

- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 26. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 27. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

- a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, ban kiểm phiếu đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
 - b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b) Trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp và:
- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

- c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác;
 - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Trường hợp công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3,4 điều này:
 - a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
 - e) Tổ chức lại, giải thể công ty;
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều này.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.
4. Trường hợp thông qua Nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.
5. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 29. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
 - a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- 6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- 7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.
- 8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 30. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký Biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
 3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa Biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong Biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
 4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.
 5. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 31. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 28 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 32. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e) Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của công ty;
 - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị, có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên thì được đề cử đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị được thực hiện như sau:
 - a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Nếu số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định, Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

Điều 33. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành tối thiểu của công ty là 01 thành viên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 34. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;

- e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 10% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- h) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- i) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác quy định tại Điều 54 Chương X Điều lệ này trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- j) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty; Quyết định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị, bộ phận trực thuộc; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện; Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp tại doanh nghiệp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, trừ các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- m) Quyết định ban hành, sửa đổi, bổ sung hệ thống quy chế quản lý nội bộ của công ty trong các lĩnh vực trọng yếu, bao gồm: tài chính, đầu tư; quản lý, sử dụng tài sản, quản lý Công nợ, tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- n) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- o) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- p) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;
- q) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;
- r) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty;
- s) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc

- t) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 35. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 36. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f) Đảm bảo việc trao đổi thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và rõ ràng với các thành viên Hội đồng quản trị.
 - g) Tạo điều kiện thuận lợi để các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, hoạt động một cách có hiệu quả và thiết lập mối quan hệ có tính chất xây dựng giữa các thành viên điều hành và những thành viên không điều hành trong Hội đồng quản trị.
 - h) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
2. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
 3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
 4. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
 - d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
 - e) Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.

Điều 37. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
 - b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
13. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của công ty.

Điều 38. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 39. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 4 điều 36 điều lệ này.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - e) Tư vấn thủ tục lập các Nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
 - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 40. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 41. Người điều hành công ty

1. Người điều hành công ty bao gồm Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng.
2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành công ty phải có trách nhiệm để hỗ trợ công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Giám đốc, Phó giám đốc, kế toán trưởng được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng thực hiện theo Quy chế tiền lương do Hội đồng quản trị phê duyệt.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 42. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc. Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ.
2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;
 - e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc phù hợp với quy chế trong lĩnh vực tiền lương, thù lao, tiền thưởng do Hội đồng quản trị ban hành.
 - g) Tuyển dụng lao động;
 - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
 - j) Giám đốc phải thiết lập và duy trì hệ thống thực thi quản trị rủi ro bao gồm các quy trình, bộ máy, nhân sự nhằm đảm bảo ngăn ngừa các rủi ro có thể ảnh hưởng tới lợi ích của Công ty và khách hàng; thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm cơ cấu tổ chức, nhân sự độc lập và chuyên trách, các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của công ty nhằm bảo đảm mục tiêu tuân thủ quy định của pháp luật.

- k) Xây dựng các nội quy, quy định nội bộ phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, các quy chế quản lý nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành và các quy định pháp luật liên quan.
- l) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, của Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
- 5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.
- 6. Tiêu chuẩn Giám đốc:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty;
 - c) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;

Điều 43. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Giám đốc

- 1. Các Phó Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Giám đốc công ty. Các tiêu chuẩn của Phó Giám đốc tương tự như tiêu chuẩn với Giám đốc công ty.
- 2. Số lượng các Phó Giám đốc tùy thuộc theo nhu cầu công việc, nhưng không quá năm (05) Phó Giám đốc.
- 3. Các Phó Giám đốc giúp việc cho Giám đốc theo sự phân công và chỉ đạo của Giám đốc công ty.

Điều 44. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Kế toán trưởng

- 1. Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Giám đốc công ty.
- 2. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán trong công ty, chịu sự chỉ đạo của Giám đốc công ty.
- 3. Kế toán trưởng phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a) Có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ bậc đại học trở lên;
 - b) Thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là hai năm;
 - c) Phải có chứng chỉ qua lớp bồi dưỡng kế toán trưởng.
 - d) Theo tiêu chuẩn quy định tại các văn bản pháp luật liên quan khác.

4. Kế toán trưởng có trách nhiệm:
 - a) Thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán, tài chính trong công ty;
 - b) Tổ chức điều hành bộ máy kế toán theo quy định của Luật kế toán;
 - c) Lập báo cáo tài chính.
5. Kế toán trưởng có quyền độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 45. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 32 Điều lệ này. Cụ thể: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát, có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên thì được đề cử đủ số lượng thành viên Ban kiểm soát.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 46. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của công ty là 3 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 47. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 48. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán hoặc công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; theo sự uỷ quyền của đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát được quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
10. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.
11. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên.
12. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty..
13. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
14. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.
15. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.
16. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
17. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 49. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 50. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Các chi phí này phải nằm trong ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát trừ trường hợp đại hội đồng cổ đông quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

Điều 51. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và đáp ứng các tiêu chí sau:
 - a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng;
 - d) Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;
 - e) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
 - f) Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
2. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 1 Điều này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.

3. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 52. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành.
2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.
3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

X. PHÂN CẤP THẨM QUYỀN ĐỐI VỚI GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY

Điều 53. Công ty chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

1. Chấp thuận việc Cấp các khoản vay hoặc Bảo lãnh với bên có liên quan
 - Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này.
Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho bên có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác là tổ chức (Không phải là cổ đông công ty trừ trường hợp quy định tại khoản 2 điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP) và tổ chức đó cùng công ty là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ -

công ty con, tập đoàn kinh tế: ĐHĐCĐ chấp thuận việc cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên giá trị tài sản trở lên hoặc ghi trên báo cáo tài chính gần nhất.

2. Chấp thuận các giao dịch khác ngoài các giao dịch tại khoản 1 Điều này với bên có liên quan
 - a, Đối với cổ đông sở hữu từ năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó:

Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty.
 - b, Đối với một trong các đối tượng sau:

- ❖ Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- ❖ Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;
- ❖ Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp;

Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất.

Điều 54. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Chấp thuận việc Cấp các khoản vay hoặc Bảo lãnh với bên có liên quan:

Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho bên có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác là tổ chức (Không phải là cổ đông công ty trừ trường hợp quy định tại khoản 2 điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP) và tổ chức đó cùng công ty là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế: HĐQT chấp thuận việc cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất.
2. Chấp thuận giao dịch khác ngoài các giao dịch cấp các khoản vay hoặc Bảo lãnh nêu tại khoản 1 Điều này với bên có liên quan:
 - a, Đối với cổ đông sở hữu từ năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó:

Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị từ mười phần trăm (10%) trở xuống tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty.

b, Đối với một trong các đối tượng sau:

- ❖ Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- ❖ Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;
- ❖ Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp năm 2020;

Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất

3. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác với các đối tượng khác ngoài các đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trừ các hợp đồng, giao dịch liên quan tới quyết định đầu tư hoặc bán tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 55. Quyền hạn của Giám đốc trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng, giao dịch

Giám đốc quyết định các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 53, Điều 54 Điều lệ này

XI. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 56. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty khác do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, công ty

phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại Điều 54 Điều lệ này.
7. Đối với hợp đồng, giao dịch thuộc quyền chấp thuận của đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều 53 Điều lệ này, người đại diện của công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Đại hội đồng cổ đông có thể họp hoặc xin ý kiến bằng văn bản đề thông qua hợp đồng, giao dịch. Đại hội đồng cổ đông có thể xem xét việc thông qua các hợp đồng, giao dịch trong mỗi kỳ họp thường niên của mình và Quyết định thông qua hợp đồng, giao dịch có thể áp dụng cho nhiều hợp đồng, giao dịch nếu cùng đối tượng liên quan.

Điều 57. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XII. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 58. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.

XIII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 59. Công nhân viên và tổ chức chính trị, công đoàn

1. Tổ chức Đảng cộng sản, Công đoàn, Đoàn thanh niên và các tổ chức chính trị xã hội khác tại công ty hoạt động theo hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức đó. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ của các tổ chức đó.
2. Khi cần thiết, Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của công ty với các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy

định pháp luật hiện hành.

XIV. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 60. Trích quỹ và phân phối lợi nhuận

1. Công ty có thể có các quỹ sau đây, Đại hội đồng cổ đông quyết định việc trích quỹ và Hội đồng quản trị quyết định việc phân phối, sử dụng các quỹ này:
 - a) Quỹ phát triển khoa học và công nghệ;
 - b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi;
 - c) Quỹ đầu tư phát triển để đầu tư chiều sâu, đầu tư mở rộng sản xuất.
2. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của công ty.
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 61. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết,

công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán bằng tiền mặt hoặc thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà công ty mở tài khoản.
4. Người đại diện theo ủy quyền liên quan đến tài khoản ngân hàng của công ty không được ủy quyền tiếp.

Điều 62. Chế độ tài chính và năm tài chính

1. Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự quản về tài chính; tự cân đối các khoản thu, chi, bảo toàn, phát triển vốn.
2. Năm tài chính của công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào 31 tháng 12 hàng năm, tính theo năm dương lịch.
3. Công ty thực hiện việc hạch toán, kế toán, thống kê theo đúng Luật kế toán hiện hành. công ty sử dụng sổ sách kế toán bằng tiếng Việt, lưu giữ hồ sơ kế toán tại văn phòng công ty theo đúng quy định của pháp luật và quy định của công ty.
4. Cuối năm tài chính, trong thời hạn quy định, Hội đồng quản trị thông qua báo cáo tài chính đề trình Đại hội đồng cổ đông. Báo cáo tài chính phải bao gồm tất cả các nội dung của báo cáo theo quy định và phải được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán độc lập.
5. Trường hợp công ty có Chi nhánh, thì quy chế quản lý tài chính của Chi nhánh do Hội đồng quản trị ban hành, kèm theo quy chế tổ chức hoạt động.
6. Các văn bản này cùng biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại Văn phòng công ty theo luật định.

XVI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 63. Báo cáo tài chính năm

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của công ty.
3. Các báo cáo và tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 64. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng.

XVII. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 65. Kiểm toán

1. Dựa trên đề xuất của Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Ban kiểm soát quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của công ty cho năm tài chính tiếp theo.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của công ty.

XVIII. DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 66. Dấu của công ty

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XIX. TỔ CHỨC LẠI, PHÁ SẢN GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 67. Tổ chức lại công ty

1. Công ty không lựa chọn các hình thức tổ chức lại công ty, gồm chia, tách, hợp nhất, sáp nhập.

Trong những trường hợp cụ thể, việc tổ chức lại công ty mang lại lợi ích cho các cổ đông, thì sẽ do Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định

Điều 68. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - c) Công ty không còn đủ số lượng thành viên, cổ đông tối thiểu theo quy định của pháp luật trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại

hình doanh nghiệp;

- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.
3. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và doanh nghiệp không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài. Người quản lý có liên quan và công ty cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
4. Trình tự, thủ tục giải thể thực hiện theo quy định của pháp luật. Việc thanh lý tài sản do Đại hội đồng cổ đông hoặc các cổ đông còn lại trong trường hợp giải thể khi không đủ số lượng cổ đông theo quy định.

Điều 69. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Ban kiểm soát chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý công ty trước tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế;
 - d) Các khoản nợ khác của công ty;
 - e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Điều 70. Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện

1. Chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty được chấm dứt hoạt động theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc theo quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Thủ tục chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện và các trách nhiệm liên quan thực hiện theo yêu cầu của pháp luật.

Điều 71. Phá sản

Việc phá sản công ty tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp, Luật phá sản và các quy định của pháp luật hiện hành

XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 72. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a) Cổ đông với công ty;
 - b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh và chủ tịch nhận được hồ sơ, tài liệu để giải quyết.

Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài Thương mại hoặc Tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 73. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt

động của công ty.

XXII. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 74. Điều khoản thi hành

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục được đánh số từ I đến XXII, 74 Điều được Đại hội đồng cổ đông công ty cổ phần Phụ tùng Máy số 1 nhất trí thông qua ngày tháng năm 2026 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành năm (05) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty mới có giá trị sử dụng.

Người đại diện theo pháp luật

PHỤ LỤC 02: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 THÔNG QUA

(Đính kèm Tờ trình số .../TTr-HĐQT, ngày tháng năm 2026)

Ghi chú:

- Các điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng gạch chân.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị sửa đổi” là nội dung **màu đen, in đậm**.
- Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
- Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022;
- Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 06 năm 2025
- Luật Chứng khoán là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
- Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;
- Nghị định 155/2020/NĐ – CP là Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11 ngày 9 tháng năm 2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Thông tư 116/2020/TT – BTC là Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số Điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của luật chứng khoán

Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị sửa đổi	Lý do sửa đổi
Điều 2. Giải thích thuật ngữ	Điều 2. Giải thích thuật ngữ	
d) “Cổ đông lớn” là Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành	d) “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành	Sửa đổi câu chữ
i) “Người nội bộ” công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, <u>Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin và một số chức danh khác theo quy định pháp luật</u>	i) “Người nội bộ” công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát; người phụ trách quản trị công ty, thư ký công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.	Sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14
Điều 3. Quy chế quản trị công ty	Điều 3. Quy chế nội bộ về quản trị công ty	
2. Trình tự, thủ tục <u>về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</u> (Phụ lục I đính kèm);	2. Trình tự, thủ tục họp đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp đại hội đồng cổ đông, hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến (Phụ lục I đính kèm)	Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 273 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và phụ lục II ban hành kèm theo thông tư 116/2020/TT-BTC
CHƯƠNG II: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ	CHƯƠNG II: MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY	Sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14
Điều 4. Cơ cấu tổ chức quản lý	Điều 4. Mô hình quản trị Công ty	Sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 137 Luật

Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị sửa đổi	Lý do sửa đổi
Công ty hoạt động theo mô hình tổ chức quản lý sau	Công ty hoạt động theo mô hình sau	Doanh nghiệp số 59/2020/QH14
Điều 5. Quyền của cổ đông	Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông	
<p>1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều 18, 19 Điều lệ công ty, đặc biệt là:</p> <p>a) Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>c) Quyền được thông báo đầy đủ thông định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của công ty;</p> <p>d) Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua các hình thức khác như: Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p>	<p>Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều 18, 19 Điều lệ công ty</p>	Sửa đổi sang dẫn chiếu

Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.</p> <p>e) Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần trong công ty.</p> <p>f) Nghĩa vụ tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p> <p>g) Nghĩa vụ cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.</p> <p>2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị hủy quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật gây tổn hại tới công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc phải đền bù cho công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu công ty bồi thường tổn thất theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>a) Vi phạm pháp luật;</p> <p>b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p>		

Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị sửa đổi	Lý do sửa đổi
c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty		
Điều 7. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường	Điều 6. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường	
6. Hàng năm công ty phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội cổ đông khi xét thấy vì lợi ích công ty	6. Hàng năm công ty phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội cổ đông khi xét thấy vì lợi ích công ty trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 của Luật Doanh nghiệp	Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14
Điều 10. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị	Điều 9. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị	
2. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính; lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty và có xét yếu tố về giới tính; đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành. <u>Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị</u>	2. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính; lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty và có xét yếu tố về giới tính; đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của công ty tối thiểu là 01 thành viên	Sửa đổi theo quy định tại khoản 79 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP
Điều 11. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị	Điều 10. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị	

Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị sửa đổi	Lý do sửa đổi
c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác;	Thành viên Hội đồng quản trị của công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác	Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại quy định tại khoản 78 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP
Điều 12. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị	Điều 11. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị	
<p><u>1. Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty</u></p>	<p>1. Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 34 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d Điều 138 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và sửa đổi dẫn chiếu theo quy định tại điều lệ</p>
<p><u>2. Hội đồng quản trị được thực hiện các quyền về tài chính, hợp đồng, giao dịch quy định tại Điều 60 Điều lệ công ty, đặc biệt là:</u></p> <p><u>a) Hội đồng quản trị có quyền quyết định đầu tư, mua hoặc bán số tài sản có giá trị từ 10% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</u></p> <p><u>b) Hội đồng quản trị quyết định xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, tiếp thị và thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty</u></p>	<p>2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng, giao dịch quy định tại điều 54 Điều lệ công ty</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d Điều 138 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và sửa đổi dẫn chiếu theo quy định tại điều lệ</p>
Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị	Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị	

Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p><u>Chủ tịch Hội đồng quản trị có nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 36 Điều lệ công ty, chi tiết như sau:</u></p> <p><u>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người chịu trách nhiệm chung tổ chức thực hiện mọi công việc của Hội đồng quản trị; điều khiển Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty, tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về công việc của mình;</u></p> <p><u>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc, Chủ tịch HĐQT có nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 36 Điều lệ công ty, cụ thể như sau:</u></p> <p><u>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị ký các Nghị quyết, Quyết định và các văn bản hoặc thông qua các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; việc ủy quyền cho các thành viên Hội đồng quản trị khác ký thay phải được thực hiện bằng văn bản.</u></p> <p><u>b) Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập, chủ trì các cuộc họp Hội đồng quản trị và phân công thành viên Hội đồng quản trị chuẩn bị nội dung các cuộc họp Hội đồng quản trị; Đại hội đồng cổ đông; thông báo nội dung cuộc họp và yêu cầu Giám đốc, Ban kiểm soát hoặc người điều hành khác (nếu thấy cần thiết) chuẩn bị các tài liệu, báo cáo;</u></p>	<p>Chủ tịch Hội đồng quản trị có nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 36 Điều lệ công ty</p>	<p>Sửa đổi dẫn chiếu theo quy định tại Điều lệ</p>

Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p><u>c) Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị; nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</u></p> <p><u>d) Chủ tịch Hội đồng quản trị theo dõi và đôn đốc quá trình thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;</u></p> <p><u>e) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật</u></p>		
<p>Điều 14. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 13. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị</p>	
<p>3. Miễn nhiệm chủ tịch HĐQT:</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <p>-Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020</p>	<p>3. Miễn nhiệm chủ tịch HĐQT:</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <p>-Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 32 Điều lệ Công ty;</p>	<p>Cập nhật thêm dẫn chiếu tới điều lệ</p>
<p>Điều 16. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 15. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p>	
<p><u>8.Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác của công ty.</u></p>	<p>8. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người phụ trách quản trị công ty và người quản lý khác của công ty.</p>	<p>Bổ sung theo quy định tại Điều 278 nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều 1 Nghị Định 245/2025/NĐ-CP</p>

Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị sửa đổi	Lý do sửa đổi
Chưa có	10. Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua	Bổ sung theo quy định tại Điều 278 nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều 1 Nghị Định 245/2025/NĐ-CP
Điều 24. Số lượng, tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát	Điều 23. Số lượng, tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát	
b) <u>Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột</u> của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng	b) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng	Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 169 Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14
Chưa có	f) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp	Bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 169 Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14
Điều 25. Quyền và nghĩa vụ của Thành viên Ban kiểm soát	Điều 24. Quyền và nghĩa vụ của Thành viên Ban kiểm soát	
1. Thành viên Ban kiểm soát có các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành công ty khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của Thành viên Ban kiểm soát	1. Thành viên Ban kiểm soát có các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành công ty khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của Thành viên Ban kiểm soát	Sửa đổi theo quy định tại Điều 171 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14

Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị sửa đổi	Lý do sửa đổi
Điều 30. Thành phần và tiêu chuẩn của người điều hành	Điều 29. Thành phần và tiêu chuẩn của người điều hành	
Chưa có	2. Giám đốc và Phó Giám đốc phải có tiêu chuẩn sau: c) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ	Bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 162 Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14
3. Kế toán trưởng của Công ty phải có điều kiện và tiêu chuẩn sau: Chưa có	3. Kế toán trưởng của Công ty phải có điều kiện và tiêu chuẩn sau: d) Các Điều kiện, tiêu chuẩn khác theo quy định tại luật kế toán và pháp luật có liên quan	Bổ sung để đảm bảo phù hợp với thực tế thực hiện
Điều 31. Quyền hạn và nhiệm vụ của người điều hành	Điều 30. Quyền hạn và nhiệm vụ của người điều hành	
a) Giám đốc công ty có quyền quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị nhỏ hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty	a) Giám đốc công ty có quyền quyết định đầu tư, bán số tài sản có giá trị nhỏ hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty	Sửa đổi bổ sung phù hợp với quy định tại Điều 138 và 167 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14
b) Giám đốc Công ty quyết định xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, tiếp thị và thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty	b) Giám đốc Công ty quyết định việc phê duyệt, ký kết hợp đồng, giao dịch theo quy định tại Điều 55 Điều lệ Công ty	Sửa đổi bổ sung phù hợp với quy định tại Điều 138 và 167 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14

Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị sửa đổi	Lý do sửa đổi
Điều 33. Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc	Điều 32. Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc	
<p>Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và thực hiện theo <u>Quy chế tiền lương do Hội đồng quản trị phê duyệt</u>. Tiền lương, lợi ích của khác của Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên</p>	<p>Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và thực hiện theo <u>quy chế liên quan tới lĩnh vực tiền lương do Hội đồng quản trị ban hành</u></p>	<p>Sửa đổi đảm bảo tính thống nhất về cấu chữ đối với thẩm quyền của HĐQT</p>
Điều 36. Giao dịch với cổ đông, người quản lý công ty và người có liên quan của các đối tượng này	Điều 35. Giao dịch với cổ đông, người quản lý công ty và người có liên quan của các đối tượng này	
<p>3. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp sau đây:</p> <p><u>a) Công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại Điều lệ công ty;</u></p> <p><u>b) Trường hợp pháp luật có quy định khác.</u></p>	<p>3. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp sau đây:</p> <p><u>Công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty; đồng thời tổ chức là người có liên quan không phải là cổ đông của công ty đại chúng theo quy định tại khoản 2 Điều 293 nghị định 155/2020/NĐ-CP</u></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 84 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP</p>
<u>4. Công ty chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận</u>	4. Công ty chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận theo quy định tại Điều 53 Điều lệ Công ty	Cập nhật dẫn chiếu theo điều lệ

Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p><u>a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, các người quản lý khác và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này, trừ trường hợp công ty và tổ chức có liên quan đến cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác</u></p>		
<p><u>5. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch tại điểm b khoản 4 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn</u></p>	<p>5. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại Điều 54 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu về Điều lệ</p>
<p>Điều 44. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc</p>	<p>Điều 43. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc</p>	
<p>Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 27 Quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về giao dịch trong các trường hợp sau</p>	<p>Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 33 Quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về giao dịch trong các trường hợp sau</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu</p>
<p>Điều 47. Xử lý vi phạm</p>	<p>Điều 46. Xử lý vi phạm</p>	
<p>Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan vi phạm quy định về quản trị công ty bị xử phạt theo quy định tại Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm</p>	<p>Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan vi phạm quy định về quản trị công ty bị xử phạt theo quy định tại Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và Nghị định 128/2021/NĐ-CP ngày</p>	<p>Cập nhật văn bản quy phạm pháp luật hiện hành</p>

Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị sửa đổi	Lý do sửa đổi
hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán	30/12/2021 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán	
PHỤ LỤC 1: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	PHỤ LỤC 1: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG, HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN HOẶC BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TIẾP KẾT HỢP VỚI TRỰC TUYẾN	
Điều 3. Thẩm quyền triệu tập họp đại hội đồng cổ đông	Điều 3. Thẩm quyền triệu tập họp đại hội đồng cổ đông	
<p>Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều 22 Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều 22 Điều lệ công ty;</p> <p>Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại</p>	<p>Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều 22 Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều 22 Điều lệ công ty; Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.</p> <p>Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4</p>	<p>Bổ sung theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 140 Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14</p>

Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị sửa đổi	Lý do sửa đổi
hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp	Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.	
Điều 4. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp	Điều 4. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	
Chưa có	Công ty thực hiện công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.	Bổ sung theo quy định tại a khoản 4 Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC
Điều 5. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 5. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	
Công ty phải báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho Trung tâm lưu ký chứng khoán , Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch), báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	Công ty phải báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam , Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch), báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	Sửa đổi phù hợp với thực tế
Chưa có	Công ty phải báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối	Bổ sung phù hợp với thực tế thực hiện lấy ý

Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị sửa đổi	Lý do sửa đổi
	<p>cùng chốt danh sách cổ đông thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch), báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày Đăng ký cuối cùng dự kiến.</p>	<p>kiến cổ đông bằng văn bản</p>
<p>Điều 7. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 7. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p>3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Quy chế này <u>nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</u></p>	<p>3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Quy chế này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 142 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14</p>
<p>Chưa có</p>	<p>Điều 19. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến (bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết)</p>	<p>Bổ sung theo quy định tại Điều 273 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>
<p>Chưa có</p>	<p>1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến thực hiện tương tự quy</p>	

Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị sửa đổi	Lý do sửa đổi
	<p>định tại Điều 3 Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế này.</p>	
	<p>2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>a) Việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp cuộc họp được tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến thực hiện tương tự quy định tại Điều 4 và Điều 5 Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế này.</p> <p>b) Việc thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến thực hiện theo quy định tại Điều 6 Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế này. Thông báo mời họp phải quy định rõ cách thức đăng ký và tham dự họp trực tuyến, cách thức bỏ phiếu điện tử và phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận.</p>	
Chưa có	<p>c) Thông báo mời họp có thể bao gồm tên đăng nhập, mật khẩu để cổ đông đăng nhập vào hệ thống</p>	

Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị sửa đổi	Lý do sửa đổi
	<p>ĐHĐCĐ trực tuyến, tham dự và biểu quyết đối với các vấn đề cần thông qua tại Đại hội cổ đông</p> <p>Khi nhận được thư mời họp có thông tin liên quan đến việc đăng nhập vào hệ thống và các yếu tố định danh khác, cổ đông phải chịu trách nhiệm bảo mật thông tin của mình để đảm bảo chỉ có cổ đông mới có quyền tham dự và bỏ phiếu trên hệ thống. Công ty sẽ hỗ trợ tối đa trong việc đảm bảo cho cổ đông được tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nhưng không chịu trách nhiệm đối với những vấn đề phát sinh do cổ đông làm mất thông tin đăng nhập.</p> <p>d) Cổ đông có nghĩa vụ cung cấp thông tin cá nhân và địa chỉ cho Công ty theo quy định tại Điều lệ công ty. Đồng thời, để bảo mật thông tin cá nhân cho cổ đông, Công ty có thể yêu cầu cổ đông cung cấp lại thông tin cá nhân, tối thiểu bao gồm: Số điện thoại di động, hòm thư điện tử (địa chỉ email), địa chỉ thường trú hoặc tạm trú (địa chỉ liên lạc).</p> <p>Công ty có thể gửi thông tin tên đăng nhập và mật khẩu để cổ đông tham dự và biểu quyết như đã đề cập tại Điểm c Khoản này cho cổ đông thông qua hòm thư điện tử hoặc hình thức khác theo thông tin đăng ký của cổ đông</p>	

Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị sửa đổi	Lý do sửa đổi
Chưa có	<p>3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông</p> <p>a) Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông (nếu có) tham dự họp thông qua hình thức hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến để thực hiện đăng ký tham dự họp. Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông một (01) tên đăng nhập kèm mật khẩu tương ứng để truy cập vào hệ thống nêu trên. Hướng dẫn cụ thể sẽ được ghi trong thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>b) Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông (nếu có) có thể đăng ký tham dự họp trực tiếp (trong trường hợp tổ chức ĐHĐCĐ theo hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến) theo quy định tại Điều 9 Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế này và theo hướng dẫn ghi trong thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông.</p>	
Chưa có	<p>4. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến được</p>	

Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị sửa đổi	Lý do sửa đổi
	thực hiện theo quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty và những cách thức được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.	
Chưa có	<p>5. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến được tiến hành khi đáp ứng các quy định tại Điều 26 Điều lệ Công ty</p>	
Chưa có	<p>6. Cách thức biểu quyết, kiểm phiếu, và thông báo kết quả kiểm phiếu</p> <p>a) Cách thức bỏ phiếu, thực hiện biểu quyết, bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến sẽ được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.</p> <p>b) Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến quy định tại điểm a khoản 3 Điều này để thực hiện biểu quyết/ bầu cử. Khi cổ đông tiến hành bỏ phiếu điện tử, số ý kiến “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” đối với từng nội dung biểu quyết và số phiếu bầu cử cho từng ứng viên được ghi nhận trên hệ thống bỏ phiếu điện</p>	

Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị sửa đổi	Lý do sửa đổi
	<p>tử. Trong trường hợp tổ chức Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến, những cổ đông dự họp trực tiếp thực hiện biểu quyết theo cách thức quy định tại Điều 13 Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế này. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm kiểm phiếu và tổng hợp kết quả biểu quyết, bầu cử của tất cả các cổ đông dự họp.</p> <p>c) Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa hoặc trưởng ban kiểm phiếu công bố ngay sau khi có kết quả kiểm phiếu</p>	
Chưa có	<p>7. Hình thức và điều kiện để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Hình thức và điều kiện để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tuân thủ quy định tại Điều 28 Điều lệ Công ty.</p>	
Chưa có	<p>8. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Việc lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo Điều 15 Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế này</p>	
Chưa có	<p>9. Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</p>	

Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị sửa đổi	Lý do sửa đổi
	Việc công bố nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện tương tự quy định tại Điều 16 Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế này	
Chưa có	<p>10. Cách thức phản đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Cách thức phản đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp với trực tuyến thực hiện theo quy định tại Điều 17 Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế này.</p>	
Chưa có	<p>11. Hiệu lực của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến có giá trị tương đương nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp và có hiệu lực theo quy định tại Điều lệ Công ty.</p>	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

QUY CHẾ NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ TÙNG MÁY SỐ 1

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2026

MUC LUC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG.....	6
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	6
Điều 2. Giải thích thuật ngữ	6
Điều 3. Quy chế nội bộ về quản trị công ty	7
CHƯƠNG II: MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY	8
Điều 4. Mô hình quản trị Công ty.....	8
CHƯƠNG III: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG	8
Điều 5. Quyền và Nghĩa vụ của cổ đông.....	8
CHƯƠNG IV: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	8
Điều 6. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường.....	8
Điều 7. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.....	9
Điều 8. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	10
CHƯƠNG V: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	10
Điều 9. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị	10
Điều 10. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị	10
Điều 11. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị	11
Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị	11
Điều 13. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị	11
Điều 14. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền	12
Điều 15. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	12
Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	13
Điều 17. Tiền lương, thù lao, thưởng và các khoản lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	13
Điều 18. Thư ký công ty.....	13
Điều 19. Các trường hợp phải triệu tập họp HĐQT bất thường.....	13
Điều 20. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên HĐQT.....	14
Điều 21. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.....	14
Điều 22. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	15
CHƯƠNG VI: BAN KIỂM SOÁT.....	15
Điều 23. Số lượng, tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát.....	15
Điều 24. Quyền và nghĩa vụ của Thành viên Ban kiểm soát	16
Điều 25. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	16
Điều 26. Cuộc họp của Ban kiểm soát	16

Điều 27. Tiền lương, thù lao, thưởng và các khoản lợi ích khác của Thành viên Ban kiểm soát	17
Điều 28. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	17
CHƯƠNG VII: BAN ĐIỀU HÀNH.....	17
Điều 29. Thành phần và tiêu chuẩn của người điều hành	17
Điều 30. Quyền hạn và nhiệm vụ của người điều hành.....	18
Điều 31. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Giám đốc	18
Điều 32. Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc	19
CHƯƠNG VIII: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH.....	19
Điều 33. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý công ty	19
Điều 34. Giao dịch với người có liên quan	19
Điều 35. Giao dịch với cổ đông, người quản lý công ty và người có liên quan của các đối tượng này	20
Điều 36. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty	20
CHƯƠNG IX: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	20
Điều 37. Nghĩa vụ công bố thông tin	20
Điều 38. Nguyên tắc công bố thông tin.....	21
Điều 39. Nội dung công bố thông tin	21
Điều 40. Báo cáo và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động công ty	22
Điều 41. Báo cáo và công bố thông tin về quản trị công ty	22
Điều 42. Công bố thông tin về thu nhập của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc	22
Điều 43. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc.....	22
Điều 44. Tổ chức công bố thông tin	23
CHƯƠNG X: GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM.....	23
Điều 45. Giám sát về quản trị công ty	23
Điều 46. Xử lý vi phạm	23
CHƯƠNG XI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	23
Điều 47. Sửa đổi bổ sung.....	23
Điều 48. Ngày hiệu lực.....	24
PHỤ LỤC 1: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỢP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỢP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG, HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN HOẶC BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TIẾP KẾT HỢP VỚI TRỰC TUYẾN	25

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	25
Điều 2. Đối tượng áp dụng	25
Điều 3. Thẩm quyền triệu tập họp đại hội đồng cổ đông	25
Điều 4. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	26
Điều 5. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	26
Điều 6. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	27
Điều 7. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông	27
Điều 8. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông	28
Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông	28
Điều 10. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	29
Điều 11. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	29
Điều 12. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	29
Điều 13. Cách thức bỏ phiếu và kiểm phiếu:	29
Điều 14. Cách thức kiểm phiếu:	30
Điều 15. Lập Biên bản Đại hội đồng cổ đông	30
Điều 16. Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	31
Điều 17. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông	31
Điều 18. Thê thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	31
PHỤ LỤC 2: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	36
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	36
Điều 2. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	36
Điều 3. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị	37
Điều 4. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	37
Điều 5. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị.....	37
PHỤ LỤC 3: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	39
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	39
Điều 2. Đối tượng áp dụng	39
Điều 3. Quy định về cuộc họp đầu tiên	39
Điều 4. Triệu tập họp và thông báo họp Hội đồng quản trị.....	39
Điều 5. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị.....	40

Điều 6. Cách thức biểu quyết	40
Điều 7. Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị	41
Điều 8. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị	41
Điều 9. Thông báo Nghị quyết Hội đồng quản trị	42
PHỤ LỤC 4: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	43
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	43
Điều 2. Đối tượng áp dụng	43
Điều 3. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát.....	43
Điều 4. Cách thức bầu Thành viên Ban kiểm soát	43
Điều 5. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát	43
PHỤ LỤC 5: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY.....	45
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	45
Điều 2. Bổ nhiệm Người điều hành công ty	45
Điều 3. Ký hợp đồng lao động với người điều hành công ty	45
Điều 4. Miễn nhiệm người điều hành công ty	46
Điều 5. Thông báo bổ nhiệm người điều hành công ty	46
PHỤ LỤC 6: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH.....	47
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	47
Điều 2. Đối tượng áp dụng	47
Điều 3. Nguyên tắc phối hợp.....	47
Điều 4. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban điều hành	47
Điều 5. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát	48
Điều 6. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Ban điều hành.....	48
PHỤ LỤC 7: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	50
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	50
Điều 2. Đối tượng áp dụng	50
Điều 3. Đánh giá hoạt động	50
Điều 4. Khen thưởng	50
Điều 5. Xử lý vi phạm và kỷ luật	51

CÔNG TY CỔ PHẦN
PHỤ TÙNG MÁY SỐ 1

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2026

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022;
- Căn cứ Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 06 năm 2025;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11 ngày 9 tháng năm 2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Phụ Tùng máy số 1;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số /NQ-ĐHĐCĐ ngày tháng năm 2026.
- Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Phụ tùng Máy số 1;
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Phụ tùng Máy số 1 bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
- Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

- Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - Quản trị công ty là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:
 - Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
 - Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;

- Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
 - Công khai minh bạch mọi hoạt động của công ty.
 - b) “Công ty” là Công ty cổ phần Phụ tùng Máy số 1.
 - c) “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
 - d) “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành.
 - e) “Người quản lý công ty bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.
 - f) “Người điều hành công ty” là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.
 - g) “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được theo quy định Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán và Khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp.
 - h) “Người phụ trách quản trị công ty là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại khoản 3 Điều 281 Nghị định 155/2020/ND-CP.
 - i) “Người nội bộ công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát; người phụ trách quản trị công ty, thư ký công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.
2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 3. Quy chế nội bộ về quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Quy chế nội bộ về quản trị công ty không được trái với các nguyên tắc và quy định hiện hành về quản trị công ty. Quy chế nội bộ về quản trị được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty. Quy chế nội bộ quản trị công ty gồm các nội dung chủ yếu sau:
2. Trình tự, thủ tục họp đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp đại hội đồng cổ đông, hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến (Phụ lục I đính kèm);
3. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị (Phụ lục II đính kèm);
4. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị (Phụ lục III đính kèm);
5. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát (Phụ lục IV đính kèm).
6. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành công ty (Phụ lục V đính kèm);
7. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc (Phụ lục VI đính kèm);
8. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác (Phụ lục VII đính kèm);
9. Ngoài ra, Quy chế nội bộ về quản trị công ty dẫn chiếu đến một số quy định trong Điều lệ Công ty; các quy chế, quy định khác.

CHƯƠNG II: MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 4. Mô hình quản trị Công ty

Công ty hoạt động theo mô hình sau:

1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế này.

2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan thực hiện việc giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty trong việc quản lý và điều hành công ty.

4. Giám đốc công ty

Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

CHƯƠNG III: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG

Điều 5. Quyền và Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều 18, 19 Điều lệ công ty.

CHƯƠNG IV: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 6. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường

1. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông gồm các nội dung chính sau:
 - a) Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - c) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;
 - d) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông (người có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông; quy định về kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp);
 - f) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;
 - h) Điều kiện tiến hành;
 - i) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - j) Cách thức bỏ phiếu;

- k) Cách thức kiểm phiếu;
 - l) Điều kiện đề nghị quyết được thông qua;
 - m) Thông báo kết quả kiểm phiếu;
 - n) Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - o) Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
 - p) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - q) Các vấn đề khác.
2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm các nội dung chính sau đây:
- a) Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản;
 - b) Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
3. Công ty phải tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và các quy định nội bộ của công ty. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Công ty không được hạn chế cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông, phải tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc uỷ quyền đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông hoặc bỏ phiếu bằng thư bảo đảm khi cổ đông có yêu cầu. Công ty phải hướng dẫn thủ tục uỷ quyền và lập giấy uỷ quyền cho các cổ đông theo quy định.
4. Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm, thời gian họp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ công ty và khoản 5 Điều 140 Luật doanh nghiệp;
5. Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
6. Hàng năm công ty phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội cổ đông khi xét thấy vì lợi ích công ty trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 của Luật Doanh Nghiệp.

Điều 7. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- 1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- 2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị.
- 3. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội

đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

4. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác.
5. Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 8. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 172 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
2. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát.
3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty.
4. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
5. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của công ty
6. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.

CHƯƠNG V: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 9. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.
2. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính; lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty và có xét yếu tố về giới tính; đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành.

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của công ty tối thiểu là 01 thành viên

3. Công ty cần hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Điều 10. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.
 - c) Thành viên Hội đồng quản trị của công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác;
 - d) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.
2. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.

Điều 11. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 34 Điều lệ Công ty.
2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng, giao dịch quy định tại điều 54 Điều lệ công ty

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị có nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 36 Điều lệ công ty.

Điều 13. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Bầu Chủ tịch HĐQT:

Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT: trường hợp chủ tịch HĐQT không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng thì sẽ bị Hội đồng quản trị bãi nhiệm chức vụ chủ tịch Hội đồng quản trị. Trong cuộc họp bãi nhiệm chủ tịch, các thành viên còn lại bầu một thành viên khác thay thế chủ tịch để điều hành Hội đồng quản trị.
3. Miễn nhiệm chủ tịch HĐQT:

Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 32 Điều lệ Công ty;
- Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty

Điều 14. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền

1. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì việc ủy quyền bằng văn bản cho thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Là người thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị thực thi các quyền được ủy quyền khi Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt.
 - b) Ký các văn bản được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền.
 - c) Trực tiếp phụ trách một số công việc cụ thể do Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công và ủy quyền.
 - d) Có quyền từ chối nhận ủy quyền khi xét thấy có những điều trái với pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 15. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các trách nhiệm, nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của công ty.
2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty.
3. Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty.
4. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.
5. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan.
6. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Điều 270 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
7. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty; Thư ký công ty.
8. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người phụ trách quản trị công ty và người quản lý khác của công ty.
9. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 280 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
10. Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua

Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý 01 lần theo trình tự được quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Việc tổ chức họp Hội đồng quản trị, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng, Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 17. Tiền lương, thù lao, thưởng và các khoản lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, thưởng và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phân vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
4. Các quy định khác theo quy định tại Điều 35 Điều lệ công ty.

Điều 18. Thư ký công ty

1. Để hỗ trợ cho hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật. Thư ký công ty không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.
2. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký công ty quy định tại Khoản 4, Điều 36 Điều lệ Công ty.

Điều 19. Các trường hợp phải triệu tập họp HĐQT bất thường

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
 - b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành của Hội đồng quản trị.
2. Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Điều 20. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên HĐQT

1. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận
2. Việc ủy quyền phải bằng văn bản và phải được gửi đến Chủ tịch HĐQT trước khi khai mạc cuộc họp.

Điều 21. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f) Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
 - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty

Điều 22. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

CHƯƠNG VI: BAN KIỂM SOÁT

Điều 23. Số lượng, tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát là 03 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
2. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Thành viên Ban kiểm soát là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật và Điều lệ công ty cấm làm thành viên Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát phải là người có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm. Thành viên Ban kiểm soát có thể không phải là cổ đông của công ty.
3. Thành viên Ban kiểm soát có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
 - b) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng;
 - c) Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;
 - d) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
 - e) Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
 - f) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp
 - g) Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều này;
 - Có đơn từ chức và được chấp thuận.
 - h) Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

- Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 24. Quyền và nghĩa vụ của Thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát có các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành công ty khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của Thành viên Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Công ty có thể hướng dẫn quy định về hoạt động và thực thi nhiệm vụ của Thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 25. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp, Điều 48 Điều lệ công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt một công ty kiểm toán được chấp thuận hoặc danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; bãi miễn kiểm toán viên được hấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời hạn 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 9 Quy chế này

Điều 26. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các Thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Thành viên Ban kiểm soát.

2. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Thành viên Ban kiểm soát quan tâm.

Điều 27. Tiền lương, thù lao, thưởng và các khoản lợi ích khác của Thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

Điều 28. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác;
 - e) Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của công ty;
 - f) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG VII: BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 29. Thành phần và tiêu chuẩn của người điều hành

1. Bộ máy điều hành của Công ty bao gồm Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng.

2. Giám đốc và Phó Giám đốc phải có tiêu chuẩn sau:
 - a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.
 - c) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ.
3. Kế toán trưởng của Công ty phải có điều kiện và tiêu chuẩn sau:
 - a) Có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ bậc đại học trở lên;
 - b) Thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là hai năm;
 - c) Phải có chứng chỉ qua lớp bồi dưỡng kế toán trưởng.
 - d) Các điều kiện, tiêu chuẩn khác theo quy định tại luật kế toán và pháp luật có liên quan.

Điều 30. Quyền hạn và nhiệm vụ của người điều hành

1. Giám đốc là người điều hành cao nhất mọi hoạt động của Công ty; có toàn quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty theo quy định trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và pháp luật về việc điều hành hoạt động của Công ty và việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giám đốc có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 42 Điều lệ công ty.
2. Trừ các hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại Điều 60 Điều lệ công ty thì:
 - a) Giám đốc công ty có quyền quyết định đầu tư, bán số tài sản có giá trị nhỏ hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - b) Giám đốc Công ty quyết định việc phê duyệt, ký kết hợp đồng, giao dịch theo quy định tại Điều 55 Điều lệ Công ty.
3. Phó Giám đốc là người giúp việc của Giám đốc trong việc quản lý điều hành một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công, ủy quyền của Giám đốc, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Giám đốc phân công, ủy quyền.
4. Kế toán trưởng giúp Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, tài chính của Công ty, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định tại Điều 44 Điều lệ công ty.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

Điều 31. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Giám đốc

1. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

2. Sau khi có Quyết định miễn nhiệm Giám đốc, Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm yêu cầu Giám đốc bàn giao công việc và giải quyết các vấn đề tồn đọng để tiến tới ký biên bản thanh lý hợp đồng lao động với giám đốc.

Điều 32. Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc

Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và thực hiện theo quy chế liên quan tới lĩnh vực tiền lương do Hội đồng quản trị ban hành .

Tiền lương, lợi ích của khác của Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG VIII: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 33. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch của các đối tượng nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán

Điều 34. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện.

2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của công ty và gây tổn hại cho lợi ích của công ty thông qua việc kiểm soát các giao dịch, mua bán, giá cả hàng hóa và dịch vụ của công ty.
3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của công ty.

Điều 35. Giao dịch với cổ đông, người quản lý công ty và người có liên quan của các đối tượng này

1. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.
2. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.
3. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp sau đây:

Công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty; đồng thời tổ chức là người có liên quan không phải là cổ đông của công ty đại chúng theo quy định tại khoản 2 Điều 293 nghị định 155/2020/NĐ-CP.

4. Công ty chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận theo quy định tại Điều 53 Điều lệ Công ty.
5. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại Điều 54 Điều lệ Công ty.

Điều 36. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty

1. Công ty phải thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và người có quyền lợi liên quan đến công ty theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty.
2. Công ty phải tuân thủ các quy định pháp luật về lao động, môi trường và xã hội.

CHƯƠNG IX: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 37. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Ngoài ra, công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.
2. Cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư được tiếp cận một cách công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 38. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời.
2. Công ty phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có thay đổi nội dung thông tin đã công bố, công ty phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
3. Khi công bố thông tin, công ty phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và tổ chức nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố.
4. Việc công bố thông tin của công ty phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện.
5. Công ty có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Nội dung công bố thông tin

1. Công ty phải công bố thông tin định kỳ về một hoặc một số nội dung sau đây:
 - a) Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận;
 - b) Báo cáo thường niên;
 - c) Báo cáo tình hình quản trị công ty;
 - d) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên;
 - e) Thông tin khác theo quy định của pháp luật.
2. Công ty phải công bố thông tin bất thường khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
 - a) Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;
 - b) Tạm ngừng kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động
 - c) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của pháp luật;
 - d) Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;
 - e) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp, giải thể doanh nghiệp; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty; thành lập, giải thể công ty con, công ty liên kết, giao dịch dẫn đến một công ty trở thành hoặc không còn là công ty con, công ty liên kết; thành lập, đóng cửa chi nhánh, văn phòng đại diện;

- f) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng; kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính; ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của tổ chức kiểm toán đối với báo cáo tài chính; việc lựa chọn hoặc thay đổi công ty kiểm toán;
 - g) Thay đổi, bổ nhiệm mới người nội bộ;
 - h) Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét;
 - i) Có quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế, bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật liên quan đến hoạt động của công ty; thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;
 - j) Có quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty;
 - k) Được chấp thuận hoặc bị hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài;
 - l) Sự kiện khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
3. Công ty phải công bố thông tin theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
- a) Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
 - b) Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

Điều 40. Báo cáo và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động công ty

Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin về việc thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động trong thời hạn 24 giờ kể từ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định thay đổi.

Điều 41. Báo cáo và công bố thông tin về quản trị công ty

- 1. Công ty phải báo cáo về tình hình quản trị công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
- 2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty định kỳ 06 tháng theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Điều 42. Công bố thông tin về thu nhập của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc

Tiền lương của từng thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Giám đốc và người quản lý khác phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 43. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 33 Quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về giao dịch trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa công ty với công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
2. Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc cổ đông lớn.

Điều 44. Tổ chức công bố thông tin

1. Công ty phải xây dựng và ban hành quy chế về công bố thông tin của công ty theo quy định tại Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.
2. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin của công ty có trách nhiệm sau:
 - a) Công bố các thông tin của công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - b) Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông liên hệ.

CHƯƠNG X: GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 45. Giám sát về quản trị công ty

1. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thực hiện giám sát nội dung liên quan đến quản trị công ty của các công ty theo quy định của pháp luật.
2. Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện quy định quản trị công ty quy định tại Quy chế này.
3. Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, chính xác các thông tin, tài liệu, dữ liệu liên quan đến hoạt động quản trị công ty của công ty và giải trình các sự việc liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
4. Trường hợp công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan không tuân thủ quy định tại khoản 3 Điều này bị xử lý theo quy định pháp luật.

Điều 46. Xử lý vi phạm

Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan vi phạm quy định về quản trị công ty bị xử phạt theo quy định tại Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và Nghị định 128/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán

CHƯƠNG XI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 47. Sửa đổi bổ sung

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị soạn thảo, xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của

pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

Điều 48. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm XI chương, 48 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phụ tùng Máy số 1 thống nhất thông qua ngày tháng năm và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế quản trị Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty hoặc người được uỷ quyền.
3. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và cá nhân, tổ chức khác có liên quan của Công ty cổ phần Phụ tùng Máy số 1 chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

NGÔ VĂN THÁI

PHỤ LỤC 1: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG, HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN HOẶC BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TIẾP KẾT HỢP VỚI TRỰC TUYẾN

(Ban hành kèm theo Quy chế Quản trị Công ty ngày tháng năm của Công ty Cổ phần Phụ tùng Máy số 1)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Phụ lục này quy định về trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, bao gồm nội dung chính sau:
 - a) Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - c) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;
 - d) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông (người có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông; quy định về kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp);
 - f) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;
 - h) Điều kiện tiên hành;
 - i) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - j) Cách thức bỏ phiếu;
 - k) Cách thức kiểm phiếu;
 - l) Điều kiện đề nghị quyết được thông qua;
 - m) Thông báo kết quả kiểm phiếu;
 - n) Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp);
 - o) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
 - p) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm các nội dung chính sau đây:
 - a) Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản;
 - b) Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
3. Công ty ban hành quy định trên cơ sở tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác thực hiện, tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

Điều 3. Thẩm quyền triệu tập họp đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp tại lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo

quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ công ty:

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều 22 Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều 22 Điều lệ công ty; Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 4. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Công ty thực hiện công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 5. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Công ty phải báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch), báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Công ty phải báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch), báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày Đăng ký cuối cùng dự kiến.

Điều 6. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

1. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
2. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường họp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát;
3. Phiếu biểu quyết;
4. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
5. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 7. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g) Các công việc khác phục vụ đại hội.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Quy chế này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này;

- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ công ty;
 - c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông,
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 8. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông là cá nhân có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp.

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
 - a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Để đảm bảo cho công tác tổ chức Đại hội được thuận lợi, Cổ đông gửi xác nhận tham dự, giấy ủy quyền (nếu có) tới Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông muộn nhất 03 (ba) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp. Khi đến tham dự cuộc họp, cổ đông phải mang theo Giấy tờ pháp lý của cá nhân (như được quy định trong Điều lệ), Thông báo mời họp, Giấy xác nhận tham dự họp hoặc giấy ủy quyền dự họp.
2. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
3. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.
4. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa

không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 10. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 11. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bao gồm các hình thức sau:

1. Cổ đông có quyền dự họp biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
2. Cổ đông có quyền dự họp biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
3. Cổ đông có quyền dự họp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
4. Cổ đông có quyền dự họp gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
5. Thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 12. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai. Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Thẻ biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại Đại hội.

Điều 13. Cách thức bỏ phiếu và kiểm phiếu:

Cách thức bỏ phiếu: Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, các ý kiến biểu quyết của cổ đông sẽ được tập hợp theo các phương án: Tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không ý kiến theo từng vấn đề biểu quyết được Ban kiểm phiếu thông báo sau khi Ban kiểm phiếu hoàn thành xong việc Kiểm phiếu.

Điều 14. Cách thức kiểm phiếu:

1. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
2. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ thu thẻ biểu quyết đã phát cho các cổ đông có quyền dự họp theo thứ tự số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định, ghi nhận kết quả;
3. Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận, thống kê.
4. Công bố kết quả kiểm phiếu: Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
5. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 15. Lập Biên bản Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

4. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Điều 16. Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Công ty phải công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán trong thời hạn 24 giờ kể từ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 17. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định sở hữu từ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; Trường hợp này Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được coi là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
 - b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.
2. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
3. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 18. Thẻ thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Ngoại trừ các nội dung, vấn đề phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 174 Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
2. Trình tự thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:
 - a) Chuẩn bị tài liệu:

Hội đồng quản trị phải chuẩn bị: Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Điều lệ công ty.

- ❖ Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - + Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - + Mục đích lấy ý kiến;
 - + Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - + Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - + Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - + Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - + Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị
- b) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng Văn bản

Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền biểu quyết để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức xin ý kiến cổ đông bằng văn bản, tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng

c) Gửi tài liệu và phiếu lấy ý kiến cho cổ đông

Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông.

Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

d) Nhận phiếu lấy ý kiến gửi về của cổ đông

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

- + Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- + Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

e) Kiểm phiếu và Lập biên bản kiểm phiếu

- ❖ Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

- ❖ Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - + Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - + Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - + Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - + Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - + Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - + Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu...
- ❖ Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

f) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

g) Thông báo kết quả kiểm phiếu

Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

h) Lưu tài liệu

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 19. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến:

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến thực hiện tương tự quy định tại Điều 3 Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế này.

2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

a) Việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp cuộc họp được tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến thực hiện tương tự quy định tại Điều 4 và Điều 5 Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế này.

b) Việc thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến thực hiện theo quy định tại Điều 6 Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế này. Thông báo mời họp phải quy định rõ cách thức đăng ký và tham dự họp trực tuyến, cách thức bỏ phiếu điện tử và phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận.

c) Thông báo mời họp có thể bao gồm tên đăng nhập, mật khẩu để cổ đông đăng nhập vào hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến, tham dự và biểu quyết đối với các vấn đề cần thông qua tại Đại hội cổ đông

Khi nhận được thư mời họp có thông tin liên quan đến việc đăng nhập vào hệ thống và các yêu cầu tố định danh khác, cổ đông phải chịu trách nhiệm bảo mật thông tin của mình để đảm bảo chỉ có cổ đông mới có quyền tham dự và bỏ phiếu trên hệ thống. Công ty sẽ hỗ trợ tối đa trong việc đảm bảo cho cổ đông được tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nhưng không chịu trách nhiệm đối với những vấn đề phát sinh do cổ đông làm mất thông tin đăng nhập.

d) Cổ đông có nghĩa vụ cung cấp thông tin cá nhân và địa chỉ cho Công ty theo quy định tại Điều lệ công ty. Đồng thời, để bảo mật thông tin cá nhân cho cổ đông, Công ty có thể yêu cầu cổ đông cung cấp lại thông tin cá nhân, tối thiểu bao gồm: Số điện thoại di động, hòm thư điện tử (địa chỉ email), địa chỉ thường trú hoặc tạm trú (địa chỉ liên lạc).

Công ty có thể gửi thông tin tên đăng nhập và mật khẩu để cổ đông tham dự và biểu quyết như đã đề cập tại Điểm c Khoản này cho cổ đông thông qua hòm thư điện tử hoặc hình thức khác theo thông tin đăng ký của cổ đông.

3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

a) Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông (nếu có) tham dự họp thông qua hình thức hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến để thực hiện đăng ký tham dự họp. Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông một (01) tên đăng nhập kèm mật khẩu tương ứng để truy cập vào hệ thống nêu trên. Hướng dẫn cụ thể sẽ được ghi trong thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

b) Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông (nếu có) có thể đăng ký tham dự họp trực tiếp (trong trường hợp tổ chức ĐHĐCĐ theo hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến) theo quy định tại Điều 9 Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế này và theo hướng dẫn ghi trong thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

4. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến được thực hiện theo quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty và những cách thức được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến được tiến hành khi đáp ứng các quy định tại Điều 26 Điều lệ Công ty.

6. Cách thức biểu quyết, kiểm phiếu, và thông báo kết quả kiểm phiếu

a) Cách thức bỏ phiếu, thực hiện biểu quyết, bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến sẽ được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.

b) Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến quy định tại điểm a khoản 3 Điều này để thực hiện biểu quyết/ bầu cử. Khi cổ đông tiến hành bỏ phiếu điện tử, số ý kiến “Tán thành”, "Không tán thành”, “Không có ý kiến" đối với từng nội dung biểu quyết và số phiếu bầu cử cho từng ứng viên được ghi nhận trên hệ thống bỏ phiếu điện tử. Trong trường hợp tổ chức Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến, những cổ đông dự họp trực tiếp thực hiện biểu quyết theo cách thức quy định tại Điều 13 Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế này. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm kiểm phiếu và tổng hợp kết quả biểu quyết, bầu cử của tất cả các cổ đông dự họp.

c) Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa hoặc trưởng ban kiểm phiếu công bố ngay sau khi có kết quả kiểm phiếu

7. Hình thức và điều kiện để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Hình thức và điều kiện để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tuân thủ quy định tại Điều 28 Điều lệ Công ty.

8. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Việc lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo Điều 15 Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế này.

9. Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Việc công bố nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện tương tự quy định tại Điều 16 Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế này.

10. Cách thức phản đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông

Cách thức phản đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp với trực tuyến thực hiện theo quy định tại Điều 17 Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế này.

11. Hiệu lực của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến có giá trị tương đương nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp và có hiệu lực theo quy định tại Điều lệ Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

NGÔ VĂN THÁI

PHỤ LỤC 2: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Ban hành kèm theo Quy chế Quản trị Công ty ngày tháng năm 2026 của Công ty Cổ phần Phụ tùng Máy số 1)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Phụ lục này quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm nội dung chính sau:
 - a) Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị;
 - b) Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị;
 - c) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
 - e) Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị;
 - f) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Đối tượng áp dụng

Phụ lục này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đề cử, ứng cử bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu, ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e) Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của công ty;
 - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty.
Công ty phải đảm bảo cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Các ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị, có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên thì được đề cử đủ số

lượng thành viên Hội đồng quản trị. Việc đề cử ứng viên Hội đồng quản trị mà các cổ đông sau khi gộp số quyền biểu quyết có quyền đề cử phải thực hiện theo các biểu mẫu mà Công ty cung cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 3. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều 10 Quy chế quản trị công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

Điều 4. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
 - b) Trường hợp khác theo quy định của điều lệ công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 5. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết (số lượng ứng viên phải bằng hoặc lớn số lượng thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông đã thông qua để bầu cử tại cuộc họp), trong thời hạn 03 ngày trước thời điểm tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên, ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải được đa số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết thông qua. Danh sách ứng viên Hội đồng quản trị sẽ được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

NGÔ VĂN THÁI

PHỤ LỤC 3: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Ban hành kèm theo Quy chế Quản trị Công ty ngày tháng năm 2026 của Công ty Cổ phần Phụ tùng Máy số 1)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Phụ lục này quy định về trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị, bao gồm nội dung chính sau:
 - a) Thông báo họp Hội đồng quản trị (gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu liên quan và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp);
 - b) Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị;
 - c) Cách thức biểu quyết;
 - d) Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - e) Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị;
 - f) Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị.
2. Công ty ban hành qui định trên cơ sở tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Phụ lục này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức họp Hội đồng quản trị.

Điều 3. Quy định về cuộc họp đầu tiên

Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 4. Triệu tập họp và thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của công ty hoặc ở nơi khác.
2. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
 - b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;
 - d) Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử, điện thoại hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 5. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) trở lên tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận dự họp.
2. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản 1, Điều này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc người đại diện nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận dự họp.

Điều 6. Cách thức biểu quyết

1. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể tham gia biểu quyết khi:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp khi được đa số các thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải được đựng trong phong bì dán kín được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị ít nhất 01 giờ trước giờ khai mạc, và phong bì đựng phiếu biểu quyết của thành viên đó được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
2. Các cuộc họp Hội đồng quản trị quyết định những vấn đề sau đây cần sự có mặt trực tiếp của các thành viên Hội đồng quản trị:
 - a) Phê chuẩn kế hoạch chiến lược và kế hoạch kinh doanh của Công ty.
 - b) Bầu chọn Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 - c) Bãi nhiệm Giám đốc và bổ nhiệm Giám đốc mới.
 - d) Tái tổ chức hoặc giải thể công ty.

- e) Tăng vốn điều lệ và phát hành cổ phiếu.
- 3. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- 4. Theo quy định tại khoản 6 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

Điều 7. Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị

- 1. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.
- 2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 8. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị

- 1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - c) Thời gian, địa điểm họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua;
 - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực.
- 2. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
- 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 9. Thông báo Nghị quyết Hội đồng quản trị

Nghị quyết Hội đồng quản trị sẽ được thông báo và công bố theo quy định tại Điều lệ công ty và quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Nghị quyết Hội đồng quản trị sẽ được thông báo đến Ban kiểm soát và Giám đốc công ty trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày được thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

NGÔ VĂN THÁI

PHỤ LỤC 4: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

(Ban hành kèm theo Quy chế Quản trị Công ty ngày tháng năm 2026 của Công ty Cổ phần Phụ tùng Máy số 1)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Phụ lục này quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát, bao gồm nội dung chính sau:
 - a) Tiêu chuẩn thành viên Thành viên Ban kiểm soát,
 - b) Cách thức đề cử người và ứng cử vào vị trí Thành viên Ban kiểm soát của cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - c) Cách thức bầu Thành viên Ban kiểm soát;
 - d) Các trường hợp miễn nhiệm hay bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát;
 - e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát.
2. Công ty ban hành quy định trên cơ sở tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Phụ lục này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đề cử, ứng cử bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát.

Điều 3. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát

1. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, việc ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại các Khoản 1, 2, 3 Điều 2 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quy chế này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, trong thời hạn 03 ngày trước thời điểm tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên, ứng viên do Ban kiểm soát giới thiệu phải được đa số Thành viên Ban kiểm soát biểu quyết thông qua. Danh sách ứng viên Thành viên Ban kiểm soát sẽ được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

Điều 4. Cách thức bầu Thành viên Ban kiểm soát

Việc bầu Thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu tương tự việc bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 3 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quy chế này.

Điều 5. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Thành viên Ban kiểm soát;
 - d) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
3. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát sẽ được công bố theo quy định tại Điều lệ công ty và quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

NGÔ VĂN THÁI

PHỤ LỤC 5: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

(Ban hành kèm theo Quy chế Quản trị Công ty ngày tháng năm 2026 của Công ty Cổ phần Phụ tùng Máy số 1)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Phụ lục này quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành công ty, bao gồm nội dung chính sau:
 - a) Các tiêu chuẩn để lựa chọn người điều hành công ty;
 - b) Việc bổ nhiệm người điều hành công ty;
 - c) Ký hợp đồng lao động với người điều hành công ty;
 - d) Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành công ty;
 - e) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành công ty.
2. Công ty ban hành qui định trên cơ sở tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, người điều hành công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty.
3. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty.

Điều 2. Bổ nhiệm Người điều hành công ty

1. Bổ nhiệm Giám đốc:
 - a) Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có quyền đề cử tối đa 01 ứng viên vào vị trí Giám đốc. Thành viên Hội đồng quản trị có thể đề cử chính mình vào vị trí Giám đốc.
 - b) Sau khi tập hợp Danh sách ứng viên bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc, Hội đồng quản trị tổ chức lấy phiếu tín nhiệm trong Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị là ứng viên thì không được bỏ phiếu cho chính mình. Ứng viên trúng cử là người đạt tối thiểu 2/3 phiếu biểu quyết nhất trí của các thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp có nhiều hơn 01 người có cùng số phiếu bầu cao nhất, người trúng cử là người có phiếu bầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Sau cuộc họp bỏ phiếu tín nhiệm, Hội đồng quản trị ra quyết định bổ nhiệm Giám đốc.
2. Bổ nhiệm Phó Giám đốc, Kế toán trưởng:
 - a) Giám đốc căn cứ vào tiêu chuẩn và nhu cầu công việc để đề cử Phó Giám đốc, Kế toán trưởng. Số lượng các Phó Giám đốc tùy thuộc theo nhu cầu công việc, nhưng không quá năm (05) Phó Giám đốc.
 - b) Hội đồng quản trị căn cứ vào đề xuất của Giám đốc, xem xét và ra quyết định bổ nhiệm Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.

Điều 3. Ký hợp đồng lao động với người điều hành công ty

1. Thẩm quyền ký kết hợp đồng lao động:
 - a) Việc ký hợp đồng lao động với Giám đốc do Hội đồng quản trị thực hiện.
 - b) Việc ký kết hợp đồng lao động với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng do Giám đốc thực hiện.

2. Các điều khoản trong hợp đồng lao động với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng không được trái với quy định của pháp luật lao động.

Điều 4. Miễn nhiệm người điều hành công ty

Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng sẽ bị miễn nhiệm:

1. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 25 Quy chế quản trị công ty;
2. Có đơn từ chức;
3. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng khi có lý do vì lợi ích của công ty tuy nhiên không được trái với các quy định trong hợp đồng lao động đã ký kết.

Điều 5. Thông báo bổ nhiệm người điều hành công ty

Việc bổ nhiệm người điều hành công ty sẽ được thông báo và công bố theo quy định tại Điều lệ công ty và quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

NGÔ VĂN THÁI

PHỤ LỤC 6: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

(Ban hành kèm theo Quy chế Quản trị Công ty ngày tháng năm 2026 của Công ty Cổ phần Phụ tùng Máy số 1)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Phụ lục này quy định về trình tự, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc, bao gồm nội dung chính sau:
 - a) Nguyên tắc làm việc;
 - b) Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, Giám đốc;
 - c) Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị, Giám đốc;
 - d) Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Giám đốc và Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
2. Công ty ban hành qui định trên cơ sở tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành phối hợp trong quan hệ công tác theo các nguyên tắc sau:

1. Luôn vì lợi ích chung của Công ty.
2. Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ và các quy định của Công ty.
3. Thực hiện nguyên tắc tập trung, dân chủ, công khai, minh bạch.
4. Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn.

Điều 4. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban điều hành

1. Hội đồng quản trị lãnh đạo và giám sát mọi hoạt động của Giám đốc trên cơ sở tạo mọi điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao.
2. Định kỳ hàng quý và năm, Giám đốc phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh và phương hướng hoạt động trong thời kỳ tới của Công ty cho Hội đồng quản trị.
3. Giám đốc đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị mọi vấn đề có liên quan tới hoạt động điều hành của Công ty. Giám đốc không đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị được mời tham dự (không biểu quyết) các cuộc họp Hội đồng quản trị.

4. Các chương trình nghiên cứu, khảo sát, các cuộc đàm phán, ký kết hợp đồng của Công ty có liên quan đến chức năng nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị để cử thành viên Hội đồng quản trị tham dự.

Điều 5. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ với Ban kiểm soát, tạo điều kiện cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho Ban kiểm soát, tôn trọng tư cách khách quan độc lập của Ban kiểm soát.
2. Hội đồng quản trị tạo điều kiện tốt nhất cho các Thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát và phải có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo đề xuất của Ban kiểm soát.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị mời Thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị.
4. Trưởng ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị những vấn đề phát sinh tại các cuộc họp của Ban kiểm soát, mọi biên bản họp Ban kiểm soát phải được gửi tới Hội đồng quản trị.
5. Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện các trường hợp vi phạm của người điều hành theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.
6. Hội đồng quản trị có quyền đề nghị Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra, kiểm toán theo yêu cầu.
7. Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty.
8. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, các Thành viên Ban kiểm soát có thể đề nghị Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
9. Hội đồng quản trị đảm bảo tất cả bản sao các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị cũng như biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ được cung cấp cho Thành viên Ban kiểm soát cùng với việc cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 6. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Ban điều hành

1. Trường hợp xét thấy cần thiết, Ban điều hành có thể mời Trưởng ban kiểm soát hoặc các Thành viên Ban kiểm soát tham dự họp Ban điều hành hoặc các cuộc họp khác và đóng góp ý kiến.
2. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, theo yêu cầu của Trưởng ban kiểm soát, Ban điều hành thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo về tình hình hoạt động của Công ty.
3. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín và hoạt động của Công ty, Ban điều hành cần báo cáo ngay cho Trưởng ban kiểm soát và Thành viên Ban kiểm soát.

4. Ban điều hành chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Trưởng Ban kiểm soát và các Thành viên Ban kiểm soát được tiếp cận các thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất.
5. Các văn bản báo cáo của Ban điều hành trình Hội đồng quản trị phải được gửi đến Thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

NGÔ VĂN THÁI

PHỤ LỤC 7: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

(Ban hành kèm theo Quy chế Quản trị Công ty ngày tháng năm 2026 của Công ty Cổ phần Phụ tùng Máy số 1)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Phụ lục này quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác, bao gồm nội dung chính sau:
 - a) Đánh giá hoạt động;
 - b) Khen thưởng;
 - c) Kỷ luật;
2. Công ty ban hành qui định trên cơ sở tuân thủ đầy đủ về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác.

Điều 3. Đánh giá hoạt động

1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng quản trị và Giám đốc.
2. Trưởng ban kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng Thành viên Ban kiểm soát.
3. Giám đốc chủ trì công tác đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của các người điều hành khác.

Điều 4. Khen thưởng

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát, Giám đốc trình Hội đồng quản trị đề xuất mức khen thưởng đối với cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ.
2. Khen thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội hằng năm. Khen thưởng cho các người điều hành khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.
3. Chế độ khen thưởng:
 - a) Bằng tiền;
 - b) Bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên (nếu có).

4. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng Công ty và các nguồn hợp pháp khác.
5. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể

Điều 5. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát và các người điều hành khác không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy định của Công ty hoặc vi phạm quy định của pháp luật tùy theo tính chất sẽ bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Công ty và Pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại cho Công ty phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

NGÔ VĂN THÁI

**PHỤ LỤC 03: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 THÔNG QUA**

(Đính kèm Tờ trình số/TTr-HĐQT, ngày ... tháng ... năm ...)

Ghi chú:

- Phụ lục này cập nhật các nội dung chính được sửa đổi trong Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua để các cổ đông tiện theo dõi, so sánh.
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị hiện hành” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng **gạch chân, in đậm**.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sửa đổi ” là nội dung **màu đen, in đậm**.
- Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022;
- Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 06 năm 2025
- Luật Chứng khoán là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
- Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;
- Nghị định 155/2020/NĐ – CP là Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11 ngày 9 tháng năm 2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Thông tư 116/2020/TT – BTC là Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số Điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của luật chứng khoán

Quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị hiện hành	Quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sửa đổi	Lý do sửa đổi
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	
1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.	1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán , Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.	Cập nhật đầy đủ các quy định của pháp luật
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	
1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên. 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.	1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên. 2. Hội đồng quản trị phải đảm bảo có tối thiểu 01 thành viên không điều hành 3. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.	Bổ sung theo quy định tại Khoản 79 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	

Quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị hiện hành	Quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>3. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác</p>	<p>3. Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác;</p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 245/2025/NĐ-CP</p>
<p>Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p>	
<p>5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;</p> <p>b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;</p> <p>c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;</p> <p>d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.</p>	<p>5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;</p> <p>b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;</p> <p>c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;</p> <p>d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.</p> <p>e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.</p>	<p>Bổ sung theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và thực tế hoạt động tại Công ty.</p>

Quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị hiện hành	Quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sửa đổi	Lý do sửa đổi
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:	2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:	
Chưa có	g) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 10% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;	Quy định rõ thẩm quyền thông qua quyết định đầu tư và bán tài sản đảm bảo sự nhất quán trong phân cấp
h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác <u>có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1, điểm o, q khoản 2 điều 23 Điều lệ công ty;</u>	i) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác quy định tại Điều 54 Chương X Điều lệ Công ty trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	Bổ sung phù hợp với quy định tại điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP, điều 153 Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 và dẫn chiếu cụ thể tới Điều khoản chi tiết về thẩm quyền quyết định thông qua các giao dịch
k) Quyết định cơ cấu tổ chức, <u>quy chế quản lý nội bộ liên quan đến người quản lý của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</u>	l) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty; Quyết định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị, bộ phận trực thuộc; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện; Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp tại doanh nghiệp khác	Bổ sung nhằm làm rõ thẩm quyền về việc phê duyệt các quyết định

Quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị hiện hành	Quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sửa đổi	Lý do sửa đổi
	theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, trừ các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	
Chưa có	m) Quyết định ban hành, sửa đổi, bổ sung hệ thống quy chế quản lý nội bộ của công ty trong các lĩnh vực trọng yếu, bao gồm: tài chính, đầu tư; quản lý, sử dụng tài sản, quản lý Công nợ, tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;	Bổ sung nhằm làm rõ thẩm quyền về việc phê duyệt các quyết định
n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;	p) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;	Bổ sung nhằm làm rõ thẩm quyền về việc phê duyệt các quyết định
Chưa có	s) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc	Bổ sung thêm quyền hạn của HĐQT và phù hợp với quy định tại điều 153 Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch	Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch	

Quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị hiện hành	Quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>1. Hội đồng quản trị <u>thông qua các giao dịch sau:</u></p> <p>a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác <u>không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này</u></p> <p><u>b) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.</u></p> <p><u>c) Các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:</u></p> <p><u>(i) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;</u></p> <p><u>(ii) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;</u></p>	<p>1. Hội đồng quản trị thực hiện việc phê duyệt, ký kết hợp đồng, giao dịch theo quy định tại Điều 54 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 84 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP</p>

Quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị hiện hành	Quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sửa đổi	Lý do sửa đổi
<u>(iii) Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.</u>		
2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch quy định tại <u>điểm c khoản 1</u> điều này phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.	2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 điều 54 Điều lệ công ty phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.	Sửa đổi dẫn chiếu
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	
1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông <u>sở hữu cổ phần chiếm tỷ lệ từ 5% vốn điều lệ công ty trở lên</u> ; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, <u>trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc</u>	1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên ; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ	Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; khoản 4 Điều 115 Luật Doanh nghiệp được sửa đổi bởi khoản 18 Điều 1 Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15

Quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị hiện hành	Quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p><u>văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</u></p>	<p>sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;</p>	
<p>4. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên</p>	<p>4. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu</p>	<p>Bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 143 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14</p>

Quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị hiện hành	Quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>trang thông tin điện tử của công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p>	<p>khác đối với người dự họp. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p>	
<p><u>Chưa có</u></p>	<p>7. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 5 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p>	<p>Bổ sung theo quy định tại Khoản 3 Điều 142 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14</p>
<p>Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị</p>	
<p>4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp xét thấy cấp bách thì Chủ tịch HĐQT quyết định triệu tập cuộc họp HĐQT bất thường và thông báo qua điện thoại cho các thành viên HĐQT về thời gian, địa điểm cuộc họp. Thông báo bằng hình thức qua điện thoại chỉ được công nhận khi thành viên nhận</p>	<p>4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp xét thấy cấp bách thì Chủ tịch HĐQT quyết định triệu tập cuộc họp HĐQT bất thường và thông báo qua điện thoại cho các thành viên HĐQT về thời gian, địa điểm cuộc họp kết hợp với hình thức gửi thông báo mời họp đính kèm với tài liệu họp qua thư điện tử. Thông báo bằng hình thức qua điện thoại chỉ</p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại điều 157 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14</p>

Quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị hiện hành	Quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sửa đổi	Lý do sửa đổi
cuộc gọi và hai bên trao đổi <u>được thông suốt</u> , hoặc nhận được tin nhắn và đã nhắn tin trả lời.	được công nhận khi thành viên nhận cuộc gọi và hai bên trao đổi, hoặc nhận được tin nhắn và đã nhắn tin trả lời.	
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị	Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị	
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị <u>tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các khoản a,b,c,d,e,f,g,h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.</u>	2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g, h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.	Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 6 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ TÙNG MÁY SỐ 1

Thái Nguyên, ngày ... tháng ... năm 2026

MUC LUC

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị	4
Chương II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	4
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	4
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	4
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	5
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	5
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị	5
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị ...	6
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	7
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ...	8
Chương III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	8
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	8
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch	10
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	10
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.	12
Chương IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	13
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị	13
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị	15
Chương V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	16
Điều 17. Trình báo cáo hằng năm	16
Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	16
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan	17
Chương VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	18
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	18
Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành	19
Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát	19
Chương VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	19
Điều 23. Hiệu lực thi hành	19

**CÔNG TY CỔ PHẦN
PHỤ TÙNG MÁY SỐ 1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thái Nguyên, ngày ... tháng ... năm 2026

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019, sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020, sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 06 năm 2025;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản pháp luật bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Phụ tùng Máy số 1;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số/NQ-DHĐCD ngày ... tháng ... năm 2026;
- Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phụ tùng Máy số 1;
- Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phụ tùng Máy số 1 bao gồm các nội dung sau:

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II . THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên.
2. Hội đồng quản trị phải đảm bảo có tối thiểu 01 thành viên không điều hành
3. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác;
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
 - d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b) Trường hợp khác nếu được quy định tại điều lệ công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên thì được đề cử đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị.

Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị của nhóm cổ đông quy định tại khoản này được thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 10% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - h) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - i) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác quy định tại Điều 54 Chương X Điều lệ Công ty trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - j) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - l) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty; Quyết định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị, bộ phận trực thuộc; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện; Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp tại doanh nghiệp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, trừ các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
 - m) Quyết định ban hành, sửa đổi, bổ sung hệ thống quy chế quản lý nội bộ của công ty trong các lĩnh vực trọng yếu, bao gồm: tài chính, đầu tư; quản lý, sử dụng tài sản, quản lý Công nợ, tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty
 - n) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

- o) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - p) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;
 - q) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - r) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
 - s) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc
 - t) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
 4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị thực hiện việc phê duyệt, ký kết hợp đồng, giao dịch theo quy định tại Điều 54 Điều lệ Công ty.
2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 điều 54 Điều lệ Công ty phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

4. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - c) Phiếu biểu quyết;
 - d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 5 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
 - a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 5 Điều này;
 - b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Điều lệ;
 - c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.
7. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 5 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 5 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
 - b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Trường hợp khác nếu có theo điều lệ công ty.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp xét thấy cấp bách thì Chủ tịch HĐQT quyết định triệu tập cuộc họp HĐQT bất thường và thông báo qua điện thoại cho các thành viên HĐQT về thời gian, địa điểm cuộc họp kết hợp với hình thức gửi thông báo mời họp đính kèm với tài liệu họp qua thư điện tử. Thông báo bằng hình thức qua điện thoại chỉ được công nhận khi thành viên nhận cuộc gọi và hai bên trao đổi, hoặc nhận được tin nhắn và đã nhắn tin trả lời.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
13. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của công ty.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian, địa điểm họp;
 - c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g, h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính;
 - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
 - d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:
 - a) Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
 - b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của công ty;
 - c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;
 - d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty
4. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phụ tùng Máy số 1 bao gồm 7 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2026.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Số: .../TTTr-BKS

Thái Nguyên, ngày ... tháng ... năm 2026



TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Dự thảo sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của
Ban kiểm soát

**Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026
Công ty Cổ phần Phụ tùng Máy số 1**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

Căn cứ Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Phụ tùng Máy số 1 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27/4/2021;

Trên cơ sở yêu cầu cập nhật pháp luật và thực tiễn quản trị, Ban kiểm soát đã thực hiện rà soát, hoàn thiện dự thảo sửa đổi, bổ sung và kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua:

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quy chế Hoạt động của Ban kiểm soát (Chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm Tờ trình này). Dự thảo toàn văn Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát sau sửa đổi đã được công bố chi tiết và đầy đủ trên website Công ty tại địa chỉ: <https://www.futu1.com.vn/>;

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban kiểm soát hoàn thiện và ban hành Quy chế theo nội dung đã được thông qua.

Các quy định của Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Lưu: HĐQT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Đổng Thị Thanh Ngân

**PHỤ LỤC I: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 THÔNG QUA**

(Đính kèm Tờ trình số/TTr-BKS, ngày ... tháng ... năm 2026)

Ghi chú:

- Phụ lục này cập nhật các nội dung chính được sửa đổi trong Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua để các cổ đông tiện theo dõi, so sánh.
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Quy định tại Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát hiện hành” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng **gạch chân, in đậm**.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Quy định tại Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát sửa đổi” là nội dung **màu đen, in đậm**.
- Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022;
- Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 06 năm 2025
- Luật Chứng khoán là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
- Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;
- Nghị định 155/2020/NĐ – CP là Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11 ngày 9 tháng năm 2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Thông tư 116/2020/TT – BTC là Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số Điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của luật chứng khoán

Quy định tại Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát hiện hành	Quy định tại Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát sửa đổi	Lý do sửa đổi
Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát	Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát	
<p>4. Có quyền yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập họp Ban kiểm soát khi xét thấy cần thiết, quyền này phải được thể hiện thông qua văn bản.</p> <p>Kiểm soát viên tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban kiểm soát, tham gia ý kiến đầy đủ, cụ thể về nội dung họp thảo luận. Trong trường hợp Kiểm soát viên vắng mặt phải có ý kiến bằng văn bản về nội dung cần thảo luận thông qua <u>trừ trường hợp vắng mặt có uỷ quyền cho người khác tham gia.</u></p> <p>Kiểm soát viên được Trưởng Ban kiểm soát phân công phụ trách một lĩnh vực nghiệp vụ, sau khi kết thúc quá trình làm việc có văn bản báo cáo tình hình, kết quả kiểm soát trong lĩnh vực được phân công cho Trưởng Ban kiểm soát.</p>	<p>4. Có quyền yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập họp Ban kiểm soát khi xét thấy cần thiết, quyền này phải được thể hiện thông qua văn bản.</p> <p>Kiểm soát viên tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban kiểm soát, tham gia ý kiến đầy đủ, cụ thể về nội dung họp thảo luận. Trong trường hợp Kiểm soát viên vắng mặt phải có ý kiến bằng văn bản về nội dung cần thảo luận thông qua.</p> <p>Kiểm soát viên được Trưởng Ban kiểm soát phân công phụ trách một lĩnh vực nghiệp vụ, sau khi kết thúc quá trình làm việc có văn bản báo cáo tình hình, kết quả kiểm soát trong lĩnh vực được phân công cho Trưởng Ban kiểm soát.</p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp với thực tế dựa trên quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14</p>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ TÙNG MÁY SỐ 1

Thái Nguyên, ngày ... tháng ... năm 2026

MUC LUC

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG.....	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát.....	4
Chương II. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)	4
Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát.....	4
Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát.....	5
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát	5
Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát	5
Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát.....	7
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	7
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	8
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	8
Chương III. BAN KIỂM SOÁT.....	9
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát	9
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	11
Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông	11
Chương IV. CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	12
Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát	12
Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát.....	13
Điều 16. Thông qua quyết định của Ban kiểm soát	14
Chương V. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	15
Điều 17. Trình báo cáo hàng năm	15
Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác	16
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan	16
Chương VI. MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	17
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát.....	17
Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành	17
Điều 22. Mối quan hệ với đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.....	17
Chương VII. KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT.....	18
Điều 23. Khen thưởng, kỷ luật và lợi ích khác của Ban kiểm soát	18
Chương VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	18
Điều 24. Sửa đổi, bổ sung Quy chế và hiệu lực thi hành	18

**CÔNG TY CỔ PHẦN
PHỤ TÙNG MÁY SỐ 1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thái Nguyên, ngày ... tháng ... năm 20...

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019, sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020, sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 06 năm 2025;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản pháp luật bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Phụ tùng Máy số 1.
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số/NQ-DHĐCĐ ngày ... tháng ... năm 2026.
- Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Phụ tùng Máy số 1,
- Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Phụ tùng Máy số 1 bao gồm các nội dung sau:

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên

Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là tổ chức do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, các quy định Pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, Nghị quyết đại hội đồng cổ đông và các quy định tại Quy chế này.

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Có quyền yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập họp Ban kiểm soát khi xét thấy cần thiết, quyền này phải được thể hiện thông qua văn bản.

Kiểm soát viên tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban kiểm soát, tham gia ý kiến đầy đủ, cụ thể về nội dung họp thảo luận. Trong trường hợp Kiểm soát viên vắng mặt phải có ý kiến bằng văn bản về nội dung cần thảo luận thông qua.

Kiểm soát viên được Trưởng Ban kiểm soát phân công phụ trách một lĩnh vực nghiệp vụ, sau khi kết thúc quá trình làm việc có văn bản báo cáo tình hình, kết quả kiểm soát trong lĩnh vực được phân công cho Trưởng Ban kiểm soát.

5. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

6. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân

hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

7. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát ngay khi có thông tin, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 3 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

Ngoài việc đáp ứng các quy định tại điều 51 Điều lệ công ty, Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
3. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Việc bầu Trưởng Ban kiểm soát được thực hiện như sau:

Trưởng Ban kiểm soát sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Ban kiểm soát trong vòng 05 ngày kể từ ngày kết thúc bầu cử Ban kiểm soát nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số.

4. Ngoài các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 47 Điều lệ công ty, Trưởng Ban kiểm soát còn có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Chủ trì xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
- b) Lập chương trình, kế hoạch giám sát, kiểm tra định kỳ (tháng/quý/năm) để Ban kiểm soát thông qua, theo đó Trưởng ban sẽ phân công tổ chức thực hiện.
- c) Thay mặt Ban kiểm soát đề nghị Chủ tịch hội đồng quản trị triệu tập họp hội đồng quản trị, việc đề nghị phải bằng văn bản và nêu những nội dung cuộc họp cần thảo luận.
- d) Trao đổi ý kiến với Chủ tịch hội đồng quản trị, Giám đốc công ty về các nội dung nêu trong báo cáo của Ban kiểm soát trước khi chính thức báo cáo đại hội đồng cổ đông.
- e) Tham dự các cuộc họp của công ty; các phiên họp của hội đồng quản trị, được tham gia thảo luận tại cuộc họp nhưng không được biểu quyết.
- f) Chấp hành các quy định khác của Pháp luật và điều lệ công ty.
- g) Đôn đốc các thành viên Ban kiểm soát trong thực hiện các công việc được phân công và nhiệm vụ;
- h) Triệu tập, chuẩn bị chương trình nội dung các cuộc họp của Ban kiểm soát.
- i) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan đến báo cáo Ban kiểm soát.
- j) Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản, báo cáo thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát, trên cơ sở nội dung đã được các thành viên trong Ban kiểm soát thông qua.
- k) Bảo đảm các thành viên của Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét.
- l) Trường hợp Trưởng Ban kiểm soát đi vắng thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác trong Ban kiểm soát để thực hiện quyền và nhiệm vụ của Trưởng Ban kiểm

soát. Người được Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát, có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên thì được đề cử đủ số lượng thành viên Ban kiểm soát.

Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định tại Điều 4 Phụ lục 4 ban hành kèm theo Quy chế quản trị công ty.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;

- c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác;
 - đ) Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của công ty;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III. BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại

khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp hoặc vi phạm Điều lệ công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán hoặc công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; theo sự uỷ quyền của đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát được quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.
21. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
22. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
23. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
24. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành.
2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.
3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày tiếp theo trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
 - c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.
2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.
 3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được công ty hoàn lại.

Chương IV. CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.
3. Trưởng Ban kiểm soát hoặc người được uỷ quyền phải chuẩn bị các nội dung thảo luận tại cuộc họp.
4. Cuộc họp được coi là họp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên (Kiểm soát viên) dự họp. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp sẽ được tổ chức lại trong thời gian họp lý theo quyết định của Trưởng Ban kiểm soát. Cuộc họp lần thứ hai được tiến hành khi có hơn 1/2 số thành viên (Kiểm soát viên) dự họp.

Kiểm soát viên được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
- b) Uỷ quyền cho một kiểm soát viên; hoặc uỷ quyền cho một người khác – nếu được đa số kiểm soát viên còn lại chấp thuận bằng văn bản.
- c) Gửi phiếu biểu quyết thông qua thư, fax, thư điện tử.
- d) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác.

5. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Trường Ban kiểm soát, thành viên được uỷ quyền làm chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trường Ban kiểm soát vắng mặt) trước cuộc họp.

6. Ban kiểm soát có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề đột xuất, cấp bách của công ty. Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của một trong các đối tượng sau đây:

- a) Trường Ban kiểm soát;
- b) Ít nhất 2/3 số thành viên Ban kiểm soát.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

1. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Trường Ban kiểm soát cử một thành viên lập biên bản cuộc họp. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Biên bản cuộc họp Ban kiểm soát phải có những nội dung sau:

- a) Thời gian, địa điểm họp (*Ghi rõ cuộc họp định kỳ hay bất thường, nếu là bất thường phải ghi rõ lý do, người yêu cầu họp*);
- b) Thành phần tham gia họp;
- c) Những nội dung được đưa ra trao đổi;
- d) Các ý kiến thảo luận theo trình tự diễn biến của cuộc họp
- e) Kết quả biểu quyết (*Ghi rõ: tán thành, không tán thành, không có ý kiến*);
- f) Các vấn đề được thông qua;
- g) Thời gian kết thúc cuộc họp;
- h) Chữ ký của các thành viên dự họp;

3. Biên bản cuộc họp của Ban kiểm soát phải được thông qua ngay sau cuộc họp.

4. Trường Ban kiểm soát quản lý Biên bản cuộc họp và các tài liệu có liên quan; chỉ cung cấp cho các đối tượng được quyền xem theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Thông qua quyết định của Ban kiểm soát

1. Đối với các cuộc họp quan trọng, mỗi kiểm soát viên tham dự cuộc họp sẽ có một phiếu biểu quyết **[theo mẫu]**; trường hợp khác, có thể biểu quyết bằng cách giơ tay. Trường hợp kiểm soát viên nhận ủy quyền từ kiểm soát viên khác sẽ có thêm phiếu biểu quyết của kiểm soát viên ủy quyền.

2. Thành viên BKS có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của Kiểm soát viên khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

3. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của Kiểm soát viên hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của Kiểm soát viên và những nghi ngờ đó không được Kiểm soát viên đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ chuyển tới chủ tọa cuộc họp. Phán quyết của chủ tọa cuộc họp sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ.

4. Biểu quyết đa số: Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được trên 50% số Kiểm soát viên có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên được Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt).

5. Trường hợp Ban kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các Kiểm soát viên tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường nếu:

a) Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến.

b) Số lượng thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng các điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có tiến hành họp Ban kiểm soát;

6. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung cơ bản sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ và tên, địa chỉ liên lạc của Kiểm soát viên;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến;

- e) Phương án biểu quyết: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- f) Thời hạn gửi lại phiếu lấy ý kiến;
- g) Họ và tên, chữ ký của Thành viên Ban kiểm soát.

7. Phiếu lấy ý kiến được gửi bằng một trong cách phương thức sau: bưu điện, thư điện tử, fax và các hình thức khác mà pháp luật không cấm.

8. Kiểm soát viên nhận được phiếu lấy ý kiến phải gửi lại phiếu lấy ý kiến trong thời hạn quy định tại phiếu lấy ý kiến. Trưởng ban kiểm soát có trách nhiệm tổng hợp và lưu giữ các tài liệu liên quan đến qua trình lấy ý kiến.

Chương V. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty khác do công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán hoặc công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; theo sự uỷ quyền của Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát được quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty.

Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Các chi phí này phải nằm trong ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát trừ trường hợp đại hội đồng cổ đông quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI. MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 22. Mối quan hệ với đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị

1. Đối với cổ đông: Ban kiểm soát và các Kiểm soát viên phải luôn coi trọng lợi ích của cổ đông, chịu trách nhiệm trước đại hội đồng cổ đông về việc thẩm định tính chính xác, trung thực của các số liệu, hồ sơ liên quan đến hoạt động của công ty. Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo đại hội đồng cổ đông tại mỗi cuộc họp thường niên và báo cáo các vấn đề có liên quan đến công tác kiểm soát nếu có yêu cầu của đại hội đồng cổ đông, hoặc theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Điều lệ công ty.

2. Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII. KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 23. Khen thưởng, kỷ luật và lợi ích khác của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát được xét khen thưởng theo quy định chung của công ty.
2. Thành viên Ban kiểm soát không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu trung thực, cần trọng sẽ phải chịu trách nhiệm về thiệt hại do mình gây ra. Tùy vào mức độ vi phạm, kiểm soát viên có thể bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
3. Việc kỷ luật Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Quy chế Quản trị công ty.
4. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quy định tại Điều 50 Điều lệ tổ chức và hoạt động công ty.

Chương VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung Quy chế và hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 08 Chương 24 Điều. Quy chế này có và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2026.
2. Những nội dung khác về tổ chức, hoạt động, chế độ làm việc của Ban kiểm soát, nếu chưa được đề cập đến trong Quy chế này, thì được thực hiện theo các quy định có liên quan của Pháp luật, Điều lệ công ty và các văn bản khác của Công ty.
3. Trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.
4. Trong trường hợp có sự thay đổi các quy định của Điều lệ công ty liên quan đến Ban kiểm soát thì Quy chế này cũng phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với các thay đổi trong Điều lệ công ty.
5. Trong quá trình thực hiện mọi ý kiến đề nghị sửa đổi bổ sung quy chế được phản ánh bằng văn bản về Ban kiểm soát để Ban kiểm soát xem xét sửa đổi. Việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quy chế này do Ban kiểm soát soạn thảo và ban hành./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ TÙNG MÁY SỐ 1
BAN KIỂM SOÁT

Dấu
công ty

PHIẾU BIỂU QUYẾT

Tại cuộc họp Ban kiểm soát ngày tháng năm

Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1.			
2.			

Ngày tháng năm

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



**BÁO CÁO KIỂM TRA TƯ CÁCH ĐẠI BIỂU
SỐ TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1 (FUTU1).

Hôm nay, vào hồi.... giờ, ... phút, ngày.....tháng.... năm 2026, tại Hội trường công ty, Đường 3/2, tổ 10, phường Bá Xuyên, tỉnh Thái Nguyên, Ban kiểm tra tư cách đại biểu gồm:

- | | |
|---|------------|
| 1. Ông Lê Anh Tuấn, phó trưởng phòng Kế hoạch | Trưởng ban |
| 2. Ông Nguyễn Văn Hùng, Phó trưởng phòng VPCT | Thành viên |
| 3. Ông Lê Văn Tình, Chuyên viên PTNSTL | Thành viên |

Theo qui định của Pháp luật, Ban kiểm tra tư cách đại biểu đã tiến hành kiểm tra tư cách các đại biểu tới dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 và báo cáo trước Đại hội kết quả đại biểu tham dự như sau:

1. Đại biểu tham dự hợp lệ:

Số lượng Đại biểu tham gia: ...

Số lượng Đại biểu ủy quyền: ...

Đại diện cho: cổ phần

Chiếm:% số cổ phần có quyền biểu quyết

2. Số lượng cổ đông vắng mặt:

Số lượng cổ đông:

Đại diện cho: cổ phần

Chiếm:% số cổ phần có quyền biểu quyết

Căn cứ Luật doanh nghiệp 2020 và Điều lệ FUTU1, Đại hội đồng cổ đông thường niên FUTU1 năm 2026 với thành phần tham dự và tỷ lệ như trên là hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành Đại hội.

Báo cáo kiểm tra tư cách Đại biểu được lập hồi ... giờ ... phút ngày.... tháng ... năm 2026 và đã được báo cáo công khai trước Đại hội.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Website Công ty;
- Lưu: NSTL, TKHQDT.

**TM. BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH ĐẠI BIỂU
TRƯỞNG BAN**

Lê Anh Tuấn



Thái Nguyên, ngày tháng năm 2026

**QUY CHẾ LÀM VIỆC VÀ BIỂU QUYẾT TẠI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1 (FUTU1) đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27 tháng 04 năm 2021;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của FUTU1 được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27 tháng 04 năm 2021.

Để Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của FUTU1 (gọi tắt là Đại hội) diễn ra theo đúng quy định, Ban tổ chức Đại hội đã xây dựng Quy chế làm việc và biểu quyết trong Đại hội như sau:

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Mục đích

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại cuộc họp Đại hội diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp;
- Các Nghị quyết của Đại hội thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội, đáp ứng nguyện vọng, quyền lợi của cổ đông và quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi áp dụng

- **Đối tượng:** Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) tham dự Đại hội đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại quy chế này, Điều lệ của FUTU1 và quy định hiện hành của pháp luật.
- **Phạm vi:** Quy chế này được sử dụng cho Đại hội diễn ra ngày **28/5/2025**.

Điều 3. Thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026

Thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 từ 8 giờ 30 phút, ngày 28 tháng 5 năm 2026.

Điều 4. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết;
- Trường hợp không có đủ số lượng cổ đông cần thiết, trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, người triệu tập họp huỷ Đại hội phải triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội lần thứ nhất. Đại hội triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
- Trường hợp Đại hội họp lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số cổ đông cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, thì Đại hội họp lần thứ ba được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần hai và trong trường hợp này Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 5. Giải thích từ ngữ/từ viết tắt:

- HĐQT: Hội đồng quản trị.
- BKS: Ban kiểm soát.
- FUTU1: Tên viết tắt của Công ty cổ phần Phụ tùng Máy số 1.
- Đại hội: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của FUTU1.
- Cổ đông: Người có cổ phần sở hữu hoặc đại diện.
- BTC: Ban tổ chức.

Chương II NỘI DUNG QUY CHẾ

Điều 6. Đại biểu tham dự Đại hội**1. Điều kiện tham dự Đại hội:**

Các Cổ đông cá nhân hoặc người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức sở hữu cổ phần của FUTU1 có tên trong danh sách cổ đông của FUTU1 tại thời điểm chốt danh sách ngày .../.../2026 đều có quyền tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp Cổ đông là tổ chức có hơn một người đại diện được ủy quyền tham dự thì phải xác định rõ số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

2. Quyền và nghĩa vụ của đại biểu khi tham dự Đại hội

a) Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội cần mang theo các Giấy tờ sau:

- Thông báo mời họp (nếu có);
- Căn cước công dân/CMND;
- Giấy ủy quyền (nếu là người được ủy quyền tham dự Đại hội).

b) Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội phải có mặt đúng thời gian quy định.

c) Trang phục lịch sự, trang trọng, tuân thủ theo yêu cầu của BTC Đại hội.

d) Đăng ký tham dự họp: Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội phải xuất trình đăng ký tham dự họp Đại hội và nhận tài liệu Đại hội gồm: 01 Thẻ biểu quyết (để biểu quyết các vấn đề chung của Đại hội), 01 Phiếu biểu quyết (để biểu quyết thông qua các Báo cáo, Tờ trình tại Đại hội).

đ) Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội.

e) Đại biểu tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tịch đoàn. Phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung Chương trình Đại hội đã được thông qua. Những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp.

f) Tham gia biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp.

g) Đại biểu đến dự Đại hội sau khi đã nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua Đại hội sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.

h) Trong thời gian tiến hành Đại hội, các đại biểu phải tuân theo sự hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự, không mất trật tự, Điện thoại tắt hoặc để chế độ rung.

i) Những đại biểu đến sau khi cuộc họp khai mạc, sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, được tham dự và tham gia biểu quyết những nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

Điều 7. Đoàn Chủ tịch

1. Thành viên đoàn Chủ tịch

Đoàn Chủ tịch gồm Chủ tọa (là Chủ tịch HĐQT) và các thành viên khác do Đại hội bầu để giúp việc cho Chủ tọa.

2. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn Chủ tịch

a) Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội thông qua;

b) Hướng dẫn các Đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;

c) Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;

d) Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;

e) Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội;

3. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tịch

Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

Điều 8. Ban kiểm tra tư cách Cổ đông dự Đại hội

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên, do HĐQT thành lập và giới thiệu đến Đại hội thực hiện nhiệm vụ;

2. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông:

+ Kiểm tra tư cách của cổ đông hoặc người được ủy quyền đến tham dự Đại hội;

+ Xác định tính hợp lệ theo quy định của pháp luật và đối chiếu với Danh sách cổ đông có quyền dự họp;

+ Phát tài liệu Đại hội và Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết;

+ Báo cáo trước Đại hội và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự trước khi cuộc họp chính thức được tiến hành;

+ Trưởng Ban thẩm tra tư cách cổ đông báo cáo với Đại hội tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện ít nhất trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội được tổ chức tiến hành.

Điều 9. Ban thư ký Đại hội

1. Ban thư ký Đại hội do Đoàn Chủ tịch giới thiệu và được biểu quyết thông qua tại Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban thư ký Đại hội

- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;

- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của Đại biểu;

- Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo Biên bản, Nghị quyết Đại hội thông báo của Đoàn Chủ tịch đến các Cổ đông khi được yêu cầu;

- Hỗ trợ Người đại diện công bố thông tin công bố thông tin liên quan đến Đại hội và thông báo đến các cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ FUTU1;

- Hỗ trợ đoàn Chủ tịch thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

Điều 10. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu do đoàn Chủ tịch giới thiệu (không quá 05 người) và được thông qua tại Đại hội để ghi nhận kết quả kiểm tra khi Đại hội thông qua các vấn đề của đại hội theo hình thức biểu quyết bằng cách giơ thẻ biểu quyết. Các ứng cử viên tham gia ứng cử, đề cử (trong trường hợp thực hiện bầu cử) không được tham gia vào Ban kiểm phiếu.

2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

- Hướng dẫn việc biểu quyết cho cổ đông và người được ủy quyền tham gia Đại hội.

- Chuẩn bị Hòm phiếu, hướng dẫn ghi phiếu, trình tự bỏ phiếu;

- Giám sát việc biểu quyết của các cổ đông hoặc người đại diện tham dự Đại hội;

- Tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung và thông báo kết quả cho đoàn Chủ tịch và Ban thư ký;

- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết (nếu có);

- Thực hiện các việc khác của Ban kiểm phiếu tại Đại hội.

Điều 11. Biểu quyết thông qua Đại hội

1. Tất cả các vấn đề cần biểu quyết trong chương trình và nội dung của Đại hội đều phải được Đại hội thảo luận và thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tham dự Đại hội bằng Thẻ biểu quyết hoặc Phiếu biểu quyết.

2. Hình thức biểu quyết

a) Biểu quyết bằng Thẻ Biểu quyết

Thẻ biểu quyết được phát cho Đại biểu tham dự Đại hội. Trên Thẻ biểu quyết có ghi mã cổ đông, họ tên, số cổ phần sở hữu và/hoặc được ủy quyền có quyền biểu quyết của cổ đông đó. Thẻ biểu quyết được FUTU1 in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho Đại biểu tại Đại hội. Phương thức biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết để thông qua các vấn đề chung của Đại hội, trừ các Báo cáo, Tờ trình theo Phiếu biểu quyết tại Đại hội

b) Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết

Phiếu biểu quyết được phát cho Đại biểu tham dự Đại hội. Trên phiếu biểu quyết và có ghi mã cổ đông, họ tên, số cổ phần sở hữu và/hoặc được ủy quyền có quyền biểu quyết của cổ đông đó. Phiếu biểu quyết được FUTU1 in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho Đại biểu tại Đại hội. Phương thức biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết để thông qua các Báo cáo, Tờ trình tại Đại hội

3. Thẻ thức biểu quyết

a) Phương thức giơ Thẻ biểu quyết

Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, các Đại biểu biểu quyết giơ Thẻ biểu quyết lên cao hướng về phía đoàn Chủ tịch. Biểu quyết được tiến hành bằng cách đoàn Chủ tịch hỏi ý kiến theo trình tự “Tán thành”; “Không tán thành” “Không có ý kiến”;

Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết tán thành, không tán thành và không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán

846
G T
H A I
N G M
0 1
T H A

thành vấn đề đó;

Trường hợp đại biểu Thẻ biểu quyết hơn một lần với một nội dung thì ý kiến cuối cùng của đại biểu sẽ được ghi nhận với nội dung biểu quyết đó. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, thành viên Ban kiểm phiếu đánh dấu mã cổ đông và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông tán thành, không tán thành, không có ý kiến;

Kết quả kiểm phiếu sẽ được công bố ngay tại Đại hội.

b) Phương thức nộp Phiếu biểu quyết

Đại biểu biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết bằng cách lựa chọn một trong ba phương án “Tán thành”; “Không tán thành” “Không có ý kiến” được in trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “V” vào ô tương ứng trong Phiếu biểu quyết theo trình tự “Tán thành”; “Không tán thành” “Không có ý kiến”. sau khi biểu quyết hết các nội dung trong Phiếu biểu quyết, đại biểu ký tên và bỏ Phiếu vào hòm phiếu theo thứ tự yêu cầu của Ban kiểm phiếu. Ban kiểm phiếu thu hồi Phiếu biểu quyết để thống kê kết quả;

Trường hợp đại biểu thay đổi ý kiến biểu quyết thì đại biểu ký nháy vào cạnh ô lấy ý kiến lựa chọn cuối cùng để tránh giả mạo.

Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện tương ứng với một đơn vị biểu quyết.

4. Việc bầu thành viên HĐQT/BKS (nếu có) thực hiện theo quy chế bầu thành viên HĐQT/BKS do FUTU1 ban hành và được Đại hội thông qua.

5. Thông báo kết quả biểu quyết

Sau khi hoàn thành biểu quyết tất cả các nội dung quy định, Ban kiểm phiếu sẽ tiến hành kiểm phiếu và Trưởng ban kiểm phiếu sẽ thông báo trước Đại hội về kết quả kiểm Phiếu biểu quyết và chuyển kết quả biểu quyết cho Ban thư ký ghi vào Biên bản Đại hội.

6. Điều kiện thông qua các vấn đề biểu quyết tại Đại hội

- Tỷ lệ biểu quyết từ nội dung được so với tổng số phiếu có quyền biểu quyết; tổng số phiếu có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội được tính là 100%.

- Nghị quyết về nội dung quyết thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh công ty được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành,

- Nghị quyết về Báo cáo kết quả SXKD, Báo cáo hoạt động của HĐQT, Báo cáo của Ban kiểm soát, Tờ trình Báo cáo tài chính đã kiểm toán, Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức, Tờ trình thù lao HĐQT, Ban KS, Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông được quyền biểu quyết dự họp tán thành;

- Nghị quyết về miễn nhiệm, bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (nếu có) được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành;

- Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát

viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

Điều 12. Hiệu lực của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

Điều 13. Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội

1. Biên bản, Nghị quyết họp Đại hội phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc Đại hội;

2. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội phải được lưu giữ tại Công ty theo quy định.

**Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 14. Quy chế này gồm 03 Chương, 14 Điều do FUTU1 ban hành đã tuân thủ các quy định của pháp luật và là cơ sở để tiến hành Đại hội, được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của FUTU1 và có hiệu lực ngay khi thông qua tại Đại hội này.

- Các cổ đông, người đại diện, khách mời tham dự Đại hội có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các nội dung đã quy định tại quy chế này;

- Các nội dung không được quy định chi tiết tại quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ FUTU1 và các văn bản pháp luật hiện hành.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu VP, TKHĐQT.

Ngô Văn Thái



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ TÙNG MÁY SỐ 1

THẺ BIỂU QUYẾT

MÃ ĐẠI BIỂU

FT1.....

Họ và tên Đại biểu: NGUYỄN VĂN A

Số lượng cổ phần sở hữu: ... cổ phần

Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: ... cổ phần

Tổng số lượng cổ phần biểu quyết: ... cổ phần

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ TÙNG MÁY SỐ 1**



**PHIẾU BIỂU QUYẾT
MÃ ĐẠI BIỂU: FT1.....**



Họ và tên Đại biểu: NGUYỄN VĂN A

Số lượng cổ phần sở hữu: cổ phần

Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: cổ phần

Tổng số lượng cổ phần biểu quyết: cổ phần

(Quý Đại biểu đánh dấu vào ô mình lựa chọn theo từng Nội dung biểu quyết)

NỘI DUNG	Tán thành	Không tán thành	Không ý kiến
Nội dung 01: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2025, kế hoạch SXKD năm 2026	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 02: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 của HĐQT	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 03: Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 04: Tờ trình về việc phê duyệt danh sách đơn vị kiểm toán BCTC năm 2026 của FUTU1	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Tờ trình về việc phê duyệt Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025 và thông qua kế hoạch Quỹ tiền lương, thù lao năm 2026 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 06: Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 07: Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 08: Tờ trình thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và điều chỉnh một số mã ngành nghề kinh doanh theo quy định của Pháp luật	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 09: Tờ trình thông qua các Dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 10: Tờ trình thông qua Dự thảo sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Hướng dẫn

Đại biểu biểu quyết bằng cách lựa chọn MỘT trong các phương án đánh dấu “X” hoặc (V)” vào cột: Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến cho từng nội dung biểu quyết.

Ngày tháng năm 2026

ĐẠI BIỂU

(Ký và ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN
PHỤ TÙNG MÁY SỐ 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../BB-HĐQT

Thái Nguyên, ngày.....tháng năm 2026

DỰ THẢO

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Hôm nay, vào hồi.....giờ, ... phút, ngày tháng năm 2026, tại Hội trường công ty, Đường 3/2, tổ 10, phường Bá Xuyên, tỉnh Thái Nguyên, Ban kiểm tra phiếu biểu quyết gồm các ông/bà có tên sau:

- | | |
|-----------------|------------|
| 1. Ông/bà | Trưởng ban |
| 2. Ông/bà | Thành viên |
| 3. Ông/bà | Thành viên |
| 4. Ông/bà | Thành viên |
| 5. Ông/bà | Thành viên |

Đã tiến hành kiểm phiếu biểu quyết các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty cổ phần Phụ tùng Máy số 1, kết quả như sau:

Số lượng Đại biểu tham gia:...

Số lượng Đại biểu ủy quyền:... Đại diện cho: cổ phần

Chiếm:% số cổ phần có quyền biểu quyết

Tổng số phiếu thu:.....Đại diện cho.....cổ phần

Chiếm.....% số CPBQ dự họp

Tổng số cổ đông không bỏ phiếu:...Đại diện cho: cổ phần

Chiếm.....% số CPBQ dự họp

1. Nội dung 1. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2025, kế hoạch SXKD năm 2026

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết:CP, trong đó.
- Số phiếu tán thành:.....CP, chiếm tỉ lệ% (tỉ lệ quy định trên 50%)
- Số phiếu không tán thành: CP
- Số phiếu không có ý kiến: CP.
- Số phiếu không hợp lệ: CP

Kết luận:.....

2. Nội dung 2: Báo cáo kết quả hoạt động năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 của HĐQT

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết:CP, trong đó.
- Số phiếu tán thành:.....CP, chiếm tỉ lệ% (tỉ lệ quy định trên 50%)
- Số phiếu không tán thành: CP
- Số phiếu không có ý kiến: CP.
- Số phiếu không hợp lệ: CP

Kết luận:

3. Nội dung 3: Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025



Kết quả biểu quyết:

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết:CP, trong đó.
- Số phiếu tán thành:.....CP, chiếm tỉ lệ% (tỉ lệ quy định trên 50%)
- Số phiếu không tán thành: CP
- Số phiếu không có ý kiến: CP.
- Số phiếu không hợp lệ: CP

Kết luận:

4. Nội dung 4: Tờ trình về việc phê duyệt danh sách đơn vị kiểm toán BCTC năm 2026 của FUTU1

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết:CP, trong đó.
- Số phiếu tán thành:.....CP, chiếm tỉ lệ% (tỉ lệ quy định trên 50%)
- Số phiếu không tán thành: CP
- Số phiếu không có ý kiến: CP.
- Số phiếu không hợp lệ: CP

Kết luận:

5. Nội dung 5: Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết:CP, trong đó.
- Số phiếu tán thành:.....CP, chiếm tỉ lệ% (tỉ lệ quy định trên 50%)
- Số phiếu không tán thành: CP
- Số phiếu không có ý kiến: CP.
- Số phiếu không hợp lệ: CP

Kết luận:

6. Nội dung 6: Tờ trình về việc phê duyệt Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025 và Kế hoạch năm 2026 của HĐQT và Ban Kiểm Soát

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết:CP, trong đó.
- Số phiếu tán thành:.....CP, chiếm tỉ lệ% (tỉ lệ quy định trên 50%)
- Số phiếu không tán thành: CP
- Số phiếu không có ý kiến: CP.
- Số phiếu không hợp lệ: CP

Kết luận:

7. Nội dung 7: Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết:CP, trong đó.
- Số phiếu tán thành:.....CP, chiếm tỉ lệ% (tỉ lệ quy định trên 50%)
- Số phiếu không tán thành: CP
- Số phiếu không có ý kiến: CP.
- Số phiếu không hợp lệ: CP

Kết luận:

8. Nội dung 8: Tờ trình thông qua bổ sung ngành nghề kinh doanh và điều chỉnh một số mã ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật

Kết quả biểu quyết:

68-
Y
N
MA
AIW

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết:CP, trong đó.
- Số phiếu tán thành:.....CP, chiếm tỉ lệ% (tỉ lệ quy định trên 50%)
- Số phiếu không tán thành: CP
- Số phiếu không có ý kiến: CP.
- Số phiếu không hợp lệ: CP

9. Nội dung 9: Tờ trình thông qua các Dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết:CP, trong đó.
- Số phiếu tán thành:.....CP, chiếm tỉ lệ% (tỉ lệ quy định trên 50%)
- Số phiếu không tán thành: CP
- Số phiếu không có ý kiến: CP.
- Số phiếu không hợp lệ: CP

10. Nội dung 10: Tờ trình thông qua Dự thảo sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết:CP, trong đó.
- Số phiếu tán thành:.....CP, chiếm tỉ lệ% (tỉ lệ quy định trên 50%)
- Số phiếu không tán thành: CP
- Số phiếu không có ý kiến: CP.
- Số phiếu không hợp lệ: CP

Kết luận:

Biên bản kiểm phiếu biểu quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 được lập xong lúc giờ phút cùng ngày và đã thông qua trước Đại hội Đại hội nhất trí 100%, không có ý kiến khác.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Website Công ty;
- Lưu: TCLĐ, TKHĐQT.

**TM. BAN KIỂM PHIẾU
TRƯỞNG BAN**

Lê Huy Hoàng

CHỮ KÝ THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU

1. Ông/bà.....
2. Ông/bà.....
3. Ông/bà.....
4. Ông/bà.....



Số: BB-ĐHĐCĐ

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO



**BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ TÙNG MÁY SỐ 1**

I. Thông tin doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Phụ tùng Máy số 1 (FUTU1).
- Địa chỉ: Đường 3/2, tổ 10, P. Bá Xuyên, tỉnh Thái Nguyên.
- Mã số doanh nghiệp: 4600358468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 31/12/2008, thay đổi lần thứ 6 ngày 18/08/2025.

II. Thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội

- Thời gian: Từ.....giờ....., ngày tháng..... năm
- Địa điểm: Hội trường FUTU1, đường 3/2, tổ 10, phường Bá Xuyên, tỉnh Thái Nguyên.

III. Thành phần tham dự

- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Ban Giám đốc
- Các cổ đông và người đại diện uỷ quyền của cổ đông FUTU1 (theo danh sách cổ đông chốt tại thời điểm ngày tháng năm 2026)
- Các Đại biểu khách mời tham dự Đại hội.

IV. Cơ cấu nhân sự Đoàn Chủ tịch và các Ban giúp việc tại Đại hội

Cơ cấu nhân sự Đoàn Chủ tịch và các Ban giúp việc tại Đại hội đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, cụ thể như sau:

1. Đoàn Chủ tịch:

- Ông Ngô Văn Thái, Chủ tịch Hội đồng quản trị (HĐQT): Chủ toạ
- Ông Trần Đức Hưng, thành viên HĐQT: Giám đốc Công ty

2. Ban thư ký:

- Ông/bà Trưởng ban
- Ông/bà..... Thành viên

3. Ban kiểm phiếu:

- Ông/bà Trưởng ban
- Ông/bà..... Thành viên
- Ông/bà..... Thành viên

V. Điều kiện tiến hành Đại hội

Ông, Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, tại thời điểm khai mạc vào hồigiờngàytháng năm 2026, cơ cấu cổ đông như sau:

- Tổng số cổ đông của FUTU1 theo danh sách cổ đông chốt ngày/...../ là:cổ đông (trong đó: cócổ đông pháp nhân và cổ đông cá nhân). Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của FUTU1.....cổ phần.

- Tổng số cổ đông và người đại diện được ủy quyền dự họp:, đại diện chocổ phần bằng% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của FUTU1;

- Tất cả các đại diện cổ đông đều đủ tiêu chuẩn tham dự Đại hội.

(có Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông kèm theo)

Theo quy định của pháp luật, Đại hội đủ điều kiện tiến hành.

VI. Nội dung Đại hội

1. Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu và bầu cử đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 FUTU1 nhất trí biểu quyết thông qua.

2. Nội dung chương trình của Đại hội đã được Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% cổ đông có mặt tán thành bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.

3. Quy chế tổ chức Đại hội đã được Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% cổ đông có mặt tán thành bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.

4. Đại hội đã nghe ông/bà trình bày Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2025, kế hoạch SXKD năm 2026 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

5. Đại hội đã nghe ông/bà, trình bày Báo cáo kết quả hoạt động năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 của HĐQT.

6. Đại hội đã nghe ông/bà, trình bày Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025.

7. Đại hội đã nghe ông/bà, trình bày Tờ trình về việc phê duyệt danh sách đơn vị kiểm toán BCTC năm 2026 của FUTU1.

8. Đại hội đã nghe ông/bà, trình bày Tờ trình về việc phê duyệt Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025 và thông qua kế hoạch Quỹ tiền lương, thù lao năm 2026 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

9. Đại hội đã nghe ông/bà, trình bày Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025.

10. Đại hội đã nghe ông/bà, trình bày Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.



11. Đại hội đã nghe ông/bà, trình bày Tờ trình thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và điều chỉnh một số mã ngành nghề kinh doanh theo quy định của Pháp luật.

12. Đại hội đã nghe ông/bà, trình bày Tờ trình thông qua các Dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

13. Đại hội đã nghe ông/bà, trình bày Tờ trình thông qua Dự thảo sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

14. Thảo luận tại Đại hội

14.1. Đại hội đã nghe ý kiến phát biểu của Tổng Công ty máy động lực và máy nông nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần.

14.2. Chủ tọa mời các cổ đông tham gia ý kiến đối với các Báo cáo và Tờ trình tại Đại hội:

15. Đại hội đã biểu quyết thông qua bằng hình thức phiếu biểu quyết với kết quả tán thành đối với các Báo cáo và Tờ trình tại Đại hội như sau:

TT	Nội dung được thông qua	Tỷ lệ tán thành
1	Nội dung 01: Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2025, kế hoạch SXKD năm 2026.	
2	Nội dung 02: Báo cáo kết quả hoạt động năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 của HĐQT.	
3	Nội dung 03: Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025.	
4	Nội dung 04: Tờ trình về việc phê duyệt danh sách đơn vị kiểm toán BCTC năm 2025 của FUTU1.	
5	Nội dung 05: Tờ trình về việc phê duyệt Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025 và thông qua kế hoạch Quỹ tiền lương, thù lao năm 2026 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.	
6	Nội dung 06: Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025.	
7	Nội dung 07: Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.	
8	Nội dung 08: Tờ trình thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và điều chỉnh một số mã ngành nghề kinh doanh theo quy định của Pháp luật.	
	Nội dung 09: Tờ trình thông qua các Dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị	



TT	Nội dung được thông qua	Tỷ lệ tán thành
9	Nội dung 10: Tờ trình thông qua Dự thảo sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát	

(có Biên bản kiểm phiếu biểu quyết kèm theo)

16. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội

Thư ký Đại hội đã đọc toàn văn Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội và được Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự; Đại hội tán thành bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.

Biên bản gồm (....) trang, được lập thành ba (03) bản, lưu Hồ sơ văn kiện Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 một (01) bản, lưu Văn thư một (01) bản, lưu Ban Thư ký Đại hội một (01) bản.

Biên bản và Nghị quyết của Đại hội sẽ được đăng tải trên trang thông tin điện tử của FUTU1 (www.futu1.com.vn) để thông báo đến toàn thể cổ đông.

Đại hội kết thúc vào hồi giờ phút cùng ngày./.

**T/M BAN THƯ KÝ
TRƯỞNG BAN**

**T/M ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

.....

.....



CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ
TÙNG MÁY SỐ 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /NQ-ĐHĐCĐ

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ TÙNG MÁY SỐ 1

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1 (FUTU1) đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27 tháng 04 năm 2021;

Căn cứ Biên bản Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2026 của FUTU1 ngày tháng năm 2026;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của FUTU1.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2025, kế hoạch SXKD năm 2026.

Điều 2. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 của HĐQT.

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025

Điều 4. Thông qua Tờ trình về việc phê duyệt danh sách đơn vị kiểm toán BCTC năm 2026 của FUTU1.

Điều 5. Thông qua Tờ trình về việc phê duyệt Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025 và thông qua kế hoạch Quỹ tiền lương, thù lao năm 2026 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Điều 6. Thông qua Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025.

Điều 7. Thông qua Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.

Điều 8: Thông qua Tờ trình thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và điều chỉnh một số mã ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Điều 9: Thông qua Tờ trình thông qua các Dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

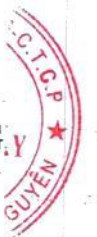
Điều 10: Thông qua Tờ trình thông qua Dự thảo sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm triển khai thi hành Nghị quyết này.

2. Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ thời điểm kết thúc Đại hội.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG. Y
CHỦ TỌA



Ngô Văn Thái